

Số: 1186/BC-CTTT-CNSH

Cần thơ, ngày 02 tháng 7 năm 2014

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH TIÊN TIẾN

Ngành: **Công nghệ Sinh học** (Pha 1), Năm bắt đầu tuyển sinh: 2006-2007

1. Thông tin chung:

- *Tên trường đối tác:* Michigan State University (MSU) thứ bậc xếp hạng (theo ngành, theo trường...) 26/ top 100 USA& Canada, theo bảng xếp hạng 70/100 Top US New.

- *Năm được giao nhiệm vụ:* 2005; năm bắt đầu tuyển sinh: 2006-2007.

2. Tình hình xây dựng các văn bản và kế hoạch liên quan đến triển khai CTTT

- *Về thỏa thuận với trường đối tác: ngày tháng kí thỏa thuận; kết quả chính đã đạt được theo kế hoạch, kết quả cụ thể trong năm 2010, 2011, 2012 và 2013:*

+ Trường ĐHCT đã ký kết MOU (Memorandum of Understanding) với trường đối tác Michigan State University (MSU), Hoa kỳ (30/ 03/ 2006).

+ Hợp đồng tập huấn ngắn hạn cho cán bộ giảng dạy và quản lý của trường ĐHCT sang ĐH Michigan.

+ Kế hoạch và chương trình đào tạo từ khóa 1 (2006-2011): 147 Tín chỉ trong đó có 20 TC (1 học kỳ) bồi dưỡng tiếng Anh tăng cường.

+ Kế hoạch và chương trình đào tạo từ khóa 4 (2009-2014): 120 Tín chỉ trong đó có 20 TC (1 học kỳ) bồi dưỡng tiếng Anh tăng cường. (ĐHCT đã làm giải trình gửi nộp Vụ Giáo dục Đại học, Bộ Giáo dục và Đào tạo năm 2011)

+ Certificates được ký giữa MSU và ĐHCT cho SV tốt nghiệp ra Trường kể từ khóa 1 (K32), Khóa 2 (K33), Khóa 3 (K34) CTTT CNSH và tiếp tục cho các khóa sau.

- *Các văn bản của trường qui định riêng cho CTTT ban hành trong năm 2012 và 2013 về hoạt động đào tạo, giảng viên và người học, hoạt động khoa học và công nghệ, hợp tác quốc tế, phát triển cơ sở vật chất, tài chính ...*

1) Văn bản Về mức học phí áp dụng năm học 2012-2013 (CV số 613/ĐHCT-PTV, ngày 03/05/2012)

2) Văn bản Một số định mức chi tiêu cơ bản cho CTTT (số 586/ĐHCT-CTTT, ngày 24/4/2012).

3) Công văn số 918/BC/CTTT-ĐHCT ngày 13/6/2012, Báo cáo kết quả làm việc của Đoàn công tác của Bộ GD&ĐT về việc kiểm tra CTTT.

- *Tình hình xây dựng kế hoạch đào tạo đối với các khoá trong năm 2013, 2014.*

+ Đã xây dựng kế hoạch đào tạo đầy đủ đối với các khoá trong năm 2013, 2014 (BẢNG 9)

+ Từ khóa 1 (tuyển sinh 2006) đến khóa 3 (TS 2008) (tương ứng với K32 đến K34 của trường): đào tạo theo chương trình 151 tín chỉ (TC) và 1 học kỳ (20 TC) học tiếng

Anh tăng cường (miễn học phí). Khóa 35 sẽ tốt nghiệp và nhận Bằng TN vào tháng 9/2014.

+ Kể từ khóa 4 đến khóa 6 (K35, K36 và K37) áp dụng Chương trình đào tạo xây dựng lại gồm 120 TC và 20 TC tiếng Anh tăng cường (miễn học phí). Theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGD&ĐT ngày 15/8/2007 và Quyết định số 1294/QĐ-ĐHCT, ngày 27/8/2010.

+ Từ khóa 7 (K38, tuyển sinh 2012) về sau, đào tạo theo chương trình 151 TC và 1 học kỳ (20 TC) học tiếng Anh tăng cường (miễn học phí). Theo Công văn số 918/BC/CTTT-ĐHCT ngày 13/6/2012, Báo cáo kết quả làm việc của Đoàn công tác của Bộ GD&ĐT về việc kiểm tra CTTT.

- *Tình hình lập kế hoạch thu thập thông tin của sinh viên tốt nghiệp.*

Thu thập thông tin của sinh viên tốt nghiệp thông qua các kênh sau:

- + Thông qua các bạn cùng lớp cùng khóa cùng CTTT.
- + Thông tin từ gia đình sinh viên (SV) CTTT tốt nghiệp.
- + Email, Trang web CTTT của Viện
- + Các thông tin từ hồ sơ của SV tốt nghiệp để lại.
- + và từ các kênh thông tin khác...

- *Tình hình xây dựng kế hoạch bồi dưỡng cán bộ quản lý và giảng viên năm 2012, 2013 về chuyên môn, nghiệp vụ, tiếng Anh, thời gian, địa điểm (trong nước, ngoài nước), nội dung bồi dưỡng...*

+ Viện đã có kế hoạch phát triển đội ngũ Cán bộ giảng dạy giai đoạn 2008-2015 và Kế hoạch đào tạo cán bộ giảng dạy có trình độ tiến sĩ giai đoạn 2010-2020 (theo kế hoạch chung của nhà trường). Bên cạnh đó, CB giảng dạy và quản lý CTTT cũng luôn được bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ ở nước ngoài thông qua các hoạt động Hợp tác quốc tế, chương trình, dự án...

3. Về thực hiện kế hoạch bồi dưỡng cán bộ quản lý và giảng viên

Tình hình bồi dưỡng cán bộ quản lý, giảng viên tham gia CTTT (chuyên môn, nghiệp vụ, tiếng Anh) ở trường đối tác hoặc ở nước khác từ khi bắt đầu triển khai CTTT: danh sách, thời gian, địa điểm, nội dung bồi dưỡng và đánh giá kết quả bồi dưỡng.

Về Bồi dưỡng giảng viên CTTT:

+ Năm 2009-2010: tập huấn bồi dưỡng cho GV CTTT và GV Đại học Cần Thơ (56 GV), 2 đợt: tuần/đợt

(1) Phát triển kỹ năng giảng dạy và chương trình đào tạo theo hướng học tập tích cực “Teaching and developing curriculum for active and engaged learning”

(2) “Dạy học bằng phương pháp tra cứu”

Giảng viên: Gs. Prof. John M. Dirkx và Prof. Julie L. Brockman, từ trường đối tác Michigan state University, Hoa kỳ.

+ Từ năm 2007 đến 2010 CTTT CNSH ĐHCT đã cử đi bồi dưỡng chuyên môn phương pháp giảng dạy (tiếng Anh) và bồi dưỡng công tác quản lý tổng cộng là 12 lượt cán bộ giảng dạy và quản lý (BẢNG 1, BẢNG 2). Năm 2011-2014 có cử 1 cán bộ quản lý

Bồi dưỡng nghiệp vụ và tập huấn quản lý đánh giá chất lượng đào tạo theo chuẩn AUN tại Thái lan.

BẢNG 1. DANH SÁCH GIẢNG VIÊN CỦA CTTT ĐÃ ĐƯỢC BỒI DƯỠNG, TẬP HUẤN VỀ CHUYÊN MÔN, NGHIỆP VỤ TẠI NƯỚC NGOÀI TỪ KHI BẮT ĐẦU CTTT

TT	Tên giảng viên	Thời gian (Từ ngày ... đến ngày...)	Địa điểm	Nội dung đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn
1	ThS. Phạm văn Hậu	27.01- 27.4.07	MSU	Bồi dưỡng chuyên môn, ngoại ngữ Tập huấn kỹ năng, phương pháp giảng dạy chuyên môn bằng tiếng Anh
2	ThS. Huỳnh N.T.Tâm	27.01 - 27.4.07	MSU	- nt-
3	ThS. Trần T.X. Mai	27.01 - 27.4.07	MSU	- nt-
4	TS. Nguyễn Công Hà	27.01 - 27.4.07	MSU	- nt-
5	ThS. Bùi Tấn Anh	20.8 – 20.11.08	MSU	- nt-
6	TS. Trương T. Ngôn	20.8 – 20.11.08	MSU	- nt-
7	ThS. Nguyễn Thị pha	12.9 - 12.12.10	MSU	- nt-
8	ThS. Huỳnh Xuân Phong	12.9 - 12.12.10	MSU	- nt-
9	SV. Phạm Hồng Quang	12.9 - 12.12.10	MSU	Bồi dưỡng & tập huấn kỹ năng, phương pháp NCKH của đối tác MSU.

BẢNG 2. DANH SÁCH CÁN BỘ QUẢN LÝ CTTT ĐÃ ĐƯỢC BỒI DƯỠNG, TẬP HUẤN VỀ NGHIỆP VỤ TẠI NƯỚC NGOÀI TỪ KHI BẮT ĐẦU CTTT

TT	Tên cán bộ quản lý	Trách nhiệm đối với CTTT	Thời gian (Từ ngày ... đến ngày...)	Địa điểm	Nội dung đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn
1	Lý Thị Bích Thủy	Thành viên BCD	27/01/2007-13/03/2007	MSU	Bồi dưỡng nghiệp vụ và tập huấn quản lý đào tạo, giáo vụ, học chế tín chỉ,..
2	Lý Thị Bích Thủy	Thành viên BCD	18/03/2014-21/03/2014	Thailand	Bồi dưỡng nghiệp vụ và tập huấn quản lý đánh giá chất lượng đào tạo theo chuẩn AUN

4. Cơ sở vật chất phục vụ cho CTTT (chú ý nêu rõ tăng giảm so với năm 2012)

4.1. Lớp học

- Số lớp học dành cho CTTT: 4; Tổng diện tích: 174 m², bình quân 1.4 m²/SV
- Các trang thiết bị: Các phòng học được trang bị máy lạnh, máy tính, đường truyền internet và máy chiếu.

4.2. Phòng làm việc BQL

- Số phòng: 04; Tổng diện tích: 120 m², bình quân 15 m²/CB
- Các trang thiết bị: Phòng làm việc được trang bị máy lạnh, máy in, máy photocopy, điện thoại, mỗi cán bộ đều được trang bị máy tính kết nối internet.

4.3. Phòng làm việc của giảng viên CTTT

- Số phòng: 05; Tổng diện tích: 104 m², bình quân 10 m²/GV
- Các trang thiết bị: Phòng làm việc được trang bị máy lạnh, điện thoại, mỗi cán bộ đều được trang bị máy tính kết nối internet.

4.4. Thư viện

- Số đầu sách, tài liệu liên quan đến ngành CTTT ... 450.....
- Số đầu sách, tài liệu điện tử liên quan đến CTTT100.....
- Kết nối nguồn dữ liệu điện tử liên quan đến CTTT với:
+ Nguồn dữ liệu mở, giáo trình điện tử của trường: <http://www.lrc.ctu.edu.vn/tra-cuu-csdl>

+ Thư viện điện tử của trường đối tác: <http://www.lib.msu.edu/>

+ Các nguồn dữ liệu khác (cụ thể đường dẫn):

- <http://www.lrc.ctu.edu.vn/tra-cuu-csdl/tra-cuu-csdl-tieng-anh>
- <http://www.ctu.edu.vn/institutes/biotech/> (Viện NC&PT Công nghệ Sinh học)
- <http://www.ctu.edu.vn/institutes/biotech/cttt/> (Chương trình tiên tiến Công nghệ Sinh học)
- <http://www.hcmus.edu.vn> (Trường ĐH KH tự nhiên, ĐH Quốc gia Tp HCM)
- <http://www.sofri.ac.vn/english/main.asp> (Viện NC Cây ăn quả miền nam)
- <http://www.clrri.org/> (Viện NC Lúa ĐBSCL)

4.5. Về chuẩn bị chương trình đào tạo, giáo trình, tài liệu học tập:

- Về chương trình đào tạo, đề cương chi tiết các môn học: hợp tác với trường đối tác, trường đại học khác trên thế giới để phát triển CTTT phù hợp với điều kiện Việt Nam và hội nhập quốc tế, nêu rõ những thay đổi trong năm 2013 – 2014:

BẢNG 3. DANH SÁCH GIẢNG VIÊN, CBQL NƯỚC NGOÀI ĐẾN HỢP TÁC, TƯ VẤN VỀ PHÁT TRIỂN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO, CƠ SỞ VẬT CHẤT VÀ QUẢN LÝ CTTT

(Kể từ khi bắt đầu CTTT)

TT	Họ, tên giảng viên, cán bộ quản lý (kèm theo chức danh khoa học, học vị)	GV, CBQL thuộc trường đại học nào	Thời gian làm việc tại Việt Nam (từ ngày ... đến ngày ...)	Nội dung công việc
1	Prof. Terrence L. Marsh (4 đợt)	Michigan State University, USA	* 08-15/12/2006 * 29/9-13/10/2012 * 25/11-25/12/2013 * 10/8-30/9/2014	* Hội thảo CTĐT CNSH-CTTT; Thảo luận hợp tác * Dạy HP “Vi sinh đại cương” cho lớp CNSH-CTTT K.36 * Dạy HP “Vi sinh đại cương” cho lớp CNSH-CTTT K.37 * Dạy HP “Vi sinh đại cương” cho lớp CNSH-CTTT K.38, và dạy thực tập “Vi sinh chuyên sâu” cho lớp CNSH-CTTT K.36
2	Prof. David DeWitt	Michigan State University, USA	08-15/12/2006	Hội thảo CTĐT CNSH-CTTT
3	Prof. John M.Dirx and Prof. Julie L. Brockman	Michigan State University, USA	11- 17/06/09	Teaching and developing curriculum for active and engaged learning
4	Prof. John M.Dirx and Prof. Julie L. Brockman	Michigan State University, USA	02- 12/11/09	“Dạy học bằng phương pháp tra cứu”
5	Prof. E. K. Lee	Kyungwon University, Korea	* 20-21/12/2009 * 06-7/01/2011	* Thảo luận hợp tác; Phỏng vấn SV CTTT cho học bổng MSc. * Thảo luận hợp tác; Phỏng vấn SV CTTT

TT	Họ, tên giảng viên, cán bộ quản lý (kèm theo chức danh khoa học, học vị)	GV, CBQL thuộc trường đại học nào	Thời gian làm việc tại Việt Nam (từ ngày ... đến ngày ...)	Nội dung công việc
				cho học bổng MSc.
6	Dr. C. M. Lengoc	Company of Life Technologies New Zealand Ltd.	26/02-26/03/2014	* Dạy HP “Hóa Protein” cho lớp CNSH-CTTT K.36 * Thảo luận hợp tác dự án FIRST, triển khai sản xuất protein tái tổ hợp (CNSH Y dược).
7	Dr. Kathy Wigal & Dr. Scott Danielson	Arizona State University (dự án HEAP)	12/5/2014.	Mục tiêu và chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo

- Về giáo trình, tài liệu tham khảo phục vụ giảng dạy, học tập:

- + Số học phần có giáo trình của chương trình gốc: 50; Tỷ lệ: 100 %
- + Số tài liệu theo yêu cầu tại đề cương chi tiết môn học: 3TL/ĐC...; Tỷ lệ: 100%.
- + Số sinh viên được cung cấp đủ giáo trình, tài liệu bản cứng:.....; Tỷ lệ 100%.
- + Số sinh viên sử dụng giáo trình file mềm:.....; Tỷ lệ 100%...

- Cũng như các năm trước, các bài thí nghiệm, thực hành theo yêu cầu của chương trình đào tạo: các bài thực hành thí nghiệm sinh viên được thực tập đầy đủ.

Nêu rõ những thay đổi trong năm 2013, 2014.

- Tổ chức cho SV học môn Tin sinh học (bio-informatics) qua mạng do Gs Terence Marsh (điều phối viên của CTTT) giảng dạy qua mạng từ Hoa kỳ ở học kỳ 2 (2013-2014).

Kết quả:

- Đã lên kế hoạch tổ chức cho SV học môn “Thực hành Vi sinh vật nâng cao” (General Microbiology Lab.) vào tháng 9/2014 do Gs Terence Marsh (điều phối viên của CTTT) sang giảng dạy. Tất cả chi phí sẽ do **Chương trình Vietnam Education Foundation (VEF) scholar Hoa kỳ tài trợ.**

- Các bài thí nghiệm, thực hành theo yêu cầu của chương trình đào tạo (bảng 4)

BẢNG 4. DANH SÁCH PHÒNG THÍ NGHIỆM, THỰC HÀNH PHỤC VỤ CTTT

STT	Tên phòng thí nghiệm	Phục vụ các bài thí nghiệm, thực hành	Trang thiết bị chính
1.	Phòng máy tính (Khoa KHTN)	- Thực hành tin học căn bản	Máy tính nối mạng
2.	Phòng thực hành sinh học (Khoa KHTN)	- Thực hành sinh học đại cương 1 - Thực hành sinh học đại cương 2	Kính hiển vi, tủ sấy, tủ ủ ...
3.	Phòng thực hành hóa học (Khoa KHTN)	- Thực hành hóa học đại cương 1 - Thực hành hóa học đại cương 2 - Thực hành hóa học hữu cơ	pH kế, máy ly tâm...
4.	Phòng máy tính (Viện CNSH)	- Thực hành tin sinh học	Máy tính nối mạng internet
5.	Phòng thực hành (Viện CNSH)	- Thực hành vi sinh vật đại cương - Thực hành di truyền học cơ bản	Kính hiển vi, tủ sấy, tủ ủ, nồi khử trùng, tủ lạnh ...
6.	Phòng thí nghiệm enzyme (Viện CNSH)	- Thực hành protein học	Tủ sấy, tủ ủ, nồi khử trùng, pH kế, waterbath, tủ lạnh ...
7.	Phòng thí nghiệm hóa sinh thực phẩm (Viện CNSH)	- Thực hành sinh hóa 1 - Thực hành sinh hóa 2	Tủ sấy, tủ ủ, nồi khử trùng, pH kế, waterbath, tủ lạnh

STT	Tên phòng thí nghiệm	Phục vụ các bài thí nghiệm, thực hành	Trang thiết bị chính
		- Thực hành hóa sinh thực phẩm	...
8.	Phòng thí nghiệm vi sinh thực phẩm (Viện CNSH)	- Thực hành vi sinh thực phẩm - Thực hành lên men thực phẩm	Tủ sấy, tủ ủ, tủ cấy, nồi khử trùng, pH kế, waterbath, tủ lạnh ...
9.	Phòng thí nghiệm sinh học phân tử (Viện CNSH)	- Thực hành sinh học phân tử - Thực hành bộ gen và ứng dụng - Thực hành bộ gen vi sinh vật - Thực hành sinh học phân tử cây trồng - Thực hành CNSH và chọn giống thủy sản - Thực hành CNSH và chọn giống cây trồng	Máy PCR, máy đọc gel, máy giải trình tự, máy ly tâm, Tủ sấy, tủ ủ, tủ cấy, nồi khử trùng, pH kế, waterbath, tủ lạnh ...
10.	Phòng thí nghiệm sinh lý thực vật (Khoa NN&SHƯĐ)	- Thực hành nuôi cấy mô - Thực hành sinh lý thực vật	Tủ sấy, tủ ủ, tủ cấy, nồi khử trùng, pH kế, waterbath, tủ lạnh ...
11.	Phòng thí nghiệm sinh lý động vật (Khoa NN&SHƯĐ)	- Thực hành sinh lý động vật	Tủ sấy, tủ ủ, tủ cấy, nồi khử trùng, pH kế, waterbath, tủ lạnh ...
12.	Phòng thí nghiệm CNSH thực vật (Viện CNSH)	Sinh viên thực hiện luận văn, tiểu luận tốt nghiệp	Tủ sấy, tủ ủ, tủ cấy, nồi khử trùng, pH kế, waterbath, tủ lạnh ...
13.	Phòng thí nghiệm vi sinh vật (Viện CNSH)	Sinh viên thực hiện luận văn, tiểu luận tốt nghiệp	Tủ sấy, tủ ủ, tủ cấy, nồi khử trùng, pH kế, waterbath, tủ lạnh ...
14.	Phòng thí nghiệm vi sinh vật môi trường (Viện CNSH)	Sinh viên thực hiện luận văn, tiểu luận tốt nghiệp	Tủ sấy, tủ ủ, tủ cấy, nồi khử trùng, pH kế, waterbath, tủ lạnh ...
15.	Phòng thí nghiệm công nghệ tế bào (Viện CNSH)	Sinh viên thực hiện luận văn, tiểu luận tốt nghiệp	Tủ sấy, tủ ủ, tủ cấy, nồi khử trùng, pH kế, waterbath, tủ lạnh ...

Số lượng bài tập thí nghiệm, thực hành đã có đáp ứng theo yêu cầu của chương trình đào tạo: 24; Tỷ lệ: 100%.

Các bài tập thí nghiệm về chuyên ngành Công nghệ Sinh học, sinh viên CTTT được đáp ứng đầy đủ theo yêu cầu của CTĐT).

Nêu rõ những thay đổi về thí nghiệm, thực hành, thực tập trong năm 2013, 2014.

- Không thay đổi

5. Về tuyển sinh và tổ chức đào tạo

5.1. Tuyển sinh (đối với các khóa chưa tốt nghiệp)

Hàng năm (từ khóa 2008), Trường bắt đầu kết hợp với Viện Khảo thí Giáo dục Hoa Kỳ thông qua đại diện tại Việt Nam là công ty IIG Việt Nam tổ chức kỳ thi TOEIC cho sinh viên khóa mới trúng tuyển. Căn cứ vào danh sách các ứng viên đăng ký chương trình tiên tiến và kết quả điểm thi TOEIC, Trường xét chọn mỗi khóa khoảng 30-35 sinh viên. Nhưng bắt đầu từ 2012 (khóa 38) trường tổ chức kỳ thi tiếng Anh riêng (như các khóa 1, 2) để tuyển chọn sinh viên (trong danh sách đăng ký) vào học CTTT.

a) Thuận lợi, khó khăn vướng mắc trong công tác tuyển sinh:

- Thuận lợi:

+ Công nghệ sinh học (CNSH) là một trong các ngành khoa học mũi nhọn đang được cả thế giới quan tâm. CNSH phục vụ thiết thực cho các lĩnh vực: nông nghiệp, công nghiệp, môi trường..., CNSH hiện tại thuộc nhóm ngành ưu tiên cùng với CN thông tin.

+ Được sự quan tâm đầu tư của Bộ GD & ĐT và Trường ĐHCT

+ Sinh viên tốt nghiệp có thuận lợi về nhiều mặt vừa có trình độ chuyên môn vừa có trình độ tiếng Anh nên dễ dàng xin việc và có nhiều cơ hội học sau đại học ở nước ngoài.

- Khó khăn:

+ Học phí cao hơn chương trình chính qui khác. (Mỗi đầu khóa thường có vài sinh viên sau khi trúng tuyển vào CTTT nhưng làm đơn xin trở lại ngành ban đầu thi đậu vào vì lo sợ không có khả năng đóng học phí do hoàn cảnh gia đình nghèo)

+ Sinh viên trúng tuyển CTTT nhưng không theo học, do không ổn định tư tưởng, không có lập trường, thiếu tự tin.

b) Số lượng sinh nhập học và biến động qua các năm: Thông kê số sinh viên nhập học CTTT, sự biến động trong các năm tiếp theo, nguyên nhân chính (**bảng 5**).

c) Sinh viên nước ngoài theo học CTTT (nêu rõ thời gian, tổng số SV nước ngoài đến học một số tín chỉ, tổng số số sinh viên đến thực tập, tổng số sinh viên học toàn khóa kể từ khi bắt đầu triển khai CTTT) (**bảng 6**).

- Chưa có, có lẽ sau khi có kết quả kiểm định AUN.

d) Số sinh viên CTTT chuyển sang học tiếp và lấy bằng tốt nghiệp ở nước ngoài: thống kê số sinh viên đã học CTTT tối thiểu 1 học kỳ đã chuyển sang học tiếp lấy bằng tốt nghiệp ở nước ngoài.

- Chưa có

**BẢNG 5. SỐ LƯỢNG SINH VIÊN NHẬP HỌC VÀ BIẾN ĐỘNG QUA CÁC NĂM
(đối với các khóa chưa tốt nghiệp)**

Ngành CTTT: Công nghệ sinh học

Khoá tuyển sinh	Năm 2009	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Ghi chú về lý do biến động
2010		29	25	24	24	25	SV xin thôi học khi trúng tuyển. SV tạm nghỉ học 2 HK
2011			31	31	31	31	
2012				35	32	32	SV xin thôi học khi trúng tuyển
2013					41	39	SV xin thôi học khi trúng tuyển
2014						35	(Số TS dự kiến)
Tổng		29	56	90	128	161	

(Lưu ý: ghi rõ số sinh viên nhập học năm thứ 1 và có mặt ở các năm tiếp theo).

BẢNG 6. DANH SÁCH SINH VIÊN NƯỚC NGOÀI ĐẾN HỌC CTTT TỪ KHI BẮT ĐẦU

Ngành CTTT: Công nghệ Sinh học: Chưa có.

BẢNG 7. SỐ SINH VIÊN CTTT CHUYỂN SANG HỌC TIẾP VÀ LẤY BẰNG TỐT NGHIỆP Ở NƯỚC NGOÀI

Ngành CTTT: Công nghệ Sinh học: Chưa có.

5.2. Tổ chức đào tạo

- *Cách thức triển khai đào tạo (hình thức đào tạo, phương pháp giảng dạy, áp dụng phương pháp đánh giá, kiểm tra và thi kết thúc môn học, ...);*

+ Hình thức đào tạo theo dạng chính quy tập trung, kéo dài 4,5 năm trong đó học kỳ tiếng Anh tăng cường (20TC) được xây dựng vào học kỳ đầu tiên của chương trình đào tạo để đảm bảo tính khả thi cho việc dạy bằng tiếng Anh sau này. Chương trình tiếng Anh được xây dựng gồm các kỹ năng cần thiết như nghe nói, ngữ âm, đọc, viết và kỹ năng thuyết trình.

+ Phương pháp giảng dạy: Lấy sinh viên làm trung tâm, giảng dạy theo tình huống, đặt vấn đề. Giảng viên sẽ dạy tổng quan các vấn đề của môn học, sau đó hướng dẫn sinh viên tìm tài liệu trên internet, sử dụng Power Point trong trình chiếu bài giảng với các hình ảnh minh họa kèm theo và cuối cùng chia nhóm thảo luận theo cụm vấn đề. Với phương pháp này, sinh viên tự chủ về môn học, kích thích tư duy và tăng tính năng động của sinh viên hơn.

Chương trình tiên tiến cũng như các chương trình đào tạo của SV bậc đại học hệ chính quy áp dụng quy chế đào tạo theo học chế tín chỉ theo quy chế 43 của Bộ GD&ĐT, sử dụng hệ điểm chữ A,B,C,D trong đánh giá học phần. Với hệ thống tín chỉ này, giảng viên áp dụng phương pháp giảng dạy mới, tự tổ chức đánh giá học phần mình được phân công, chấm điểm, nhập điểm học phần mình giảng dạy theo hệ thống phần mềm máy tính.

+ Giảng viên sử dụng nhiều loại hình đánh giá kết quả học tập của SV: kiểm tra giữa học kỳ thông qua các hình thức thi, làm bài tập nghiên cứu, seminar, báo cáo chuyên đề, bài tập ở nhà, viết bài thu hoạch sau khi kết thúc học phần, thi cuối khoá... tuân thủ đúng những nguyên tắc sao cho đảm bảo tính nghiêm túc, khách quan, chính xác.

Ngoài ra, Trường có Trung tâm đảm bảo chất lượng và khảo thí và công tác đảm bảo chất lượng được thực hiện từng học kỳ thông qua việc tổ chức lấy ý kiến sinh viên đánh giá học phần. Qua đó để giảng viên và sinh viên rút kết kinh nghiệm nhằm nâng cao chất lượng dạy và học.

- *Việc thực hiện thông báo cho sinh viên, giảng viên về kế hoạch học tập, lịch trình và chương trình đào tạo của toàn khoá học, kế hoạch tổ chức các buổi xemina, hội thảo khoa học...; việc áp dụng các quy định học vụ của chương trình gốc ...*

+ Với hệ thống phần mềm quản lý khá hoàn chỉnh hiện nay, việc thực hiện thông báo cho sinh viên, giảng viên về kế hoạch học tập, lịch trình và chương trình đào tạo của toàn khoá học, kế hoạch tổ chức các buổi seminar, hội thảo khoa học... thuận lợi và nhanh chóng. Mỗi cố vấn học tập có địa chỉ email chung của lớp quản lý, cũng như mỗi giảng viên có địa chỉ email và nhận các thông tin qua email từ các bộ phận quản lý để thực hiện và hướng dẫn sinh viên lớp mình thực hiện. Phần mềm quản lý hiện tại được sử dụng cho tất cả SV đại học trong đó SV chương trình tiên tiến xây dựng kế hoạch học tập toàn khóa trên website và cũng như đăng ký học phần trực tuyến. Điều này tạo thuận lợi hơn trong việc quản lý dữ liệu và thống kê việc lựa chọn học phần của SV đối với các học phần tự

chọn. Từ đó bộ phận quản lý đưa ra học phần tự chọn thích hợp để mở theo số đông SV hơn trong điều kiện SV tiên tiến bị hạn chế về số lượng.

- *Bố trí đội ngũ giảng viên giảng dạy, trợ giảng (giảng viên nước ngoài (bảng 8), huy động giảng viên, nhà khoa học có năng lực tham gia giảng dạy, thực hiện chế độ trợ giảng, cố vấn học tập để trợ giúp, tư vấn và hướng dẫn sinh viên trong học tập, nghiên cứu khoa học, rèn luyện tư tưởng, đạo đức, tác phong và lối sống, bố trí giảng viên giảng dạy (bảng 9)...*:

+ Tất cả giảng viên được phân công đều có trình độ trên đại học, hầu hết là Tiến sĩ Phó giáo sư, đều được đào tạo tốt nghiệp ở nước ngoài; có chuyên môn tốt và có khả năng giảng dạy bằng tiếng Anh; đảm bảo thực hiện giảng dạy các học phần một cách có hiệu quả và chất lượng, đáp ứng các mục tiêu đề ra. Số lượng GV cơ hữu đang tham gia giảng dạy chuyên môn bằng tiếng Anh cho CTTT-CNSH là khoảng 40 CBGD, là những cán bộ GD cơ hữu của Viện Nghiên cứu & Phát triển Công nghệ Sinh học và các đơn vị trong trường ĐHTC (Khoa Nông nghiệp & SHƯĐ; Khoa Khoa học tự nhiên; Khoa Thủy Sản, vv...).

Ngoài ra giảng viên CTTT 100% tham gia chủ trì các đề tài NCKH, các hoạt động khoa học và công nghệ khác, đã có nhiều công trình công bố trên các tạp chí khoa học có uy tín trên thế giới và trong nước (BẢNG 7) qua đó góp phần nâng cao chất lượng đào tạo CTTT; hướng dẫn giúp đỡ tư vấn sinh viên trong học tập – nghiên cứu khoa học.

+ *Đội ngũ cán bộ quản lý, cố vấn học tập*: Phân công 04 CB Giảng dạy có kinh nghiệm và trình độ tiếng Anh tốt làm công tác cố vấn học tập cho 04 lớp CTTT khoá 3, 4, 5 và 6 (khóa 1 và 2 đã ra trường) theo qui định Cố vấn học tập của trường. Vai trò chủ yếu là nắm tình hình lớp mình phụ trách (học tập, đời sống, sinh hoạt), tiếp nhận, xử lý hoặc tư vấn sinh viên trong quá trình học tập, rèn luyện tư tưởng, đạo đức, tác phong và lối sống và các vấn đề khác có liên quan.

BẢNG 8. DANH SÁCH GIẢNG VIÊN NƯỚC NGOÀI ĐẾN GIẢNG DẠY CTTT KÈ TỪ KHI BẮT ĐẦU TRIỂN KHAI CTTT

Ngành CTTT: Công nghệ sinh học

T T	Họ, tên giảng viên <i>(kèm theo chức danh khoa học, học vị)</i>	GV của trường đại học nào	Thời gian giảng dạy <i>(từ ngày ... đến ngày ...)</i>	Môn học giảng dạy	Số tín chỉ
1.	Prof. Barbara Sears (2 Lượt)	Michigan State University (MSU) The United States	22/03/08 – 05/04/08 06/04/09 – 19/04/09	Di truyền học cơ bản Fundamental Genetics	3
2.	Prof. Jon R. Stoltzfus,	Michigan State University (MSU) The United States	12/06/09 – 28/06/09	Sinh hóa I Biochemistry I	3
3.	Prof. Helmut Bertrand (3 Lượt)	Michigan State University (MSU) The United States	16/05/09 – 30/05/09 27/8/10 – 12/9/10 15/9/12 – 29/9/12	KT Di truyền nâng cao (Bộ gen Vi sinh vật) Microbial Genomics	2
4.	Dr. Suk-Ha Lee	Seoul National University, Korea	24/8/09 – 29/8/09	Bộ gen và ứng dụng Genomics and its application	3
5.	Assoc. Prof. Dr. M. J. Robert Nout	Wageningen University The Netherlands	14/11/09 – 28/11/09	Công nghệ lên men thực phẩm Food Fermentation	2
6.	Prof. Godelieve Gheysen	Ghent University Department Molecular	28/8/09 – 8/9/09	+ CNSH và chọn giống thực vật	2

T T	Họ, tên giảng viên <i>(kèm theo chức danh khoa học, học vị)</i>	GV của trường đại học nào	Thời gian giảng dạy <i>(từ ngày ... đến ngày ...)</i>	Môn học giảng dạy	Số tín chỉ
	(2 Lượt)	Biotechnology, Belgium	27/03/11- 09/04/11	Plant Breeding and Biotechnology + Sinh học phân tử Molecular Biology	3
7.	Prof. Graham H. Fleet (2 Lượt)	The University of New South Wales (UNSW) Australia	5/10/09 – 17/10/09 26/03/11 – 09/04/11	Vi sinh thực phẩm Food Microbiology	2
8.	Dr.Michele Fluck	Michigan State University (MSU) The United States	05/9/09 – 18/9/09	Virus học Virology	2
9.	Prof. Yong D. Hang	Cornell University The United States	03/04/10 – 18/04/10	Công nghệ lên men thực phẩm (Food Fermentation)	2
10.	Prof. Eddy Van Driessche (2 Lượt)	Laboratory of Protein Chemistry, Institute for Molecular Biology and Biotechnology Vrije Universiteit Brussel, Pleinlaan 2, B-1050 Brussel, Belgium.	20/ 11/10 - 05/12/10 26/11/12 -07/12/12	Sinh hoá I Biochemistry I Sinh hóa 2 Biochemistry 2	3 3
11.	Prof. Angenon	Laboratory of Plant Genetics Institute for Molecular Biology and Biotechnology Vrije Universiteit Brussel (VUB), Belgium	17/9/10 – 30/9/10	Bộ gen và ứng dụng Genomics and its application	3
12.	Prof. Sonia Beeckmans (2 Lượt)	Laboratory of Protein Chemistry, Institute for Molecular Biology and Biotechnology Vrije Universiteit Brussel, Pleinlaan 2, B-1050 Brussel, Belgium.	20/ 11/10 -04/12/10 26/11/12 -08/12/12	Protein học Proteomics Tin sinh học Bio-Informatics	3 2
13.	Prof. Chin Ho Lin	National Chung Hsing University, ROC Taiwan	18/10/10 -22/10/10	TT.KT Di truyền nâng cao Microbial Genomics Labs	2
14.	Prof. Kaeko Kamei	Department of Applied Biology, Kyoto Institute of Technology, Matsugasaki, Kyoto Japan 606-8585 Japan	08/03/11 – 20/03/11	Sinh hóa 2 Biochemistry 2	3
15.	Prof. Just M. Vlak	Laboratory of Virology – Wageningen University The Netherlands	28/02/11 12/03/11	Virus học General Virology	2
16.	Prof. Mogens Jakobsen	University of Copenhagen Denmark	22/10/11 -04/11/11	Công nghệ lên men thực phẩm Food Fermentation	2
17.	Dr. Kathleen M. Foley	Department of Molecular Biology and Biochemistry Michigan State University	22/02/12 – 10/03/12	Sinh hóa 1 Biochemistry 1	3
18.	Prof. John Merrill	Michigan State University (MSU) The United States	04/11/12 -17/11/12	Sinh học đại cương Cells and Molecules	3
19.	Julia Therese Peppiat	Teachers for VN- The United States	01/2009 -04/2009	Nghe nói Listening/Speaking	5

T T	Họ, tên giảng viên <i>(kèm theo chức danh khoa học, học vị)</i>	GV của trường đại học nào	Thời gian giảng dạy <i>(từ ngày ... đến ngày ...)</i>	Môn học giảng dạy	Số tín chỉ
20.	Alice Smith Garabrant	Teachers for VN-The United States	01/2009 -04/2009	Ngữ âm Pronunciation	3
21.	- Christina Brodzky - Nicholas Rozon	Teachers for VN-The United States	01/2010 -04/2010	Nghe nói Listening/Speaking	5
22.	- Christopher Pierce Bradley - Jacquelyn Jordan Vinnedge	Volunteers in Asia-The United States	01/2010 -04/2010	Ngữ âm Pronunciation	3
23.	Erica Rome	Teachers for VN-The United States	01/2011 -05/2011	Nghe nói Listening/Speaking	5
24.	Briana Tyle	Teachers for VN-The United States	01/2011 -05/2011	Ngữ âm Pronunciation	3
25.	Danielle Sherman	Teachers for VN-The United States	01/2012 -05/2012	Nghe nói Listening/Speaking	5
26.	Word Terrence Rios	Teachers for VN-The United States	01/2012 -05/2012	Ngữ âm Pronunciation	3
27.	Gregory Blue	The United Kingdom (Foreign Language Center)	10/2012 -12/2012	Nghe nói Listening/Speaking	5
28.	Stephen Robert Tassell	The United Kingdom (Foreign Language Center)	01/2012 -05/2012	Ngữ âm Pronunciation	3
29.	Aleya Cunningham	Teachers for VN-(Mỹ - Tổ chức VIA)	10/2013 -12/2013	Nghe nói Listening/Speaking	5
30.	Marc Eatos	Teachers for VN-(Mỹ - Tổ chức VIA)	10/2013 -12/2013	Ngữ âm Pronunciation	3
31.					
32.	Prof. Wolfgang Schumann	Institute of Genetics University of Bayreuth D-95440 Bayreuth – Germany	05/03/13 – 10/03/13 05/10/13 - 12/10/13	Bộ gen Vi sinh vật Microbial Genomics Di truyền cơ bản Fundamental Genetics	2 3
33.	Dr. Le ngoc Chi Minh	Life Technologies Company. New Zealand	27/02/14 - 27/03/14	Protein học Proteomics	2
34.	Prof. Terrence L. Marsh (3 Lợt)	Department of Microbiology and Molecular Genetics Michigan State UniversityThe United States	29/9/12 – 13/10/12 25/11/13 – 25/12/13 10/08/14- 30/09/14	+Vi sinh đại cương +Introductory Microbiology +Tin sinh học (Course: Online BioInformatics)	3 2

BẢNG 9. TÌNH HÌNH BỐ TRÍ GIẢNG VIÊN THỰC HIỆN KẾ HOẠCH HỌC TẬP

Trong năm 2013 và 2014 (Chú ý: Mỗi khóa đào tạo lập một bảng riêng)

☛ **NĂM 2013: Gồm 02 học kỳ: Học kỳ 2 - 2012-2013 và Học kỳ 1 - 2013-2014**

Khóa đào tạo: KHÓA 3 (2008 – 2013)

TT	Tên các học phần (trừ các học phần Khoa học chính trị, GD thể chất và GDQP)	Số tín chỉ	Tên giảng viên (kèm theo chức danh khoa học, học vị)	GV của Trường ĐH nào ^(*)	Thời gian giảng dạy (từ ngày ... đến ngày ...)	Tên trợ giảng
1.	LUẬN VĂN TỐT NGHIỆP (Graduate Thesis)	10	Nguyễn Văn Thành GVC-Tiến sĩ	ĐHCT	HỌC KỲ II 2012-2013 (từ 01/01/2013 đến 28/04/2013)	Trần Vũ Phương

Khóa đào tạo: KHÓA 4 (2009 – 2013)

TT	Tên các học phần (trừ các học phần Khoa học chính trị, GD thể chất và GDQP)	Số tín chỉ	Tên giảng viên (kèm theo chức danh khoa học, học vị)	GV của Trường ĐH nào ^(*)	Thời gian GD (từ ngày.. đến ngày ..)	Tên trợ giảng	
1.	Bộ gen và ứng dụng (Genomics and its application)	2	Trương Trọng Ngôn GVC-Tiến sĩ	ĐHCT	HỌC KỲ II 2012-2013 (từ 01/01/2013 đến 28/04/2013)		
2.	TT. Bộ gen và ứng dụng (Genomics and its application Lab)	1	Trương Trọng Ngôn GVC-Tiến sĩ	ĐHCT		Nguyễn Thị Pha	
3.	Phương pháp nghiên cứu khoa học (Research Methods)	2	Trương Trọng Ngôn GVC-Tiến sĩ	ĐHCT			
4.	Protein học (Proteomics) Dương Thị Hương Giang	2	Dương Thị Hương Giang GV-Tiến sĩ	ĐHCT		Vô Văn Song Toàn	
5.	TT. Protein học (Proteomics Lab.)	1	Dương Thị Hương Giang GV-Tiến sĩ	ĐHCT		Vô Văn Song Toàn	
<i>Các học phần chuyên ngành tự chọn: 6TC</i>							
6.	Hóa sinh học thực phẩm (Food Biochemistry) Dương Thị Hương Giang	2	Dương Thị Hương Giang GV-Tiến sĩ	ĐHCT		Vô Văn Song Toàn	
7.	TT. Hóa sinh học thực phẩm (Food Biochemistry Lab.) Vô Văn Song Toàn	1	Dương Thị Hương Giang GV-Tiến sĩ	ĐHCT		Vô Văn Song Toàn	
8.	Vi sinh thực phẩm (Food Microbiology) Ngô Thị Phương Dung	2	Ngô Thị Phương Dung GVC-Tiến sĩ	ĐHCT			
9.	TT. Vi sinh thực phẩm (Food Microbiology Lab.) Trần Vũ Phương	1	Ngô Thị Phương Dung GVC-Tiến sĩ	ĐHCT		Trần Vũ Phương	
1.	LUẬN VĂN TỐT NGHIỆP (Graduate Thesis)	10	Nguyễn Văn Thành GVC-Tiến sĩ	ĐHCT	HỌC KỲ I 2013-2014 (từ 05/08/2013 đến 15/12/2013)	Trần Vũ Phương	

Khóa đào tạo: KHÓA 5 (2010 – 2014)

TT	Tên các học phần (trừ các học phần Khoa học chính trị, GD thể chất và GDQP)	Số tín chỉ	Tên giảng viên (kèm theo chức danh khoa học, học vị)	GV của Trường ĐH nào ^(*)	Thời gian GD (từ ngày ... đến ngày ...)	Tên trợ giảng
1.	Bộ gen Vi sinh vật (Microbial Genomics)	2	Prof. Wolfgang Schumann	ĐH Bayreuth, Germany	05/3/2013 10/03/2013	Trương Trọng Ngôn
2.	TT. Bộ gen Vi sinh vật (Microbial Genomics Lab.)	1	Trương Trọng Ngôn GVC-Tiến sĩ	ĐHCT	HỌC KỲ II 2012-2013 (từ 01/01/2013 đến 28/04/2013)	Nguyễn Thị Pha
3.	Di truyền học cơ bản (Fundamental Genetics)	3	Trương Trọng Ngôn GVC-Tiến sĩ	ĐHCT		
4.	TT. Di truyền học cơ bản (Fundamental Genetics Lab)	1	Trương Trọng Ngôn GVC-Tiến sĩ	ĐHCT		Nguyễn Thị Pha
5.	Sinh hoá I (Biochemistry I)	3	Dương Thị Hương Giang GV-Tiến sĩ	ĐHCT		

TT	Tên các học phần (trừ các học phần Khoa học chính trị, GD thể chất và GDQP)	Số tín chỉ	Tên giảng viên (kèm theo chức danh khoa học, học vị)	GV của Trường ĐH nào ^(*)	Thời gian GD (từ ngày ... đến ngày ...)	Tên trợ giảng	
6.	Thực hành Sinh hoá I (Biochemistry Lab)	1	Dương Thị Hương Giang GV-Tiến sĩ	ĐHCT		Võ Văn Song Toàn	
7.	Chuyên đề Công nghệ sinh học (Biotechnology Seminar)	2	Ngô Thị Phương Dung GVC-Tiến sĩ				
8.	Virus học (Virology)	2	Bùi Thị Minh Diệu GV-Tiến sĩ	ĐHCT		Võ Văn Song Toàn	
Các học phần chuyên ngành tự chọn: 3TC							
9.	Lên men thực phẩm (Food Fermentation)	2	Ngô Thị Phương Dung GVC-Tiến sĩ	ĐHCT			
10.	TT.Công nghệ lên men thực phẩm (Food Fermentation Lab.)	1	Ngô Thị Phương Dung GVC-Tiến sĩ	ĐHCT			Huỳnh Xuân Phong
1.	Sinh hoá II (Biochemistry II)	2	Dương Thị Hương Giang GV-Tiến sĩ	ĐHCT		HỌC KỲ I 2013-2014 (từ 05/08/2013 đến 15/12/2013)	Trần Vũ Phương
2.	Thực hành Sinh hoá II (Biochemistry Lab)	1	Dương Thị Hương Giang GV-Tiến sĩ	ĐHCT			Võ Văn Song Toàn
3.	Phương pháp nghiên cứu khoa học (Research Methods)	2	Trương Trọng Ngôn GVC-Tiến sĩ	ĐHCT			
4.	Sinh học phân tử (Molecular Biology)	3	Trần Thị Xuân Mai GV- Thạc sĩ	ĐHCT			
5.	TT.Sinh học phân tử (Molecular Biology Lab.)	1	Trần Thị Xuân Mai GV- Thạc sĩ	ĐHCT			
6.	Nuôi cấy mô (Plant and tissue culture)	2	Lê Văn Bé GVC-PGS	ĐHCT			
7.	TT.Nuôi cấy mô (Plant and tissue culture Lab.)	1	Lê Văn Bé GVC-PGS	ĐHCT	Nguyễn Thị Pha		
8.	Thực tập nhận thức (Field trip)	1	Trần Vũ Phương GV-Thạc sĩ	ĐHCT			

Khóa đào tạo: KHÓA 6 (2011 – 2015)

TT	Tên các học phần (trừ các học phần Khoa học chính trị, GD thể chất và GDQP)	Số tín chỉ	Tên giảng viên (kèm theo chức danh khoa học, học vị)	GV của Trường ĐH nào ^(*)	Thời gian GD (từ ngày ... đến ngày ...)	Tên trợ giảng
1.	Sinh học đại cương II (Organism and populations)	2	Bùi Tấn Anh GVC-Thạc sĩ	ĐHCT	HỌC KỲ II 2012-2013 (từ 01/01/2013 đến 28/04/2013)	
2.	Thực hành Sinh học đại cương II (Organism and Populations Lab.II)	1	Bùi Tấn Anh GVC-Thạc sĩ	ĐHCT		Ngô Thanh Phong
3.	Vật lý (Physics for Scientists and Engineers)	4	Dương Hiếu Đầu GVC-Tiến sĩ	ĐHCT		
4.	Hoá học đại cương II (General and Inorganic Chemistry)	2	Phạm Vũ Nhật GV-Tiến sĩ	ĐHCT		
5.	Thực hành Hoá học đại cương II (Chemistry Lab. II)	1	Phạm Vũ Nhật GV-Tiến sĩ	ĐHCT		
6.	Hoá học hữu cơ I (Organic chemistry I)	2	Lê Thanh Phước GVC-Tiến sĩ	ĐHCT		
7.	Anh văn chuyên ngành (Writing: Sciences & Technology)	3	Châu Thiện Hiệp GVC-Tiến sĩ	ĐHCT		
1.	Hoá học hữu cơ II (Organic chemistry II)	2	Lê Thanh Phước GVC-Tiến sĩ	ĐHCT	HỌC KỲ I 2013-2014 (từ 05/08/2013 đến 15/12/2013)	
2.	Thực hành hoá học HC (Organic chemistry Lab)	2	Lê Thanh Phước GVC-Tiến sĩ	ĐHCT		
3.	Vi Sinh vật học đại cương (Introductory Microbiology)	3	Nguyễn Hữu Hiệp GVC-PGS	ĐHCT		

TT	Tên các học phần (trừ các học phần Khoa học chính trị, GD thể chất và GDQP)	Số tín chỉ	Tên giảng viên (kèm theo chức danh khoa học, học vị)	GV của Trường ĐH nào(*)	Thời gian GD (từ ngày ... đến ngày ...)	Tên trợ giảng
4.	Thực hành Vi Sinh học đại cương (Introductory Microbiology Lab.)	1	Nguyễn Hữu Hiệp GVC-PGS	ĐHCT		Trần Vũ Phương
5.	Thống kê sinh học (Statistics for Biologists)	3	Dương Ngọc Thành PGS- Tiến sĩ	ĐHCT		
6.	CNSH căn bản (Basic Biotechnology)	2	Nguyễn Văn Thành GVC-Tiến sĩ	ĐHCT		
7.	Đa dạng sinh học (Biodiversity)	2	Nguyễn Đắc Khoa GV-Tiến sĩ	ĐHCT		

Khóa đào tạo: KHÓA 7 (2012 – 2016)

TT	Tên các học phần (trừ các học phần Khoa học chính trị, GD thể chất và GDQP)	Số tín chỉ	Tên giảng viên (kèm theo chức danh khoa học, học vị)	GV của Trường ĐH nào(*)	Thời gian GD (từ ngày ... đến ngày ...)	Tên trợ giảng
1.	Sinh học đại cương I (Cells and molecules I)	3	Bùi Tấn Anh GVC-Thạc sĩ	ĐHCT	HỌC KỲ II 2012-2013 (từ 01/01/2013 đến 28/04/2013)	
2.	Thực hành Sinh học đại cương I (Cells and Molecules Lab.I)	1	Bùi Tấn Anh GVC-Thạc sĩ	ĐHCT		Ngô Thanh Phong
3.	Hoá học đại cương I (General Chemistry I)	3	Nguyễn Văn Đạt GVC-Thạc sĩ			
4.	Thực hành Hoá học ĐC I (Chemistry Lab.I)	1	Nguyễn Văn Đạt GVC-Thạc sĩ	ĐHCT		
5.	Toán cao cấp (Calculus I-II)	6	Nguyễn Hữu Khánh GVC-Tiến sĩ	ĐHCT		
6.	Anh văn nâng cao I (Advanced English I)	3	Hồ Phương Thùy GVC-Thạc sĩ	ĐHCT		
1.	Sinh học đại cương II (Organism and populations)	3	Bùi Tấn Anh GVC-Thạc sĩ	ĐHCT	HỌC KỲ I 2013-2014 (từ 05/08/2013 đến 15/12/2013)	
2.	Thực hành Sinh học đại cương II (Organism and Populations Lab.II)	1	Bùi Tấn Anh GVC-Thạc sĩ	ĐHCT		Ngô Thanh Phong
3.	Hoá học đại cương II (General and Inorganic Chemistry)	3	Nguyễn Văn Đạt GVC-Thạc sĩ	ĐHCT		
4.	Thực hành Hoá học đại cương II (Chemistry Lab. II)	1	Nguyễn Văn Đạt GVC-Thạc sĩ	ĐHCT		
5.	Anh văn nâng cao II (Advanced English II)	3	Hồ Phương Thùy GVC-Thạc sĩ	ĐHCT		
6.	Vật lý I (Physics for Scientists and Engineers I)	4	Dương Hiếu Đầu GVC-Tiến sĩ	ĐHCT		

☉ NĂM 2014: Gồm 02 học kỳ: Học kỳ 2 - 2013-2014 và Học kỳ 1 - 2014-2015

Khóa đào tạo: KHÓA 5 (2010 – 2014)

TT	Tên các học phần (trừ các học phần Khoa học chính trị, GD thể chất và GDQP)	Số tín chỉ	Tên giảng viên (kèm theo chức danh khoa học, học vị)	GV của Trường ĐH nào(*)	Thời gian GD (từ ngày ... đến ngày ...)	Tên trợ giảng
1.	Bộ gen và ứng dụng (Genomics and its application)	2	Trương Trọng Ngôn PGS-Tiến sĩ	ĐHCT	HỌC KỲ II 2013-2014 (từ 02/01/2014 đến 11/05/2014)	Nguyễn Thị Pha
2.	TT. Bộ gen và ứng dụng (Genomics and its application Lab.)	1	Trương Trọng Ngôn PGS-Tiến sĩ	ĐHCT		Nguyễn Thị Pha
3.	Bộ gen Vi sinh vật (Microbial Genomics) 05-10/3/2013	2	Prof. Schumann	Institute of Genetics University of Bayreuth D-95440 Bayreuth – Germany		Trương Trọng Ngôn
4.	TT. Bộ gen Vi sinh vật (Microbial Genomics Lab.)	1	Trương Trọng Ngôn PGS-Tiến sĩ	ĐHCT		Nguyễn Đắc Khoa

TT	Tên các học phần (trừ các học phần Khoa học chính trị, GD thể chất và GDQP)	Số tín chỉ	Tên giảng viên (kèm theo chức danh khoa học, học vị)	GV của Trường ĐH nào ^(*)	Thời gian GD (từ ngày ... đến ngày ...)	Tên trợ giảng	
5.	Protein học (Proteomics)		Dương Thị Hương Giang GV-Tiến sĩ	ĐHCT		Võ Văn Song Toàn	
6.	TT.Protein học (Proteomics Lab.)		Võ Văn Song Toàn GV-Thạc sĩ	ĐHCT			
7.	Tin sinh học (Bio-Informatics) (Online Course)	2	Prof. Terrence	Michigan State University		Đỗ Tấn Khang	
8.	Thực tập nhận thức (Field trip) (9-15/12/2013)	1	Trần Vũ Phương GV-Thạc sĩ	ĐHCT			
<i>Các học phần chuyên ngành tự chọn: 3TC</i>							
9.	Hóa sinh học thực phẩm (Food Biochemistry)	2	Dương Thị Hương Giang GV-Tiến sĩ	ĐHCT		Võ Văn Song Toàn	
10.	TT.Hóa sinh học thực phẩm (Food Biochemistry Lab.)	1	Võ Văn Song Toàn GV-Thạc sĩ	ĐHCT			
1.	LUẬN VĂN TỐT NGHIỆP (Graduate Thesis)	10	Trần Vũ Phương GV-Thạc sĩ	ĐHCT		HỌC KỲ I 2014-2015 (từ 05/08/2013 đến 15/12/2013)	

Khóa đào tạo: KHÓA 6 (2011 – 2015)

TT	Tên các học phần (trừ các học phần Khoa học chính trị, GD thể chất và GDQP)	Số tín chỉ	Tên giảng viên (kèm theo chức danh khoa học, học vị)	GV của Trường ĐH nào ^(*)	Thời gian GD (từ ngày ... đến ngày ...)	Tên trợ giảng	
1.	Di truyền học cơ bản (Fundamental Genetics)	3	Trương Trọng Ngôn PGS-Tiến sĩ	ĐHCT	HỌC KỲ II 2013-2014 (từ 02/01/2014 đến 11/05/2014)		
2.	TT.Di truyền học cơ bản (Fundamental Genetics Lab)	1	Trương Trọng Ngôn PGS-Tiến sĩ	ĐHCT			
3.	Sinh hoá I (Biochemistry I)	3	Dương Thị Hương Giang GV-Tiến sĩ	ĐHCT			
4.	Thực hành Sinh hoá I (Biochemistry Lab)	1	Võ Văn Song Toàn GV-Thạc sĩ	ĐHCT			
5.	Chuyên đề Công nghệ sinh học (Biotechnology Seminar)	2	Ngô Thị Phương Dung PGS-Tiến sĩ	ĐHCT			
6.	Virus học (Virology)	2	Bùi Thị Minh Diệu GV-Tiến sĩ	ĐHCT			
<i>Các học phần chuyên ngành tự chọn: 3TC</i>							
7.	Lên men thực phẩm (Food Fermentation)	2	Dương Thị Hương Giang GV-Tiến sĩ	ĐHCT		Huỳnh Xuân Phong	
8.	TT.Công nghệ lên men thực phẩm (Food Fermentation Lab.)	1	Huỳnh Xuân Phong GV-Thạc sĩ	ĐHCT			
1.	Sinh hoá II (Biochemistry II)	2	Dương Thị Hương Giang GV-Tiến sĩ	ĐHCT		HỌC KỲ I 2014-2015 (từ 05/08/2013 đến 15/12/2013)	Võ Văn Song Toàn
2.	Thực hành Sinh hoá II (Biochemistry Lab)	1	Võ Văn Song Toàn GV-Thạc sĩ	ĐHCT			
3.	Phương pháp nghiên cứu khoa học (Research Methods)	2	Trương Trọng Ngôn PGS-Tiến sĩ	ĐHCT			
4.	Sinh học phân tử (Molecular Biology)	3	Trần Thị Xuân Mai GV-Thạc sĩ	ĐHCT			
5.	TT.Sinh học phân tử (Molecular Biology Lab.)	1	Trần Thị Xuân Mai GV-Thạc sĩ	ĐHCT			
6.	Nuôi cấy mô (Plant and tissue culture)	2	Lê Văn Bé GVC-PGS	ĐHCT			
7.	TT.Nuôi cấy mô (Plant and tissue culture Lab.)	1	Nguyễn Thị Pha GV-Thạc sĩ	ĐHCT			

TT	Tên các học phần (trừ các học phần Khoa học chính trị, GD thể chất và GDQP)	Số tín chỉ	Tên giảng viên (kèm theo chức danh khoa học, học vị)	GV của Trường ĐH nào ^(*)	Thời gian GD (từ ngày ... đến ngày ...)	Tên trợ giảng
<i>Các học phần chuyên ngành tự chọn: 3TC</i>						
8.	Vi sinh thực phẩm (Food Microbiology)	2	Ngô Thị Phương Dung PGS-Tiến sĩ	ĐHCT		
9.	TT.Vi sinh thực phẩm (Food Microbiology Lab.)	1	Trần Vũ Phương GV-Thạc sĩ	ĐHCT		

Khóa đào tạo: KHÓA 7 (2012 – 2016)

TT	Tên các học phần (trừ các học phần Khoa học chính trị, GD thể chất và GDQP)	Số tín chỉ	Tên giảng viên (kèm theo chức danh khoa học, học vị)	GV của Trường ĐH nào ^(*)	Thời gian GD (từ ngày ... đến ngày ...)	Tên trợ giảng	
1.	Hoá học hữu cơ II (Organic chemistry II)	3	Lê Thanh Phước GVC-Tiến sĩ	ĐHCT	HỌC KỲ II 2013-2014 (từ 02/01/2014 đến 11/05/2014)		
2.	Thực hành hoá học HC (Organic chemistry Lab)	2	Lê Thanh Phước GVC-Tiến sĩ	ĐHCT		Ngô Thanh Phong	
3.	Anh văn III chuyên ngành (Writing: Sciences & Technology)	3	Châu Thiện Hiệp GV-Tiến sĩ	ĐHCT			
4.	Vật lý II (Physics for Scientists and Engineers II)	4	Dương Hiếu Đầu GVC-Tiến sĩ	ĐHCT			
5.	Sinh hoạt Chuyên đề Công nghệ sinh học I (Biotechnology Seminar I)	1	Ngô Thị Phương Dung PGS-Tiến sĩ	ĐHCT			
6.	Vi Sinh vật học đại cương (Introductory Microbiology)	3	Nguyễn Hữu Hiệp GVC-PGS				
7.	Thực hành Vi Sinh học đại cương (Introductory Microbiology Lab.)	1	Trần Vũ Phương GV-Thạc sĩ	ĐHCT			
1.	Sinh hoạt Chuyên đề Công nghệ sinh học II (Biotechnology Seminar II)	1	Ngô Thị Phương Dung PGS-Tiến sĩ	ĐHCT	HỌC KỲ I 2014-2015 (từ 05/08/2013 đến 15/12/2013)		
2.	Di truyền học cơ bản (Fundamental Genetics)	3	Trương Trọng Ngôn PGS-Tiến sĩ	ĐHCT		Ngô Thanh Phong	
3.	TT.Di truyền học cơ bản (Fundamental Genetics Lab)	1	Nguyễn Đắc Khoa GV-Tiến sĩ	ĐHCT			
4.	Sinh hoá I (Biochemistry I)	3	Nguyễn Minh Chon PGS-Tiến sĩ	ĐHCT			
5.	Thực hành Sinh hoá I (Biochemistry Lab)	2	Võ Văn Song Toàn GV-Thạc sĩ	ĐHCT			
6.	Nhập môn Công nghệ sinh học (Introductory Biotechnology)	2	Nguyễn Văn Thành PGS-Tiến sĩ	ĐHCT			
<i>Các học phần chuyên ngành tự chọn: 6TC</i>							
7.	Công nghệ lên men thực phẩm (Food Fermentation)	2	Ngô Thị Phương Dung PGS-Tiến sĩ				
8.	TT.Công nghệ lên men thực phẩm (Food Fermentation Lab.)	1	Trần Vũ Phương GV-Thạc sĩ				
9.	Virus học (Virology)	2	Bùi Thị Minh Diệu GV-Tiến sĩ				
10.	TT.Virus học	1	Bùi Thị Minh Diệu GV-Tiến sĩ				

Khóa đào tạo: KHÓA 8 (2013 – 2017)

TT	Tên các học phần (trừ các học phần Khoa học chính trị, GD thể chất và GDQP)	Số tín chỉ	Tên giảng viên (kèm theo chức danh khoa học, học vị)	GV của Trường ĐH nào ^(*)	Thời gian GD (từ ngày ... đến ngày ...)	Tên trợ giảng
1.	Sinh học đại cương I (Cells and molecules I)	3	Bùi Tấn Anh GVC-Thạc sĩ	ĐHCT	HỌC KỲ II 2013-2014 (từ 02/01/2014)	
2.	Thực hành Sinh học đại cương I (Cells and Molecules Lab.I)	1	Bùi Tấn Anh GVC-Thạc sĩ	ĐHCT		Ngô Thanh Phong

TT	Tên các học phần (trừ các học phần Khoa học chính trị, GD thể chất và GDQP)	Số tín chỉ	Tên giảng viên (kèm theo chức danh khoa học, học vị)	GV của Trường ĐH nào ^(*)	Thời gian GD (từ ngày ... đến ngày ...)	Tên trợ giảng
3.	Hoá học đại cương I (General Chemistry I)	3	Nguyễn Văn Đạt GVC-Thạc sĩ		<i>đến 11/05/2014</i>	
4.	Thực hành Hoá học ĐC I (Chemistry Lab.I)	1	Nguyễn Trọng Tuấn GVC-Thạc sĩ	ĐHCT		
5.	Toán cao cấp (Calculus I-II)	6	Nguyễn Hữu Khánh GVC-Tiến sĩ	ĐHCT		
6.	Anh văn nâng cao I (Advanced English I)	3	Hồ Phương Thùy GVC-Thạc sĩ	ĐHCT		
1.	Sinh học đại cương II (Organism and populations)	3	Bùi Tấn Anh GVC-Thạc sĩ	ĐHCT	HỌC KỲ I 2014-2015 <i>(từ 05/08/2013 đến 15/12/2013)</i>	
2.	Thực hành Sinh học đại cương II (Organism and Populations Lab.II)	1	Bùi Tấn Anh GVC-Thạc sĩ	ĐHCT		Ngô Thanh Phong
3.	Hoá học đại cương II (General and Inorganic Chemistry)	3	Phạm Vũ Nhật GV-Tiến sĩ	ĐHCT		
4.	Thực hành Hoá học đại cương II (Chemistry Lab. II)	1	Phạm Vũ Nhật GV-Tiến sĩ	ĐHCT		
5.	Anh văn nâng cao II (Advanced English II)	3	Hồ Phương Thùy GVC-Thạc sĩ	ĐHCT		
6.	Vật lý I (Physics for Scientists and Engineers I)	4	Dương Hiếu Đầu GVC-Tiến sĩ	ĐHCT		Nguyễn Thanh Phong
7.	Hoá học hữu cơ I (Organic chemistry I)	3	Lê Thanh Phước GVC-Tiến sĩ	ĐHCT		

^(*) Ghi rõ trường đại học mà giảng viên đang công tác, kể cả giảng viên nước ngoài.

- Việc tạo môi trường học tập tiếng Anh cho GV và SV:

- Việc tạo môi trường học tập tiếng Anh cho GV và SV; về trao đổi GV, SV (với trường đối tác hoặc trường khác ở nước ngoài); tổ chức giao lưu GV, SV với các trường CTTT trong và ngoài nước; thực hiện đánh giá GV...

+ Học kỳ đầu năm thứ nhất Sinh viên được học tập tiếng Anh tăng cường (20TC) với Giảng viên người Mỹ (Tình nguyện viên sang công tác tại trường)

+ GV CTTT được tuyển chọn có trình độ tiếng Anh tốt và một số được cử đi sang trường đối tác MSU ngoài tập huấn bồi dưỡng chuyên môn, phương pháp giảng dạy, GV còn được bồi dưỡng thêm tiếng Anh.

+ Trong chương trình đào tạo CTTT ngoài bố trí nguyên học kỳ đầu (20TC) đầu tư học tiếng Anh tăng cường, còn có thiết kế thêm 6TC tiếng Anh nâng cao (3) và Tiếng Anh chuyên ngành (3) và 7TC seminar, sinh hoạt báo cáo chuyên đề Công nghệ Sinh học, đã tăng cường kỹ năng tiếng Anh cho SV.

+ SV được tạo môi trường học tập tiếng Anh tốt như bố trí riêng tòa nhà dành riêng cho CTTT, phân giao hẳn mỗi lớp 01 phòng riêng để các em có điều kiện thuận lợi để trao đổi thảo luận, học nhóm học tổ, tự học, truy cập tài liệu học tập, internet.

+ Tổ chức giao lưu GV, SV với các trường CTTT trong và ngoài nước: năm vừa qua đã tổ chức giao lưu GV, SV CTTT giữa Đại Học Cần Thơ và Đại học Nông lâm TpHCM 2 đợt tại TpHCM và Cần Thơ.

+ Thực hiện đánh giá GV: Cách thức đánh giá GV do Trung tâm đảm bảo chất lượng, ĐHCT tổ chức và được thực hiện từng học kỳ thông qua việc tổ chức lấy ý kiến

sinh viên đánh giá GV, và nhật ký giảng dạy. Kết quả cho thấy 100% GV CTTT được đánh giá từ Tốt (đa số) đến Khá.

- Tổng hợp đánh giá về việc trao đổi giảng viên, cán bộ quản lý và sinh viên thuộc CTTT, số liệu cụ thể ghi theo bảng 10.

BẢNG 10. TỔNG HỢP VỀ TRAO ĐỔI GIẢNG VIÊN, CBQL VÀ SINH VIÊN QUỐC TẾ

Ngành CTTT: Công nghệ Sinh học (Mỗi CTTT lập một bảng riêng) ...

TT	Nội dung trao đổi giảng viên, sinh viên	Tổng số từ khi triển khai CTTT	Thực hiện trong năm 2013 - 2014	Ghi chú (theo chương trình, hợp tác, ...)
1.	Số lượt giảng viên của Trường Đối tác đến giảng dạy CTTT	13	2	CTTT
2.	Số lượt giảng viên quốc tế khác đến giảng dạy CTTT	32	5	CTTT
3.	Số lượt giảng viên CTTT của Trường đến Trường đối tác giảng dạy và trao đổi học thuật	10	3	
4.	Số CBQL, giảng viên của Trường đối tác đến trao đổi học thuật, phát triển CTĐT và cách thức quản lý CTTT	3	2	CTTT
5.	Số CBQL, giảng viên quốc tế khác đến trao đổi học thuật, phát triển CTĐT và cách thức quản lý CTTT	4+2	2+2	CTTT
6.	Số lượt giảng viên CTTT của Trường đã học tập, bồi dưỡng ở Trường đối tác	10	0	
7.	Số lượt giảng viên CTTT của Trường đã học tập, bồi dưỡng ở Trường ĐH nước ngoài khác	10	3	
8.	Số CBQL CTTT của Trường đã học tập bồi dưỡng tại Trường Đối tác	01	0	
9.	Số CBQL CTTT của Trường đã học tập bồi dưỡng tại trường ĐH nước ngoài khác	0	01	
10.	Số lượt sinh viên của Trường Đối tác đến học tập CTTT (học một số tín chỉ hoặc toàn khoá)	0	0	
11.	Số lượt sinh viên quốc tế khác đến học tập CTTT (học một số tín chỉ hoặc toàn khoá)	0	0	
12.	Số lượt sinh viên của Trường Đối tác đến thực tập, giao lưu với CTTT.	0	0	
13.	Số lượt sinh viên quốc tế khác đến thực tập, giao lưu với CTTT	3	3	JASSO Scholarship for short-term visit (SSSV) Program
14.	Số lượt sinh viên CTTT chuyển tiếp sang học tập và lấy bằng tốt nghiệp ở Trường Đối tác	0	0	
15.	Số lượt sinh viên CTTT đi học tập và lấy bằng tốt nghiệp ở trường ĐH nước ngoài khác	0	0	
16.	Số lượt sinh viên CTTT sang Trường Đối tác học tập một số tín chỉ, thực tập hoặc giao lưu	1	0	Chương trình Tiên tiến CNSH

TT	Nội dung trao đổi giảng viên, sinh viên	Tổng số từ khi triển khai CTTT	Thực hiện trong năm 2013 - 2014	Ghi chú (theo chương trình, hợp tác, ...)
17.	Số lượt sinh viên CTTT sang các trường nước ngoài khác học tập một số tín chỉ, thực tập hoặc giao lưu	12	9	- Undergraduate Intensive English Language Study Program (UIELSP), USA (1). - Study of the US Institute for Student Leaders on Global Environment Issues (SUSI), Montana University, USA (1). - JASSO Scholarship for Short-term Visit Program (Short Stay and Short Visit - SSSV) (2). - NISP program, Japan (1). - Japan Study Program, MEXT (1). - FerVAAP, Khon Kaen University, Thailand (6).

- Đánh giá kết quả học tập của sinh viên: cách thức thi, kiểm tra; chấm điểm bài tập, thảo luận, thực hành; kết quả học tập (BẢNG 11):

+ Đa số sinh viên các lớp CTTT có kết quả học tập giỏi và xuất sắc, kể đó là khá và rất ít có học lực trung bình.

BẢNG 11. KẾT QUẢ HỌC TẬP CỦA SINH VIÊN

(Điểm trung bình chung tích lũy của SV tính đến hết học kỳ I năm học 2013 - 2014)

TT	Khóa đào tạo	Tổng số SV	Số SV xuất sắc (3,6-4,0)	Số SV giỏi (3,2-3,59)	Số SV khá (2,5-3,19)	Số SV TB (2,0-2,49)	Số SV TB yếu (1,0-1,99)
1.	KHÓA 2009 – 2013	30	10	18	2	0	0
2.	KHÓA 2010 – 2014	24	6	12	6		
3.	KHÓA 2011 – 2015	31	7	20	4		
4.	KHÓA 2012 – 2016	32	1	19	8	4	
5.	KHÓA 2012 – 2016	40	6	5	19	10	

- Về nghiên cứu khoa học: triển khai NCKH cho GV và SV thuộc CTTT, kết quả triển khai thực hiện trong và ngoài nước (tổ chức các hội nghị, hội thảo, thực hiện đề tài, đề tài liên kết với nước ngoài, công trình công bố (**BẢNG 12, PHỤ LỤC 1**), các giải thưởng và ứng dụng): ...

- **Nghiên cứu khoa học:** là thế mạnh của Giảng viên và Sinh viên Viện Nghiên cứu và phát triển Công nghệ Sinh học. Trong năm học 2013-2014, Viện đã thực hiện và nghiệm thu: 1 đề tài Hợp tác quốc tế, 2 đề tài Nghị định thư, 1 đề tài cấp Nhà nước, 2 đề tài cấp Tỉnh, 6 đề tài cấp cơ sở và 10 đề tài NCKH Sinh viên. Hiện đang thực hiện: 2 đề tài Nghị định thư (hợp tác với Ý và Nhật Bản), 1 đề tài hợp tác quốc tế, 1 đề tài cấp Bộ, 3 đề tài cấp Tỉnh, 5 đề tài cấp cơ sở và 10 đề tài NCKH Sinh viên. Đăng ký mới 5 đề tài cấp Tỉnh và 8 đề tài cấp cơ sở năm 2015. Nhiều chương trình hợp tác nghiên cứu với nước ngoài (Hà Lan, Bỉ, Thụy Điển, Úc, Hoa Kỳ, Thái Lan, Nhật...): Chương trình trọng điểm Châu Á (hợp tác với Nhật, Thái Lan, Lào); Dự án RIP Chọn tạo giống lúa kháng rầy nâu (hợp tác với Bỉ); đề tài “Nghiên cứu cơ chế nội sinh với rễ lúa của vi khuẩn cố định đạm *Pseudomonas stutzeri*” hợp tác với Trường Đại học Leuven (Vương Quốc Bỉ); sưu tập các giống đậu nành địa phương tại miền trung và nam Việt Nam (hợp tác với Hoa kỳ); Chương trình Hội Vi sinh vật (hợp tác với tổ chức American Society for Microbiology, Hoa Kỳ),... Tiếp tục tranh thủ sự hỗ trợ và phối hợp của Đại học Michigan State (Hoa Kỳ) cho đề án đào tạo chương trình CNSH tiên tiến. Viện cũng đang tích cực tập trung chuẩn bị các chương trình nghiên cứu trong Dự án ODA của Chính phủ Nhật Bản nhằm nâng cấp Trường Đại học Cần Thơ thành trường đại học xuất sắc.

- **Chuyển giao công nghệ:** đưa kết quả nghiên cứu ra thực tiễn đã ngày càng tăng lên như chuyển giao thiết bị sấy cacao bằng năng lượng mặt trời cho nông dân trồng cao cao ở ĐBSCL và Tây nguyên. Đã cung cấp nguồn giống chủng thuần và quy trình sản xuất cho một số cơ sở sản xuất địa phương trong vùng (chao, tương, nước tương, rượu lên men, chế phẩm sinh học). Chuyển giao qui trình sản xuất 02 vi sinh vật có ích (cố định đạm *Azospirillum lipoferum* và hòa tan lân *Pseudomonas stutzeri*) để sản xuất PHÂN SINH HỌC bón cho lúa cho công ty DASCO (Đồng Tháp) với tên thương mại là DASVILA, sản phẩm rất hữu hiệu tiết kiệm chi phí bón phân hóa học, làm màu mỡ thêm cho đất và góp phần cải tạo môi trường. Chính vì thế mà sản phẩm đang được lưu hành rộng rãi và được bà con nông dân Đồng bằng Sông Cửu Long tin dùng.

- **Xuất bản nhiều bài báo KH:** đăng trên các tạp chí trong và ngoài nước. Năm qua có nhiều bài báo quốc tế (các tạp chí Food science, Bioresource Technology Journal), và trong nước (Công nghệ Sinh học quốc gia, Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Tạp chí khoa học Đại học Cần Thơ,...) và các tạp chí uy tín khác (**BẢNG 12: DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CÔNG BỐ của giảng viên và sinh viên CTTT (PHỤ LỤC 1)**).

- **SV CTTT tham gia Hội thảo & Seminars Quốc tế:**

+ Hội thảo Công nghệ Sinh học do Đại sứ quán Hoa kỳ phối hợp với ĐHCT tổ chức, tổ chức hàng năm từ 2009 một số SV CTTT khóa 1, khóa 2, khóa 3, đã được chọn để báo cáo chủ đề đang nghiên cứu. Các em trình báo cáo rất xúc tích và diễn thuyết và thảo luận tiếng Anh rất tốt, được quan khách tham dự tùy viên Đại sứ quán Hoa kỳ khen ngợi.

+ Hội thảo quốc tế Asian Core program “Capacity Building and Development of Microbial Potential and Fermentation Technology towards New Era” tại TP. Hồ Chí Minh vào ngày 18/11/2010 (Viện NC&PT CNSH, ĐHCT phối hợp với trường Đại học An Giang tổ chức) nhiều sinh viên CNSH Tiên tiến đã tham dự cùng với các nhà khoa học từ Nhật Bản, Thái Lan và Lào.

+ Hội thảo quốc tế Asian Core program “Capacity Building and Development of Microbial Potential and Fermentation Technology towards New Era” tại Trường Đại học Cần Thơ vào ngày 26 và 27/8/2012 (Viện NC&PT CNSH tổ chức) nhiều sinh viên CNSH Tiên tiến đã tham dự cùng với các nhà khoa học từ Nhật Bản, Thái Lan và Lào.

+ Hội thảo quốc tế “The 11th Vietnam - Japan Joint Seminar on Collaboration in Advanced Sciences and Technology” tổ chức tại TP.HCM do Trường Đại học Khoa học Tự nhiên ĐHQGTPHCM và Kyoto Institute of Technology (KIT, Japan) tổ chức vào ngày 2 và 3/3/2013.

+ Hội thảo 9th Young Scientist Seminar: “Establish of International Network for Tropical Bioresources and Their Utilization”, Trường Đại học Yamaguchi, Nhật Bản với sự tham gia và báo cáo của 2 SV và 1 CB Trẻ thuộc CTTT cùng với nhiều nhà khoa học trẻ từ Nhật Bản, Thái Lan, Indonesia, Ai Cập, Anh,...

+ Hội thảo quốc tế FerVAAP 2013: “The 5th International Conference on Fermentation and Value Added Agricultural Products” và buổi trao đổi chuyên đề “The 5-Universities Joint Student Meeting” tại Khon Kaen, Thái Lan với sự tham gia của 6 SV và 2 GV thuộc CTTT từ ngày 20 đến 26/8/2013.

+ Hội thảo “BIOTECH ABRs” lần thứ 10 với chủ đề “Innovation in Biotechnology for Health, Medicine and Agriculture” (Cải tiến Công nghệ Sinh học trong các lĩnh vực về sức khỏe, y học và nông nghiệp), Nha Trang, Việt Nam từ ngày 19-22/8/2013 với các nhà khoa học đến từ 14 nước: Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc, Việt Nam, Thái Lan, Indonesia, Malaysia, Ấn Độ, Singapore, Bangladesh, Lào, Campuchia, Iran, Mongolia, United Arab Emirates (UAE),...

*** Một số Hội thảo khoa học có sự tham gia, tổ chức và báo cáo của Giảng viên & Sinh viên CTTT:**

+ Hội thảo đánh giá Chương trình đào CNSH Tiên tiến theo tiêu chuẩn AUN (tháng 3/2014) với sự tham gia của các Sở KH&CN, Sở NN&PTNT, các công ty, doanh nghiệp đến từ các tỉnh ĐBSCL và TP.HCM.

+ Hội thảo Công nghệ Sinh học vùng ĐBSCL năm 2013 do Viện NC&PT CNSH, Trường Đại học Cần Thơ tổ chức với sự tham gia của hơn 150 nhà khoa học trong toàn quốc và đã xuất bản quyển kỷ yếu hội thảo với 85 bài viết (tháng 12/2013).

+ Hội thảo Công nghệ Sinh học Toàn quốc do Viện Công nghệ Sinh học thuộc Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam tại Hà Nội vào tháng 9/2013.

+ Hội thảo hướng dẫn viết bài báo và công bố tạp chí khoa học quốc tế của Hội Vi sinh vật Hoa Kỳ (ASM) vào tháng 9/2013.

+ Hội thảo định hướng nghề nghiệp cho sinh viên kết hợp với Công ty KimDelta vào tháng 6/2013.

+ Hội thảo và giao lưu với các chuyên gia dự án AKIZ (Bộ KH&CN Việt Nam và Chính phủ CHLB Đức). Đã có 3 SV thuộc CTTT làm việc cho Dự án và có 1 SV đã được giới thiệu nhận học bổng sau đại học của Chính phủ CHLB Đức vào tháng 4/2013.

+ Hội thảo “Developing a Biotechnology Industry: Preparing for the Molecular Age” do Trường Đại học Queensland (UQ - Úc) tổ chức tại Đại học Cần Thơ tháng 7/2011.

- SV CTTT tham gia Seminars:

Tổ chức rất thường xuyên cho Sinh viên và giảng viên CTTT tham dự báo cáo Seminars, diễn giả là các báo cáo viên chuyên môn sâu CNSH hàng đầu trong và ngoài nước. Mỗi Gs được mời sang giảng dạy cho CTTT đều có báo cáo Seminar chuyên chủ đề lĩnh vực đang nghiên cứu của mình. Qua đó SV CTTT cập nhật hóa kiến thức CNSH thế giới và có thể định hướng nghiên cứu, hướng học tập sau này.

- SV CTTT tham gia các Hội thi trong và ngoài trường:

- (1) Hội thi “Gạo ngon thương hiệu Việt” do Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tổ chức tại Sóc trăng Trăng trong khuôn khổ chương trình Festival Lúa Gạo Việt Nam lần 2 (12/2011), đội “Gạo Việt” Đại học Cần Thơ (nòng cốt là Sinh viên CTTT CNSH) đoạt giải cao nhất (đây cũng đã “bảo vệ” thành công Giải Nhất trong cuộc thi “Gạo ngon thương hiệu Việt” lần 1 tại An Giang năm 2008).
- (2) Hội thi “Nhà công nghệ sinh học trẻ”: dành cho sinh viên các trường Đại học Tp HCM và ĐHCT (do ĐH Mở TP. HCM tổ chức). Đội CNSH ĐHCT (SV CTTT) đã đạt giải nhất 719 điểm (bỏ xa đội về nhì ĐHKH TN TP. HCM 341 điểm), vào đêm chung kết 9/5/2010.
- (3) Hội thi “Đồng hành cùng Biến đổi khí hậu” do trường ĐHCT tổ chức (25/9/2010), Vũ Thành Công SV CTTT K32 (Khóa 1) đoạt giải nhất với đề tài “Thành phố dây leo” mang tính ứng dụng thực tiễn cao”.
- (4) Giải thưởng KOVA giành cho sinh viên có đề tài NCKH và kết quả học tập tốt: Lý Huỳnh Liên Hương SV CTTT K32 (Khóa 1) được vinh danh trong giải thưởng KOVA lần 8 - 2010 vì có đề tài nghiên cứu khoa học mang tính ứng dụng thực tiễn cao. Phạm Hồng Quang SV CTTT K32 (Khóa 1) được vinh danh tại buổi trao giải lần 9 – 2011. Đặc biệt năm 2012, có 4 Sinh viên (Nguyễn Thị Huỳnh Như – CTTT K34; Nguyễn Hữu Tường – CTTT K34; Ngô Thanh Phú – CTTT K35 và Nguyễn Thị Phương Oanh – CTTT K35) nhận được giải thưởng KOVA lần 11 – 2012 tại Hà Nội với 4 đề tài NCKH có tính khoa học và ứng dụng cao.
- (5) Giải thưởng Tài năng Khoa học Trẻ giành cho Sinh viên do Bộ GD&ĐT chủ trì tổ chức: SV CTTT CNSH đã nhận được 2 giải Ba và 4 giải Khuyến khích và tất cả 6 nhóm SV này đều nhận được Bằng khen của Bộ Trưởng Bộ GD&ĐT.
- (6) Năm 2014, tại Hội nghị NCKH Trẻ Trường Đại học năm 2014, có 2 đề tài Sinh viên đã nhận được giải Khuyến khích giành cho Sinh viên.

BẢNG 12. DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CÔNG BỐ CỦA GIẢNG VIÊN VÀ SINH VIÊN THUỘC CTTT TỪ NĂM BẮT ĐẦU TRIỂN KHAI (PHỤ LỤC 1)

5.3. Kết quả đào tạo của các khoá đã tốt nghiệp

a) Tình hình nhập học và biến động của các khoá đã tốt nghiệp:

**BẢNG 13. TÌNH HÌNH SINH VIÊN NHẬP HỌC VÀ BIẾN ĐỘNG QUA CÁC NĂM
Của các khoá đã tốt nghiệp**

Ngành CTTT: Công nghệ sinh học

TT	Khoá tuyển sinh	Năm 2006	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Ghi chú (<i>chú trọng nguyên nhân gây biến động</i>)
1.	2006	28	27	27	27	27 (TN 12/2010)					SV xin thôi học khi trúng tuyển
2.	2007		30	27	27	27	27 (TN 12/2011)				SV xin thôi học khi trúng tuyển
3.	2008			48	43	43	43	43	43 (TN 04/2013)		SV xin thôi học khi trúng tuyển
4.	2009				32	30	30	30	30 (TN 12/2013)		SV xin thôi học khi trúng tuyển

(Lưu ý: ghi rõ số sinh viên nhập học năm thứ 1 và có mặt ở các năm tiếp theo).

b) Kết quả tốt nghiệp:

BẢNG 14. KẾT QUẢ TỐT NGHIỆP CỦA CÁC KHOÁ

Ngành CTTT: Công nghệ sinh học

TT	Khóa	Tổng số SV tốt nghiệp	Kết quả tốt nghiệp				Ghi chú
			Số SV Xuất sắc	Số SV Giỏi	Số SV Khá	Số SV TB	
1.	2006 – 2010	27	3	19	5	0	
2.	2007 – 2011	26	11	11	5	0	
3.	2008 – 2013	43	13	27	3	0	
4.	2009 – 2013	28	9	18	1	0	

Xếp hạng tốt nghiệp được tham khảo theo bảng sau:

TT	Xếp hạng tốt nghiệp	Điểm TBCHT (Quy chế 25)	Điểm TBCTL (Quy chế 43)
1.	Xuất sắc	Từ 9,0 đến 10	Từ 3,6 đến 4,0
2.	Giỏi	Từ 8,0 đến cận 9,0	Từ 3,2 đến cận 3,6
3.	Khá	Từ 7,0 đến cận 8,0	Từ 2,5 đến cận 3,2
4.	Trung bình khá	Từ 6,0 đến cận 7,0	
5.	Trung bình	Từ 5,0 đến cận 6,0	Từ 2,0 đến cận 2,5

c) Về nghiên cứu khoa học của sinh viên trong cả khoá đào tạo: các đề tài khoa học, các ứng dụng, chuyển giao công nghệ có sinh viên CTTT tham gia (trong trường, liên kết với cơ sở đào tạo và doanh nghiệp ở trong nước và nước ngoài); công trình công bố có sinh viên CTTT là đồng tác giả (trong nước, nước ngoài); ...

BẢNG 15. DANH MỤC ĐỀ TÀI KHOA HỌC, ỨNG DỤNG, CHUYÊN GIAO CÔNG NGHỆ CÓ SINH VIÊN CTTT ĐÃ TỐT NGHIỆP THAM GIA (PHỤ LỤC 1)

BẢNG 15.1: DANH MỤC ĐỀ TÀI KHOA HỌC CÓ SINH VIÊN CTTT ĐÃ TỐT NGHIỆP THAM GIA (NHẬN ĐƯỢC GIẢI THƯỞNG & BẰNG KHEN)

(PHỤ LỤC 1)

BẢNG 16. CÔNG TRÌNH CÔNG BỐ CÓ SINH VIÊN CTTT LÀ ĐỒNG TÁC GIẢ (PHỤ LỤC 1)

d) Tình hình việc làm hoặc học tiếp của sinh viên sau tốt nghiệp

BẢNG 17. TÌNH HÌNH HỌC TIẾP/VIỆC LÀM CỦA SINH VIÊN CTTT SAU TỐT NGHIỆP Ngành CTTT: Công nghệ Sinh học; **Khóa 1 (2006 – 2010)**

TT	Trình độ học tiếp/cơ quan làm việc	Tổng số trong 6 tháng sau tốt nghiệp	Tổng số trong 1 năm sau tốt nghiệp	Ghi chú
1.	Học thạc sĩ ở trong nước	1	8	
2.	Học thạc sĩ ở nước ngoài (*)	2	4	
3.	Học tiến sĩ ở trong nước			
4.	Học tiến sĩ ở nước ngoài(**)		3	
5.	Làm GV trường ĐH, CĐ			
	- Trường công lập:	1	1	
	- Trường ngoài công lập:			
6.	Viện nghiên cứu	1	1	
7.	Cơ quan khác ngoài trường ĐH, CĐ và Viện nghiên cứu			
	- Cơ quan công lập	3	4	
	- Cơ quan liên doanh với nước ngoài	4	4	
	- Cơ quan tư nhân	1	4	
8.	Chưa có việc làm			

(*) 04 SV đi học Master ở Hàn quốc, Úc, Đức, Áo; (**) 03 SV đi làm NCS ở Hàn quốc,

Ngành CTTT: Công nghệ Sinh học ; **Khóa 2 (2007 – 2011)**

TT	Trình độ học tiếp/cơ quan làm việc	Tổng số trong 6 tháng sau tốt nghiệp	Tổng số trong 1 năm sau tốt nghiệp	Ghi chú
9.	Học thạc sĩ ở trong nước	1	1	
10.	Học thạc sĩ ở nước ngoài (*)			
11.	Học tiến sĩ ở trong nước			
12.	Học tiến sĩ ở nước ngoài			
13.	Làm GV trường ĐH, CĐ			
	- Trường công lập:			
	- Trường ngoài công lập:			
14.	Viện nghiên cứu	1	2(1+1)	
15.	Cơ quan khác ngoài trường ĐH, CĐ và Viện nghiên cứu			
	- Cơ quan công lập	3	5(3+2)	
	- Cơ quan liên doanh với nước ngoài	6	6	
	- Cơ quan tư nhân	6	7(6+1)	
16.	Chưa có việc làm*	8		

Ngành CTTT: Công nghệ Sinh học ; **Khóa 3 (2008 – 2012)**

TT	Học tiếp/cơ quan làm việc	Tổng số trong 6 tháng sau tốt nghiệp	Tổng số trong 1 năm sau tốt nghiệp	Ghi chú
17.	Học thạc sĩ ở trong nước		3	
18.	Học thạc sĩ ở nước ngoài	1	4(1+3)	
19.	Học tiến sĩ ở trong nước			
20.	Học tiến sĩ ở nước ngoài		1	
21.	Làm GV trường ĐH, CĐ			
	- Trường công lập:	2		
	- Trường ngoài công lập:			
22.	Viện nghiên cứu	5		
23.	Cơ quan khác ngoài trường ĐH, CĐ và Viện nghiên cứu			
	- Cơ quan công lập	1		
	- Cơ quan liên doanh với nước ngoài	4		
	- Cơ quan tư nhân	5		
24.	Chưa có việc làm			

Nhận xét:

Về tình hình học tiếp/việc làm của sinh viên CTTT khóa 1 trong Bảng 17 cho thấy tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm và đi học thạc sỹ trong và ngoài nước là rất cao. Cụ thể Sau 1 năm tốt nghiệp không có SV thất nghiệp, Số SV học thạc sỹ là 12 (trong đó có 4 học ở nước ngoài), đặc biệt có 3 SV học bằng tiến sĩ ở Hàn quốc; Đáng chú ý có 4 SV được Cơ quan liên doanh với nước ngoài nhận vào làm việc ngay sau 6 tháng Tốt nghiệp.

Đối với sinh viên CTTT khóa 2 trong Bảng 17 cho thấy tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm là rất cao. Cụ thể Sau 1 năm tốt nghiệp có 8 SV chưa có việc làm, Số SV có việc làm chiếm ưu thế, đáng chú ý có 6 SV được Cơ quan liên doanh với nước ngoài và 7 SV được Cơ quan tư nhân nhận vào làm việc ngay sau 6 tháng Tốt nghiệp.

Khóa 3 Bảng 17 cho thấy tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc ngay sau 6 tháng tốt nghiệp là rất cao. Cụ thể có 5 SV có việc làm ở Viện nghiên cứu, đáng chú ý có 4 SV được Cơ quan liên doanh với nước ngoài và 5 SV được Cơ quan tư nhân nhận vào làm việc. Sau 1 năm Tốt nghiệp số SV học thạc sỹ là 7 (trong đó có 4 học ở nước ngoài).

đ) Kế hoạch triển khai tiếp đối với chương trình tiên tiến đã hết hỗ trợ từ Ngân sách nhà nước (*kèm theo giải pháp thực hiện chương trình*)

- Tuyển sinh trong các năm tiếp theo;

+ Tiếp tục tuyển sinh như hiện tại theo như báo cáo ở trên (mục 5.1).

- Quản lý và tổ chức đào tạo (*chú trọng các điều kiện đảm bảo chất lượng, kết nối giảng dạy – nghiên cứu khoa học – doanh nghiệp; sinh viên quốc tế ...*)

+ Tiếp tục quản lý và tổ chức đào tạo như hiện tại theo như báo cáo ở trên (mục 5.2).

- Hợp tác quốc tế: với Trường đối tác và các cơ sở giáo dục đại học khác trên thế giới;

+ CTTT- CNSH ĐHCT vẫn tiếp tục hợp tác trao đổi thường xuyên với trường đối tác MSU nhất là việc cấp chứng chỉ (certificate) cho sinh viên tốt nghiệp, giới thiệu sinh viên giỏi làm ứng viên theo học sau đại học (thạc sĩ và tiến sĩ) ở trường này và hợp tác nghiên cứu khoa học

+ Trường ĐHCT nam qua đã cử 01 CB trong Ban chỉ đạo CTTT CNSH sang làm việc với trường đối tác MSU (2/2012), một số nội dung chính đạt được (đã báo cáo BGH ĐHCT) như sau:

(1) Trường đối tác MSU rất hài lòng và quan tâm CTTT CNSH. 20 giáo sư và tiến sĩ của MSU tham dự trao đổi trong buổi làm việc về CTTT.

(2) MSU nhiệt tình ủng hộ và tiếp tục tham gia CTTT nếu như ĐHCT có yêu cầu.

(3) MSU gợi ý một số hướng hợp tác trong giảng dạy và trao đổi thông tin như giảng dạy trực tuyến (online teaching), sẵn sàng cùng cập nhật phát triển chương trình và nội dung bài giảng một số môn học do MSU và ĐHCT phối hợp giảng dạy.

(4) Cung cấp một số nguồn thông tin về học bổng sau đại học do MSU cấp (sinh viên CTTT quan tâm) và công nhận trình độ tiếng Anh SV CTTT không phải qua thi tuyển.

(5) Đội ngũ CB MSU có thể qua CTU dạy thông qua chương trình VEF hoặc nhân dịp họ có kỳ nghỉ hè hoặc có chuyến công tác gần/tại VN để giảm kinh phí,

(6) Tiếp tục mỗi năm sẽ in và ký chứng nhận/chi (Certificates) cho SV CTTT ĐHCT khi tốt nghiệp.

(7) Thảo luận bàn hướng hợp tác và chuẩn bị đề cương (proposal) cho 2 dự án sắp tới về "Building Capacity for Vietnamese higher education" in STEM-related areas và "Water Quality & Protection & Water Pathogens". Prof. John Dirkx và Dr. Joan Rose, trách nhiệm chính của 2 dự án này.

- *Tài chính: các nguồn thu và chi.*

+ Khi không còn được hỗ trợ kinh phí từ Ngân sách nhà nước, thì một trong những biện pháp chủ động để duy trì CTTT là tăng học phí, nhưng đây là một biện pháp có tính khả thi nhưng không cao đối với sinh nghèo vùng Đồng bằng sông Cửu long.

+ Có thể tiết kiệm các khoản chi đến mức thấp nhất nhưng vẫn đảm bảo chất lượng dạy và học, vì đã được đầu tư ban đầu về con người và cơ sở vật chất từ Ngân sách nhà nước.

- *Những kiến nghị, đề xuất.*

+ Nhà nước, Bộ Giáo dục và Đào tạo tiếp tục hỗ trợ một phần kinh phí nào đó như kinh phí cho các chương trình chính quy khác, đảm bảo cho các trường duy trì và có thể nhân rộng CTTT sang các ngành khác.

6. Đánh giá về CTTT

- Đánh giá theo mục tiêu triển khai CTTT (phụ lục 2);

- Đánh giá theo tiêu chí triển khai CTTT (phụ lục 3);

- Đánh giá tác động của CTTT đối với hoạt động của nhà trường (phụ lục 4);

- Tổng hợp so sánh phát triển của CTTT so với bắt đầu triển khai/chương trình đại trà (phụ lục 5).

7. Kiểm định CTTT

- *Kế hoạch kiểm định CTTT*

+ Chúng tôi đang tiến hành kiểm định Chương trình tiên tiến Công nghệ sinh học theo tiêu chuẩn AUN (Asian University Network). Theo kế hoạch tháng 10/2014 Đoàn đánh giá ngoài sẽ đến ĐHCT để đánh giá.

- *Công việc chuẩn bị kiểm định CTTT (tập huấn, hội thảo, kế hoạch ...);*

+ ĐHCT đã triển khai công tác này từ tháng 10/2013 đến nay đã được một số kết quả sau:

(1) Ngày 01/3/2014: đã tổ chức Hội thảo đánh giá chương trình đào tạo, đánh giá sinh viên tốt nghiệp. Thành phần HT bao gồm các nhà doanh nghiệp, nhà tuyển dụng, đơn vị sử dụng lao động, cựu SV, GV, SV đang học tại trường.

Tất cả các ý kiến đóng góp đều được ghi nhận, một số ý kiến chính như sau: (a) SV Chương trình có năng lực tiếng Anh và chuyên môn tốt, khả năng tự học, làm việc nhóm. Tuy nhiên cần trang bị thêm kiến thức: Quản lý, Tiếng Việt thực hành, Văn bản lưu trữ (tự chọn); Tăng cường thực hành, thực tập, và thực tế. (b) CTĐT nên chuyên sâu các lĩnh vực như CNSH về động vật, CNSH về thực vật, CNSH Thực phẩm, để từ đó đáp ứng nhu cầu làm việc của công ty sau này. (c) Mời nhà tuyển dụng báo cáo một số chuyên đề thiết thực cho SV phát huy kỹ năng mềm (kỹ năng xin việc), chú trọng công tác hướng nghiệp. (d) Ngoài ra, nên kết hợp với doanh nghiệp, công ty để chọn đề tài nghiên cứu hay luận văn tốt nghiệp phù hợp, phục vụ thiết thực cho đơn vị mà sinh viên sẽ được thu nhận làm việc.

Dựa trên những ý kiến đóng góp, phản hồi của các bên liên quan, Hội đồng Viện sẽ điều chỉnh đề nghị lên Hội đồng Khoa học & Đào tạo Trường ĐHCT, gửi nộp ra Bộ GD&ĐT xin phê duyệt chương trình điều chỉnh theo hướng đáp ứng nhu cầu xã hội.

(2) Đã mời chuyên gia tư vấn Viết Báo cáo tự đánh giá và chuẩn bị Minh chứng. Đến nay chuyên gia này đã xuống tư vấn làm việc với CTTT Công nghệ Sinh học và Nuôi trồng Thủy sản 2 lần. Lần 3 dự kiến sẽ vào cuối tháng 9/2014 để đầu tháng 10/2014 đoàn đánh giá ngoài sẽ đến ĐHCT đánh giá.

(3) Báo cáo tự đánh giá CTTT CNSH đã cơ bản hoàn chỉnh, theo kế hoạch 10/6/2014 sẽ gửi đến chuyên gia tư vấn đọc và chỉnh sửa lần cuối, đầu tháng 7/2014 sẽ gửi nhờ chuyên gia nước ngoài đọc và chỉnh sửa tư vấn qua email. Ngày 6/8/2014 sẽ gửi báo cáo chính thức đến tổ chức kiểm định AUN.

Nói chung, mọi công tác chuẩn bị đã và đang theo tiến độ, nhìn chung mọi việc được thực hiện và đánh giá tốt, Dự kiến Kết quả chính thức sẽ được công bố vào đầu năm 2015.

- *Phối hợp với Trường đối tác đánh giá CTTT;*

+ Chưa triển khai được.

- *Tiếp xúc, ký thoả thuận với tổ chức kiểm định nước ngoài.*

+ Chưa có.

8. Tổ chức và quản lý đảm bảo CTTT phát triển bền vững

- Triển khai kế hoạch kiểm định chương trình tiên tiến, tiến tới cả hai bên cấp bằng hoặc bên đối tác cấp bằng, kết quả đến nay: ...

+ Chưa có, sẽ tiến hành trong thời gian tới.

- Hợp tác với trường đối tác và trường đại học quốc tế khác trong việc: đào tạo giảng viên, cán bộ quản lý; phát triển chương trình đào tạo và các điều kiện đảm bảo chất lượng; đánh giá và kiểm định CTTT; trao đổi giảng viên, cán bộ quản lý và sinh viên: ...

+ Prof. John M. Dirkx and Prof. Julie L. Brockman (Trường Michigan State University, USA) đến ĐHCĐ tập huấn giảng viên CTTT về Teaching and developing curriculum for active and engaged learning 11- 17/06/09.

+ Prof. John M. Dirkx and Prof. Julie L. Brockman (Trường Michigan State University, USA) đến ĐHCĐ tập huấn giảng viên CTTT về “Dạy học bằng phương pháp tra cứu” 2 – 12/11/09.

+ Dr. Kathy Wigal (Associate Director of Curricular Innovation), và Dr. Scott Danielson (Associate Dean of Academic Programs), Arizona State University (dự án HEAP) đến tập huấn cán bộ ĐHCĐ về cách viết Mục tiêu và chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo 12/5/2014.

- Hợp tác với các cơ sở đào tạo, tổ chức, doanh nghiệp ở trong nước để triển khai CTTT: phát triển chương trình đào tạo; thực hành, thực tập và hỗ trợ đào tạo khác; nghiên cứu khoa học và triển khai ứng dụng; tài trợ cho CTTT, sinh viên CTTT...

+ Chưa có.

- Về nhân rộng mô hình CTTT sang ngành khác (nêu rõ tên ngành, năm và cách thức triển khai, đánh giá sơ bộ kết quả), sang hình thức đào tạo khác (dạy bằng Tiếng Việt): ...

+ Đảng ủy Ban Giám hiệu đã có chủ trương mở thêm một số ngành ở các khoa khác từ năm 2015 từ kinh phí của Đề án 2020, một số chương trình đào tạo như sau:

1. Kỹ thuật Cơ - Điện tử (Khoa Công nghệ)
2. Công nghệ kỹ thuật hóa học (Khoa Công nghệ)
3. Hệ thống thông tin (Khoa Công nghệ thông tin)
3. Khoa học máy tính (Khoa Công nghệ thông tin)
4. Kinh doanh quốc tế (Khoa Kinh tế và Quản trị Kinh doanh)
6. Sư phạm Toán (Khoa Sư phạm)

- Từ 2015, mỗi năm sẽ dạy tiếng Anh 20% đến 25 % số môn học. Đến 4 năm là có chương trình bằng tiếng Anh như CTTT.

- Chuẩn bị nguồn lực để đảm bảo các điều kiện duy trì CTTT sau khi hết tài trợ từ Nhà nước (kế hoạch cụ thể đã, đang và sẽ triển khai về huy động nguồn tài chính, bồi dưỡng đội ngũ giảng viên, duy trì và nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị...): ...

+ Duy trì CTTT sau khi không hỗ trợ kinh phí mời giáo sư nước ngoài chắc chắn sẽ có những khó khăn nhất định, nhưng ĐHCĐ Cần Thơ cũng đang tiếp tục quan hệ hợp tác với các trường trên thế giới thông qua các dự án hoặc mời các giáo sư từ một số trường ở Đông Nam Á (Thái Lan, Malaysia, Philippines...) để giảm bớt chi phí mời giảng (có thể giảm được chi phí đi lại), đồng thời từng bước tăng học phí khi có tác động của sinh viên ra trường với chất lượng cao.

+ Hưởng lợi từ CTTT chúng tôi đã có cơ hội để nâng cấp cơ sở vật chất và trình độ cán bộ qua đó nâng cao chất lượng đào tạo đại học ngang tầm khu vực và thế giới. Có thể nói Cơ sở vật chất và đội ngũ cán bộ giảng dạy và quản lý CTTT có đủ khả năng để duy trì CTTT.

+ Mặc khác, Trường ĐHCT được Bộ GD&ĐT cho thực hiện đề án Ngoại ngữ 2020, dự án này có thể tài trợ một phần cho CTTT để duy trì và phát triển sau 2015 (theo Hiệu Trưởng PGS.TS. Hà Thanh Toàn)

- Về khiếu kiện và những vi phạm trong tuyển sinh, tổ chức đào tạo và cấp bằng hoặc trong những hoạt động khác có liên quan đến CTTT: ...

+ Không có

8.1. Ban quản lý CTTT: (danh sách BQL hiện tại kèm quyết định)

BẢNG 18. DANH SÁCH BAN QUẢN LÝ CTTT

+ Ban chỉ đạo Chương trình tiên tiến CNSH, ĐHCT gồm 08 thành viên:

TT	Họ và tên	Chức vụ ở Trường	Chức vụ ở Ban QL	Chuyên trách hay kiêm nhiệm	Nhiệm vụ được giao	Email/Điện thoại
1	PGS.TS. Đỗ Văn Xê	P. Hiệu trưởng	Trưởng ban	Kiểm nhiệm	Chỉ đạo chung	dvxe@ctu.edu.vn 0918 026 027
2	PGS.TS. Trần Nhân Dũng	Viện Trưởng	Phó ban	Kiểm nhiệm	Quản lý trực tiếp	tdung@ctu.edu.vn 0909 051 334
	TS. Nguyễn Văn Thành	P.Viện Trưởng	Thư ký	Kiểm nhiệm	Điều hành trực tiếp	nvthanh@ctu.edu.vn 0908 353 373
3	TS. Ngô Thị Phương Dung	P.Viện Trưởng	Thành viên	Kiểm nhiệm	Liên hệ với đối tác, mời giảng	ntpdung@ctu.edu.vn 0914 849 346
5	ThS. Nguyễn Văn Duyệt	Trưởng phòng Tài Vụ	Thành viên	Kiểm nhiệm	CT Tài chính	nvduyet@ctu.edu.vn 0918 72 46 33
6	ThS. Nguyễn Minh Trí	Trưởng phòng Đào tạo	Thành viên	Kiểm nhiệm	CT Đào tạo	nmtri@ctu.edu.vn 0918 82 88 66
7	CN. Lý Thị Bích Thủy	Trợ lý Giáo vụ Viện	Thành viên	Kiểm nhiệm	CT Giáo vụ	thuyly@ctu.edu.vn 0986 449 268
8	ThS. Trần Vũ Phương	Chánh văn phòng Viện	Thành viên	Kiểm nhiệm	CT văn bản, thực hành, LVTN	tvuphuong@ctu.edu.vn 0918 458 959

8.2. Ứng dụng công nghệ thông tin (trong quản lý đào tạo, quản lý sinh viên, giảng viên, quản lý thời khóa biểu, đăng ký học tập, quảng bá thông tin về CTTT, những thay đổi so với năm 2010).

- Phần mềm quản lý:

+ Phần mềm trong nước + Phần mềm nước ngoài

+ Dùng chung toàn trường: + Riêng cho CTTT

+ Các chức năng quản lý chính:

o Cổng thông tin (Website)

o Quản lý sinh viên

o Quản lý giảng viên

o Quản lý lớp học

o Đăng ký học tập

o Nộp bài tập, kiểm tra online

o Trao đổi giữa giảng viên và sinh viên

o Các chức năng khác:

- Quảng bá, thông tin về CTTT
- + Website riêng cho CTTT ; + Trong Website của trường:
- + Các thông tin chính:
 - o Cung cấp các thông tin chung về Đề án CTTT
 - o Thông tin về CTTT của trường
 - o Các quy định về CTTT
 - o Kế hoạch học tập
 - o Cung cấp tài liệu dạy - học thuộc CTTT
 - o Kết quả hoạt động đào tạo thuộc CTTT
 - o Kết quả hoạt động KH&CN thuộc CTTT
 - o Kết nối thư viện điện tử, giáo trình điện tử
 - o Thông tin về hợp tác và kết nối với trường đối tác
 - o Kết nối với các CTTT của các trường khác
 - o Tư vấn/hỗ trợ sinh viên
 - o Diễn đàn trao đổi học thuật (link website Đoàn TN)
 - o Kết nối với doanh nghiệp có liên quan
 - o Thông tin về việc làm của sinh viên sau tốt nghiệp
 - o Các thông tin khác

8.3. Đánh giá quá trình triển khai CTTT

- Về chất lượng giảng dạy (giảng viên nước ngoài, giảng viên trong nước, trợ giảng): về chất lượng chuyên môn, phương pháp giảng dạy, phương pháp kiểm tra đánh giá, sử dụng tiếng Anh

+ Giảng viên nước ngoài được mời sang giảng dạy CTTT là những nhà khoa học chuyên gia hàng đầu trong lĩnh vực/chuyên ngành mời giảng; Giảng viên (GV) trong nước hầu hết là PGS, TS được đào tạo chuyên môn sâu tốt nghiệp ở nước ngoài; Trợ giảng đa số là GV có trình độ thạc sĩ và tiến sĩ nhiều trong số đó được đào tạo ở nước ngoài. Nên Lực lượng GV và trợ giảng sử dụng tiếng Anh tốt, cho nên chất lượng giảng dạy, chất lượng chuyên môn rất tốt!

+ Áp dụng Phương pháp giảng dạy, phương pháp kiểm tra đánh giá: khoa học của trường đối tác và các nước tiên tiến, theo học chế tín chỉ. Phương pháp giảng dạy lấy sinh viên làm trung tâm, phương pháp kiểm tra đánh giá khoa học mềm dẻo... (như đã đề cập ở trên) chính các phương pháp này đã kích thích và “buộc” SV CTTT dần dần hình thành kỹ năng tự học tập tự tìm đến nắm bắt và chiếm lĩnh tri thức mới, phát triển tư duy sáng tạo, năng động, bản lĩnh, SV CTTT sẽ hòa nhập tốt với cộng đồng, với môi trường học tập, và môi trường sống hiện đại.

- Về trình độ tiếng Anh và tiếp thu bài giảng của sinh viên, kết quả học tập:

+ Về trình độ tiếng Anh và tiếp thu bài giảng của sinh viên: rất tốt

+ Kết quả học tập: rất tốt

Đa số SV học sinh giỏi và xuất sắc, một phần khá, vài SV trung bình, và không có SV yếu. (**BẢNG 11**: Kết quả học tập SV các khóa 4, 5, 6,7,8)

- Cách thức đánh giá đã được áp dụng:

- + Giảng viên/Trợ giảng đánh giá Giảng viên/Trợ giảng
- + Giảng viên đánh giá sinh viên (thái độ, tiếng Anh ...)

- Các kỹ năng SV CTTT được phát triển hơn (tu duy, thuyết trình, giao tiếp, NCKH, Tiếng Anh, làm việc nhóm,..)
- Chất lượng đào tạo, cơ hội việc làm/học tiếp, năng lực SV CTTT cao hơn chương trình đạt trả.
- + Giảng viên đánh giá việc tổ chức và quản lý CTTT
 - Tất cả giảng viên đều đánh giá cao việc tổ chức và quản lý của Ban chỉ đạo CTTT; Đa số các thầy cô đều đánh giá CTTT đều rất tốt, cập nhật phát triển phù hợp với Việt Nam.
 - GV đã được đào tạo ở nước ngoài và trường đối tác đảm bảo đảm nhận giảng dạy CTTT trong thời gian tới.
- + Sinh viên đánh giá giảng viên
 - Được tổ chức qua từng học kỳ, kết quả cho thấy 100% GV CTTT được đánh giá từ tốt (đa số) đến khá.
 - Giảng viên CTTT giảng dạy rất nhiệt tình, phương pháp giảng dạy tích cực hiện đại, vì thế sinh viên tự giác chủ động nắm bắt kiến thức.
- + Sinh viên đánh giá môn học
 - các môn học trong chương trình đào tạo được sinh viên đánh giá cao.
- + Sinh viên đánh giá việc tổ chức và quản lý CTTT
 - Được học trong chương trình tiến bộ, được nhiều ưu tiên về cơ sở vật chất và đội ngũ thầy cô giáo.
 - Thầy cô và Ban quản lý CTTT luôn tạo điều kiện tốt nhất cho các em học tập.
- + Cán bộ quản lý đánh giá về CTTT
 - CTTT là chương trình rất tốt, là bước đột phá để nâng cấp cơ sở vật chất và trình độ cán bộ qua đó nâng cao chất lượng đào tạo đại học ngang tầm khu vực và thế giới. CTTT là tiền đề và cũng là điều kiện để có thể nhân rộng lan tỏa CTTT ra các chương trình khác nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng giáo dục đại học của trường ĐHCT nói riêng và cả nước nói chung
 - *Cách thức xử lý kết quả đánh giá:*
 Trung Tâm Đảm bảo chất lượng Trường ĐHCT, Tổ chức sơ kết đánh giá CTTT (Sinh viên, Giảng viên, CB Quản lý, Ban chỉ đạo tham gia).

9. Về tài chính và thanh quyết toán kinh phí

9.1. Các nguồn thu

**BẢNG 19. KHOẢN THU CỦA CTTT QUA TỪNG NĂM TỪ KHI BẮT ĐẦU (1000 VN
Đồng)**

Ngành CTTT: CÔNG NGHỆ SINH HỌC

S T T	Nguồn	Năm										Cộng	Tỉ lệ trên tổng thu
		2006	2007	2008	2009	2010	2011	2012	2013	2014 (Dự kiến)			
1	NSNN*		2.000.000	3.500.000	6.000.000	6.000.000	4.000.000	2.000.000				23.500.000	60,00
2	Học phí		108.322	217.520	306.909	571.204	727.600	844.340	1.023.512	1.123.000		4.922.407	20,95
3	Trường đóng góp**		530.369	654.956	966.519	905.664	655.691	520.818	421.485			4.655.502	19,81
	Học bổng						56.000	56.000	83.200	83.200			
	Hỗ trợ NCKH					69.000	58.000	145.000	158.000	120.000			
	Chi tiền giờ giảng						788.000	368.640	503.274				
4	Tài trợ khác						56.900	20.400	47.500				
	Học bổng khác***						56.900	20.400	47.500				
	TỔNG		2.638.691	4.372.476	7.011.167	7.545.868	6.342.191	3.955.198	2.236.971	1.326.200			

*NSNN cấp hàng năm cho CTTT thuộc dạng kinh phí thường xuyên, kinh phí sử dụng không hết sẽ được trường ĐH Cần thơ giữ lại để sử dụng đúng mục đích cho CTTT CNSH trong những năm sau (CTTT-CNSH đào tạo liên tục về sau).

**Phần kinh phí trường đóng góp: bao gồm các trang thiết bị chuyên ngành được mua sắm, không từ NSNN cấp, phục vụ cho thực hành thực tập, làm đề tài nghiên cứu KH, và thực hiện Luận văn tốt nghiệp.

***Bao gồm các nguồn học bổng: HB Vallet, HB VH Thụy sĩ – VN, HB KOVA, HB Yamaha-Hồng Phúc, HB Tây Nam Bộ; và HB GE Foundation Scholar-Leaders (570 USD/năm # 11.400.000 VNĐ); HB WEAV(3 nữ SV CTTT)

9.2. Các khoản chi theo từng năm

BẢNG 20. CÁC KHOẢN CHI VÀ TỈ TRỌNG CỦA TỪNG KHOẢN CHI TRONG TỔNG CHI CHO CTTT TRONG CÁC NĂM 2011, 2012, 2013

Ngành CTTT: Công nghệ Sinh học

Chú ý: - Tại các ô tương ứng theo năm của các nội dung chi 1, 2... đến 7 đề nghị ghi tổng chung của các nội dung a,b,c... của nội dung này và tỉ trọng trong tổng chi chung của năm.

- Tại các nội dung chi a,b,c... không cần ghi tỉ trọng.

(1000 VN Đồng)

TT	Nội dung chi	2011		2012		2013		Ghi chú
		Tổng	Tỷ trọng	Tổng	Tỷ trọng	Tổng	Tỷ trọng	
1.	Xây dựng CTĐT, GT, TLiệu							
a	Chi mua bản quyền chương trình							
b	Chi xây dựng chương trình							
c	Chi mua sách, giáo trình, tài liệu							
2.	Chi phí cho giảng viên, trợ giảng trong nước	613.759	13,73%	472.861	24,76%	503.274	29,29%	
a	Chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý, giảng viên	194.969						
b	Chi hỗ trợ thù lao cho giảng viên trong nước	104.200						
c	Chi thù lao cho giảng viên trong nước	314.590		456.996		503.274		
3.	Chi thuê giảng viên nước ngoài	740.767	16,57%	675.895	35,39%	53.868	3,13%	
4.	Chi phí cơ sở vật chất	2.693.572	60,27%	365.754	19,15%	799.152	46,50%	
a	Chi cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất, phòng thí nghiệm, thư viện điện tử	693.572		265.754		382.598		
b	Chi xây dựng đường truyền và							

TT	Nội dung chi	2011		2012		2013		Ghi chú
		Tổng	Tỷ trọng	Tổng	Tỷ trọng	Tổng	Tỷ trọng	
	thiết bị phục vụ phương thức học qua mạng, hội nghị truyền hình							
c	Chi mua vật liệu thí nghiệm, công cụ thực hành			302.581		416.554		
5.	Chi quản lý	418.116	9,36%	392.100	20,53%	362.061	21,07%	
a	Chi đi công tác nước ngoài					84.258		
b	Chi quản lý hành chính	134.400		162.100		162.320		
c	Chi hỗ trợ nghiên cứu khoa học cho sinh viên	270.000		130.000		115.483		
d	Chi chương trình trao đổi sinh viên							
đ	Chi quảng bá chương trình							
6.	Chi kiểm định chương trình							
7.	Chi khác (ghi rõ nội dung chi liên quan đến CTTT)	3.000	0,07%	3.000	0,16%			
a	Chi tiền học bổng cho sinh viên	3.000		3.000				
	Tổng:	4.469.214		1.909.610		1.718.355		
	Mức độ giải ngân (tỷ lệ % đối với phần NSNN)	4.000.000 100%		2.000.000 95,48%		2.200.000 78,11%		

(*)NSNN năm 2013: do trường đóng góp từ nguồn thu học phí

9.3. Mức thu học phí

BẢNG 19. DIỄN BIẾN MỨC THU HỌC PHÍ CTTT QUA CÁC NĂM HỌC

(Quy theo VNĐ/năm học/SV)

Ngành CTTT: Công nghệ Sinh học

Khóa đào tạo	Năm thứ 1	Năm thứ 2	Năm thứ 3	Năm thứ 4	Năm thứ 5
Khóa 1 (2006 – 2010)	4.280.000	4.280.000	4.280.000	6.400.000	
Khóa 2 (2007 – 2011)	4.280.000	4.280.000	6.400.000	7.860.000	
Khóa 3 (2008 – 2012)	4.280.000	6.400.000	7.860.000	9.600.000	
Khóa 4 (2009 – 2013)	6.400.000	7.860.000	9.600.000	11.280.000	
Khóa 5 (2010 – 2014)	7.860.000	9.600.000	11.280.000		
Khóa 6 (2011 – 2015)	9.600.000	11.280.000			
Khóa 7 (2012 – 2016)	11.280.000				

9.4. Học bổng và tài trợ (Diễn biến trong năm 2010, 2011, 2012, 2013)

- Các khoản hỗ trợ/tài trợ bằng tiền

BẢNG 20. DANH SÁCH CÁC ĐƠN VỊ CUNG CẤP HỌC BỔNG/TÀI TRỢ

STT	Cơ quan cấp học bổng/tài trợ	Số suất học bổng	Tổng số tiền	Thời gian cấp học bổng
1	Học bổng Vallet	5	25.000.000	Năm học 2010 và 2011
2	Học bổng VH Thụy sĩ – VN	4	4.000.000	Năm học 2010 và 2011
3	Học bổng KOVA	2	14.000.000	Năm học 2010 và 2011
4	Học bổng Yamaha-Hồng Phúc	2	2.500.000	Năm học 2011
5	Học bổng GE Foundation Scholar-Leaders	1	570 USD/năm # 11.400.000	Năm học 2012
6	Học bổng VH Thụy sĩ – VN	1	1.000.000	Năm học 2012
7	Học bổng Tây Nam Bộ	4	8.000.000	Năm học 2012
8	Học bổng WEAV	3	7.500.000	Năm học 2013
9	Học bổng KOVA	4	40.000.000	Năm học 2013

- Các khoản hỗ trợ khác không bằng tiền (như tài liệu, giáo trình; trang thiết bị; nhận thực tập ...)

- Năm 2011: 1 SV có học bổng “Thủ lĩnh Văn hóa” của Hoa Kỳ (5 tuần tại Mỹ)
- Năm 2012: 1 SV có học bổng “Thủ lĩnh Môi trường” của Hoa Kỳ (5 tuần tại Mỹ)
- Năm 2012: 1 SV có học bổng “Văn hóa Nhật Bản” của Nhật Bản (2 tuần tại Nhật)
- Năm 2012: 1 SV có học bổng “VietHope” 3 ngày tại Cần Giờ - TPHCM
- Năm 2013: 6 SV đi dự hội thảo tại Thái Lan “FerVAAP 2013”
- Năm 2013: 2 SV đi thực tập ở Nhật Bản (3 tháng)
- Năm 2013: 1 SV đi thực tập và làm luận văn tốt nghiệp tại Nhật Bản (1 năm)

- Năm 2014: Chương trình VEF scholar Hoa kỳ tài trợ hi phí cho:
 - + Mua sắm một số thiết bị tổ chức cho SV học môn Tin sinh học (bio-informatics) qua mạng do Gs Terence Marsh MSU (điều phối viên của CTTT) giảng dạy qua mạng từ Hoa kỳ ở học kỳ 2 (2013-2014).
 - Đã lên kế hoạch tổ chức cho SV học môn “Thực hành Vi sinh vật nâng cao” (General Microbiology Lab.) vào tháng 9/2014 do Gs Terence Marsh (điều phối viên của CTTT) sang giảng dạy.

10. Các khó khăn, hạn chế, kiến nghị, đề xuất

10.1. Khó khăn, hạn chế

Nêu những khó khăn, hạn chế và nguyên nhân khi triển khai CTTT trong việc: chi tiêu tài chính, xây dựng chương trình đào tạo, tuyển sinh, mời GV nước ngoài, về kinh nghiệm giảng dạy và trình độ tiếng Anh của giảng viên trong nước, về kinh phí (pha 2, 3), về duy trì CTTT sau khi không được hỗ trợ kinh phí, về nghiên cứu khoa học, về cơ chế khi triển khai theo mô hình của CTTT sang các ngành khác...

- Thời gian bắt đầu triển khai có một số khó khăn nhất định như:
 - + Mời giảng viên nước ngoài sang dạy, vì thời gian dạy thường từ 2-3 tuần/học phần nên tăng áp lực học tập đối với sinh viên, đặc biệt là khi học bằng ngoại ngữ. Khó khăn này đã từng bước được khắc phục như giảng viên trợ giảng tăng cường trao đổi với GV nước ngoài, chọn một số chương trọng tâm của môn học giới thiệu cho SV tìm hiểu/học trước, song song đó GV Trợ giảng sẽ tiến hành dạy một số chương khác còn lại, đến khi GVNN sang dạy SV đã có bước chuẩn bị nên tiếp thu bài tốt.
 - Kinh nghiệm giảng dạy và trình độ tiếng Anh: Một số cán bộ giảng dạy người Việt chưa có kinh nghiệm giảng dạy bằng tiếng Anh mặc dù đã học ở nước ngoài bằng tiếng Anh nhiều năm và đã tham gia báo cáo ở nhiều hội nghị/hội thảo khoa học quốc tế; Đa số chưa từng hướng dẫn sinh viên viết luận văn bằng tiếng nước ngoài. Chúng tôi đã tiến hành tập huấn nâng cao trình độ tiếng Anh, cử đi tập huấn ở trường đối tác, làm trợ giảng và dự giờ của các giáo sư nước ngoài sang giảng dạy CTTT, từ đó khó khăn này cũng đã được khắc phục tốt.
 - Duy trì CTTT sau khi không được hỗ trợ kinh phí: Như đã nói ở trên, khi không được hỗ trợ kinh phí, duy trì CTTT sẽ gặp khó khăn nhất định nhất là việc mời giáo sư nước ngoài chắc chắn sẽ có những khó khăn, nhưng ĐH Cần Thơ cũng đang tiếp tục quan hệ hợp tác với các trường trên thế giới thông qua các dự án, các giáo sư chuyên gia sang làm việc sẽ được tranh thủ mời giảng dạy cho CTTT (có thể giảm được chi phí vé đi lại), hoặc mời các giáo sư từ một số trường ở Đông Nam Á (Thái Lan, Malaysia, Philippines...) để giảm bớt chi phí mời giảng, đồng thời từng bước tăng học phí khi có tác động của sinh viên ra trường với chất lượng cao.

10.2. Kiến nghị và đề xuất

Đề xuất biện pháp khắc phục và các kiến nghị liên quan.

- Sinh viên sau khi tốt nghiệp CTTT, muốn tiếp tục học cao học bằng chương trình tiếng Anh, Bộ Giáo dục và Đào tạo quan tâm giúp đỡ và tạo điều kiện và cho phép các trường có đào tạo chương trình tiên tiến mở bậc cao học bằng tiếng Anh ở Việt Nam.
- Sinh viên tốt nghiệp CTTT khi tiếp tục học tiếp ở nước ngoài có thể có chính sách hỗ trợ về học bổng hoặc ưu tiên xét tuyển.

- Cần tiếp tục hỗ trợ kinh phí cho CTTT sau 3 khóa theo hướng giảm dần để từng bước giảm tỉ lệ giảng viên nước ngoài đến dạy trước khi 100% sẽ được giảng dạy bởi giảng viên trong nước.

Đề nghị Nhà nước, Bộ Giáo dục và Đào tạo tiếp tục hỗ trợ một phần kinh phí, đặc biệt dành cho Chương trình tiên tiến Trường Đại học Cần Thơ để có thể hỗ trợ cho sinh viên nghèo vùng Đồng bằng sông Cửu long có điều kiện theo học CTTT, và cũng là điều kiện để có thể nhân rộng lan tỏa CTTT ra các chương trình khác nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng giáo dục đại học của trường ĐHTT nói riêng và cả nước nói chung.

11. Tổng hợp đánh giá về CTTT theo đề cương phụ lục 2, 3, 4, 5

- ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ ĐẠT ĐƯỢC CỦA TỪNG CTTT THEO MỤC TIÊU

(PHỤ LỤC 2)

- ĐÁNH GIÁ THEO TIÊU CHÍ XÁC ĐỊNH VÀ TRIỂN KHAI CTTT

(PHỤ LỤC 3)

- ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CTTT ĐẾN HOẠT ĐỘNG CỦA NHÀ TRƯỜNG

(PHỤ LỤC 4)

- Tổng hợp so sánh phát triển của CTTT so với bắt đầu triển khai/chương trình đại trà

(PHỤ LỤC 5)

Trên đây là báo cáo của Chương trình tiên tiến Công nghệ Sinh học- Đại học Cần Thơ. Kính mong Bộ Giáo Dục và Đào tạo, Vụ Giáo Dục Đại Học tiếp tục hỗ trợ giúp đỡ Chương trình tiên tiến Công nghệ Sinh học của Trường Đại học Cần thơ chúng tôi trong thời gian tới.

Chân thành cảm ơn và Trân trọng kính chào,

Người lập báo cáo

(Ký và ghi rõ họ tên)



Nguyễn Văn Thành

P. HIỆU TRƯỞNG

(Ký và đóng dấu)



Đỗ Văn Xê

PHỤ LỤC 1

BẢNG 12. DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CÔNG BỐ
Của giảng viên và sinh viên thuộc CTTT từ năm bắt đầu triển khai
(Chỉ liệt kê công trình công bố thuộc CTTT)

STT	Tên công trình công bố	Tên tác giả (thuộc CTTT)		Tên tạp chí, Tuyển tập hội thảo, hội nghị	Nhà xuất bản (nếu có)
		Giảng viên	Sinh viên		
1.	Thử nghiệm sản xuất phân hữu cơ vi sinh từ chất thải bã bùn bia.	Trần Nhân Dũng.	Trần Bửu Minh, Nguyễn Thị Phương Oanh, Trần Hải My, Nguyễn Văn Lượng	Tạp chí Nông nghiệp PTNT số 14/2014.	Nxb Nông nghiệp.
2.	Testing on three determining methods of genetic diversity on earthworm species belonging to the pheretima species group in the Mekong Delta.	Nguyễn Thanh Tùng, Trần Nhân Dũng	Phạm Anh Tú	Tạp chí Sinh học 34 (1): 6-14. 2012.	Viện Khoa học Công nghệ Việt Nam.
3.	Selection and determination of cultural conditions for aerobic cellulose production bacteria on sugarcane bagasse.	Vo Van Song Toan, Duong Thi Huong Giang and Tran Nhan Dung	Nguyen Thi Thanh Truc	Proceedings The 2 nd International Conference on Food Science & Technology November 9-12, 2011 - Can Tho: 275-283. 2012	Can Tho University Publishing House.
4.	Tuyển chọn và tối ưu hóa vi khuẩn kỵ khí sinh tổng hợp enzyme cellulase trên cơ chất bột giấy.	Võ Văn Song Toàn, Dương Thị Hương Giang và Trần Nhân Dũng	Trần Non Nước	Tạp chí Khoa học. 22b: 43-53. 2012,	Nxb Đại học Cần Thơ.
5.	Đánh giá hiệu quả của colchicine trong chọn tạo giống quýt hồng Lai Vung không hạt	Trần Nhân Dũng và Đỗ Tấn Khang	Nguyễn Thị Ngọc Trâm	Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ, 23: In Press. 2012,	Nxb Đại học Cần Thơ.
6.	Ứng dụng kỹ thuật PCR để phát hiện nhanh thực phẩm chứa GMO.	Nguyễn Vũ Linh, Trần Nhân Dũng, Trần Thị Xuân Mai, Nguyễn Ngọc Quỳnh Anh, Phan Hữu Thông và Phan Văn Linh	Bùi Ngọc Kim Ngân	Kỷ yếu hội nghị khoa học công nghệ tuổi trẻ các trường đại học và cao đẳng khối nông lâm ngư thủy toàn quốc lần thứ năm, Trang bổ sung. 2011	Nxb Đại học Cần Thơ.
7.	Khảo sát sự biểu hiện hệ protein của một số giống lúa kháng rầy ở Đồng bằng sông Cửu Long bằng kỹ thuật điện di 2 chiều (2D).	Nguyễn Thị Xuân Dung, Trần Nhân Dũng	Nguyễn Phương Diễm	Kỷ yếu hội nghị khoa học công nghệ tuổi trẻ các trường đại học và cao đẳng khối nông lâm ngư thủy toàn quốc lần thứ năm, Trang bổ sung. 2011	Nxb Đại học Cần Thơ.
8.	Mức đa bội thể của tập đoàn giống cây có múi ở Việt Nam bằng phương	Nguyễn Vũ Linh, Nguyễn Xuân Phước, Nguyễn Lê Duy Trung và	Nguyễn Thị Ngọc Trâm	Tạp chí Khoa học, 18b 238-247. 2011.	Nxb Đại học Cần Thơ.

STT	Tên công trình công bố	Tên tác giả (thuộc CTTT)		Tên tạp chí, Tuyển tập hội thảo, hội nghị	Nhà xuất bản (nếu có)
		Giảng viên	Sinh viên		
	pháp dòng chảy tế bào.	Trần Nhân Dũng			
9.	Xác định một số loài ruồi đục quả <i>Bactrocera</i> (Diptera: Tephritidae) ở Đồng bằng sông Cửu Long bằng kỹ thuật phân tử.	Lê Quốc Điền, Trần Nhân Dũng	Bùi Ngọc Kim Ngân	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn 81 (2/11): 24-28. 2011.	Nxb Nông nghiệp.
10.	Khảo sát quy trình thử nghiệm sản xuất phân hữu cơ - vi sinh từ chất thải bã bùn bia.	Trần Nhân Dũng	Trần Bửu Minh, Nguyễn Thị Phương Oanh, Trần Hải My, Nguyễn Văn Lượng	Kỷ yếu Hội nghị Nghiên cứu khoa học trẻ Trường Đại học Cần Thơ năm 2014, pp.49-57.	Nxb Trường Đại học Cần Thơ.
11.	Nghiên cứu khả năng thủy phân và điều kiện lên men sản xuất ethanol sinh học từ vỏ trái ca cao	Huỳnh Xuân Phong và Ngô Thị Phương Dung	Phạm Thiều Quân	Kỷ yếu Hội nghị Nghiên cứu khoa học trẻ Trường Đại học Cần Thơ năm 2014, pp.49-57.	Nxb Trường Đại học Cần Thơ.
12.	Isolation and Selection of thermal tolerant toluene degrading bacteria.	Nguyen Huu Hiep	Vo Ngoc Thao Nguyen	Proceedings of National Biotechnology Conference 2013. pp.415-419.	Viện Khoa học Công nghệ Việt Nam.
13.	Khảo sát ảnh hưởng của pH, chu kỳ sáng tối và màu sắc ánh sáng để khả năng tổng hợp chlorophyll và carotenoid ở tảo <i>Spirulina</i> sp.	Nguyễn Hữu Hiệp	Nguyễn Thị Huỳnh Như	Kỷ yếu Hội nghị Khoa học Công nghệ Sinh học toàn quốc năm 2013. Quyển 2: 965-970.	Viện Khoa học Công nghệ Việt Nam.
14.	Thiết kế cặp môi chuyên biệt nhận diện nấm xanh <i>Metarhizium anisopliae</i> var. <i>acridum</i> bằng kỹ thuật PCR	Trần Thị Xuân Mai	Trương Khánh Anh Cơ	Hội thảo "BIOTECH ABRs" lần thứ 10 với chủ đề "Innovation in Biotechnology for Health, Medicine and Agriculture"	
15.	Testing of ethanol fermentation at high temperature by thermo-tolerant yeasts.	Quang H. Pham, Dung, N.T.P., Phong X. Huynh	Tuong H. Nguyen, Doi M. Nguyen.	Scientific Journal of Can Tho University 27, pp.16-23.	Can Tho University Publishing House
16.	Khảo sát sự phân ly của tổ hợp lai đậu nành hoang (<i>glycine soja</i>) và đậu nành trồng (<i>glycine max</i>) dựa vào hình thái, nông học và dấu phân tử SSR	Trương Trọng Ngôn	Nguyễn Quang Đạt	Proceedings. The Mekong Delta Conference of Biotechnology (ISBN 978-604-919-026-1), pp.447-453	Can Tho University Publishing House
17.	Khảo sát ảnh hưởng của nồng độ nitơ, phospho và acid citric lên việc tích lũy lipid ở tảo <i>nannochloropsis</i> sp.	Nguyễn Hữu Hiệp	Nguyễn Đan Vân	Proceedings. The Mekong Delta Conference of Biotechnology (ISBN 978-604-919-026-1), pp.395-401	Can Tho University Publishing House
18.	Khảo sát khả năng cố định đạm và tổng hợp iaa của một số dòng vi khuẩn phân	Nguyễn Thị Pha	Nguyễn Thị Phương Oanh,, Trần Bửu Minh,	Proceedings. The Mekong Delta Conference of Biotechnology (ISBN	Can Tho University Publishing House

STT	Tên công trình công bố	Tên tác giả (thuộc CTTT)		Tên tạp chí, Tuyển tập hội thảo, hội nghị	Nhà xuất bản (nếu có)
		Giảng viên	Sinh viên		
	lập từ đất vùng rẫy lúa			978-604-919-026-1), pp.325-330	
19.	Khảo sát tác động của các dòng vi khuẩn cố định đạm, tổng hợp indole -3-acetic acid (IAA) vùng rẫy lúa lên sự sinh trưởng của giống lúa om3536	Nguyễn Thị Pha	Trần Bửu Minh, Nguyễn Thị Phương Oanh	Proceedings. The Mekong Delta Conference of Biotechnology (ISBN 978-604-919-026-1), pp.1304-310	Can Tho University Publishing House
20.	Food Microbiology.	Ngo Thi Phuong Dung and Huynh Xuan Phong.		Book	Can Tho University Publishing House
21.	Serum carbohydrate-binding IgM are present in Vietnamese striped catfish (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>) but not in North African catfish (<i>Clarias gariepinus</i>).	Duong Thi Huong Giang, Edilbert Van Driessche, Sonia Beeckmans.		Dev. Comp. Immunol. 36(2): 418-32	Elsevier
22.	A combination of DNA marker with selection index for the improvement of soybean varieties.	Truong Trong Ngon and Pham Truong An.		Tạp chí Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn, Số 40/2012, trang 53-60.	Bộ Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn
23.	Effects of calpastain (CAST) polymorphisms on carcass and meat quality traits in Mongcai pigs.	Nguyen Trong Ngu, Nguyen Thiet, Le Trung Kien, Chau Thanh Vu, Nguyen Thi Hong Nhan, Pham Ngoc Du, Nguyen Thi Kim Khang and Tran Nhan Dung.		African Journal of Biotechnology11 (73): 13782-13787.	Academic Journals, Nigeria
24.	Isolation and phylogenetic analysis of polyphosphate accumulating organisms in water and sludge of intensive catfish ponds in the Mekong Delta, Vietnam.	Le Quang Khoi and Cao Ngoc Diep		American Journal of Life Sciences. Vol. 1, No. 2, 2013, 61-71.	Science and Education Publishing, USA
25.	Phosphate and potassium solubilizing bacteria from weathered materials of denatured roch mountain, Ha Tien, Kien Giang province, Vietnam.	Cao Ngoc Diep and Than Ngoc Hieu		American Journal of Life Sciences. Vol. 1, No. 2, 2013, pp. 88-92.	Science and Education Publishing, USA
26.	Heterotrophic Nitrogen Removal Bacteria in Sedimentary and Water of Striped Catfish Ponds In the Mekong Delta,	Cao Ngoc Diep and Nguyen Thi Kim Cuc		American Journal of Life Sciences. Vol. 1, No. 1, 2013, pp. 6-13.	Science and Education Publishing, USA

STT	Tên công trình công bố	Tên tác giả (thuộc CTTT)		Tên tạp chí, Tuyển tập hội thảo, hội nghị	Nhà xuất bản (nếu có)
		Giảng viên	Sinh viên		
	Vietnam.				
27.	Vietnamese rice-based alcoholic beverages	Dung, N. T. P.		International Food Research Journal 20 (3): 1035-1041.	Faculty of Food Science & Technology, UPM, Malaysia
28.	Xác định mật số và phân lập vi sinh vật trong lên men ca cao	Ngô Thị Phương Dung, Nguyễn Ngọc Thanh và Huỳnh Xuân Phong		Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ, số 25, trang 271-280.	Trường Đại học Cần Thơ
29.	Screening thermo- and ethanol tolerant bacteria for ethanol fermentation	Dung, N. T. P. and Phong, H. X		American Journal of Microbiological Research 1 (2), pp.25-31	Science and Education Publishing, USA
30.	Nghiên cứu đa dạng di truyền của 16 giống ớt (<i>Capsicum annuum</i> spp.) nhập nội dựa vào chỉ thị phân tử SSR	Trương Trọng Ngôn và Nguyễn Trí Yên Chi		Tạp chí Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn. Số 208, trang 19-23.	Bộ Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn
31.	Study on ethanol fermentation conditions by thermo-tolerant yeasts	Dung, N.T.P., Phong X. Huynh.	Tuong H. Nguyen	Book of Abstracts. The 5 th International Conference on Fermentation Technology for Value Added Agriculture Products, p.9	Khon Kean University, Thailand
32.	Study on defined alcoholic starter using rice malt as substrate.	Phong X. Huynh, Dung, N.T.P.	Doi M. Nguyen,	Book of Abstracts. The 5 th International Conference on Fermentation Technology for Value Added Agriculture Products, p.10	Khon Kean University, Thailand
33.	Investigation of effective media for <i>in vitro</i> propagation of <i>Stevia rebaudiana</i> Bertoni	Tran Thi Xuan Mai	Nguyen Thanh Huy	Book of Abstracts. The 5 th International Conference on Fermentation Technology for Value Added Agriculture Products, p. 113	Khon Kean University, Thailand
34.	Evaluation effects of Lingzhi mushroom (<i>Ganoderma lucidum</i>) on neural stem cells isolated from embryonic mouse brain (<i>Mus musculus</i> var. <i>albino</i>)	Truong Hai Nhung, Le Minh Dung, Nguyen Thuy Linh, Lam Thai Thanh and Pham Van Phuc	Nguyen Thi Mai Dan	Book of Abstracts. The 5 th International Conference on Fermentation Technology for Value Added Agriculture Products, p. 114	Khon Kean University, Thailand
35.	The effect of pH, dark-light cycle and light colour on the chlorophyll and carotenoid production of	Nguyen Huu Hiep	Nguyen Thi Huynh Nhu	Book of Abstracts. The 5 th International Conference on Fermentation	Khon Kean University, Thailand

STT	Tên công trình công bố	Tên tác giả (thuộc CTTT)		Tên tạp chí, Tuyển tập hội thảo, hội nghị	Nhà xuất bản (nếu có)
		Giảng viên	Sinh viên		
	<i>Spirulina</i> sp.			Technology for Value Added Agriculture Products, p. 115	
36.	Isolation and selection of lactic acid bacteria having anti-mould ability from Nem Chua.	Dung, N.T.P., and Phong X. Huynh.	Van H. Tran,	Book of Abstracts. The 5 th International Conference on Fermentation Technology for Value Added Agriculture Products, p. 116	Khon Kean University, Thailand
37.	Study on ethanol fermentation conditions by thermo-tolerant yeasts.	Phong X. Huynh, and Dung, N.T.P.	Tuong H. Nguyen	Book of Abstracts. The 9 th Young Scientist Seminar, p.34.	Yamaguchi University, Japan,
38.	Microflora in cocoa fermentation and study for improved quality of cocoa beans.	Phong X. Huynh, Quang H. Pham, Thanh N. Ngoc, and Dung, N.T.P.		Book of Abstracts. The 9 th Young Scientist Seminar, p.12	Yamaguchi University, Japan
39.	Study on defined alcoholic starter using rice malt as substrate.	Dung, N.T.P., and Phong X. Huynh.	Doi M. Nguyen,	Proceedings. The Mekong Delta Conference of Biotechnology (ISBN 978-604-919-026-1), pp.188-195	Can Tho University Publishing House
40.	Selecting and studying the ethanol fermentation conditions by thermo-tolerant yeasts.	Dung, N.T.P., and Phong X. Huynh	Tuong H. Nguyen,	Proceedings. The Mekong Delta Conference of Biotechnology (ISBN 978-604-919-026-1), pp.54-62.	Can Tho University Publishing House
41.	Thử nghiệm lên men ethanol từ dịch đường mía ở nhiệt độ cao bằng nấm men chịu nhiệt	Ngô Thị Phương Dung, Phạm Hồng Quang,	Nguyễn Hữu Tường, Nguyễn Minh Đời, Nguyễn Thị Ái Xuân	Proceedings. The Mekong Delta Conference of Biotechnology (ISBN 978-604-919-026-1), pp.158-165.	Can Tho University Publishing House
42.	Optimum the growth conditions in tofu sour medium to produce the anti-microbial substances by <i>Lactobacillus</i> DC213A.	Phong X. Huynh, Lap P. Nguyen, Thanh N. Nguyen, and Dung, N.T.P.		Proceedings. The Mekong Delta Conference of Biotechnology (ISBN 978-604-919-026-1), pp.380-385.	Can Tho University Publishing House
43.	Studying culture conditions for high phytase production from <i>Aspergillus fumigatus</i> isolate	Duong Thi Huong Giang	Nguyen Van Tinh	Proceedings. The 11 th Vietnam - Japan Joint Symposium on Collaboration in Advanced Sciences and Technology, pp.57-58.	University of Science, Vietnam National University – Ho Chi Minh City
44.	Purification, characterization and crystallization of CRP from serum of Tra catfish <i>Pangasianodon hypophthalmu</i>	Duong Thi Huong Giang	Cao Thi My Phuong	Proceedings. The 11 th Vietnam - Japan Joint Symposium on Collaboration in Advanced Sciences and Technology, pp.53-55	University of Science, Vietnam National University – Ho Chi Minh City

STT	Tên công trình công bố	Tên tác giả (thuộc CTTT)		Tên tạp chí, Tuyển tập hội thảo, hội nghị	Nhà xuất bản (nếu có)
		Giảng viên	Sinh viên		
45.	Study on Thermotolerant Acetic Acid Bacteria Isolated in Vietnam	Huynh Xuan Phong, Kazunobu Matsushita, Toshiharu Yakushi, and Ngo Thi Phuong Dung,		Proceedings. The 11 th Vietnam - Japan Joint Symposium on Collaboration in Advanced Sciences and Technology, pp.47-48	University of Science, Vietnam National University – Ho Chi Minh City
46.	Screening useful isolated yeasts for ethanol fermentation at high temperature	Dung, N. T. P., Pornthap Thanonkeo and H. X. Phong		International Journal of Applied Science and Technology 2 (4), pp.65-71.	Centre for Promoting Ideas (CPI), USA.
47.	Morphological and genetic characteristics of Oyster mushrooms and conditions effecting on its spawn growing	Dung, N. T. P., Tuyen, D. B.,	Quang, P. H	International Food Research Journal 19, pp.347-352.	University Putra Malaysia
48.	Traditional Vietnamese alcoholic beverages	Yuji Teramoto and Ngo Thi Phuong Dung		Brewer and Distiller International 8 (12), pp.37-39.	The Institute of Brewing & Distilling, London, England
49.	Isolation and selection of feather-degrading aerobic bacteria from poultry processing plants in Cantho city	Dieu, B.T.M	N.T.H. Tham	Proceedings. The 1st International Conference on Animal Production and Environment 88, pp.531 - 538.	Agricultural Publishing House. (ISBN: 978-604-60-0055-6)
50.	Study on 16SrDNA region of some nitrogen fixing bacteria isolated from paddy rhizosphere of Dong Thap province	Nguyen Thi Pha and Nguyen Huu Hiep		Tạp chí Khoa học, số 23a, trang 184-192	Trường Đại học Cần Thơ
51.	Isolation of starch degrading bacteria	Nguyen Huu Hiep and Nguyen Thi Hai Ly		Tạp chí Khoa học, số 21a, trang 37-44	Trường Đại học Cần Thơ
52.	Effect of nitrogen fixing <i>Pseudomonas stutzeri</i> and phosphate solubilizing <i>Pseudomonas</i> sp. on the rice cultivated in acid sulphate soil contaminated with saline water	Nguyen Huu Hiep and Truong Quoc Anh		Proceedings. The 2nd Asian Conference on Plant-Microbe Symbiosis and Nitrogen Fixation, p.28.	Phu Khet, Thailand
53.	Development of bioproduction process for hydrophobic chemical products using thermotolerant and organic solvent tolerant bacteria.	Vangnai A.S., A. Kongpol, N. Kataoka, M. Shikaze, M. Ono, T. Keokene, Nguyen Huu Hiep, T. Tajima and J. Kato		Summary Book Asian Core Program on Capacity Building and Development of Microbial Potential and Fermentation Technology towards New Era. ISBN 978-4-9906826-0-6. pp.125-128.	Yamaguchi University, Japan
54.	Application of indigenous <i>Bacillus subtilis</i> strain and	N.H. Hiep, N.N.Hung, Phan	Do Kim Nhung	Proceedings of “The First International	Agricultural Publishing House

STT	Tên công trình công bố	Tên tác giả (thuộc CTTT)		Tên tạp chí, Tuyển tập hội thảo, hội nghị	Nhà xuất bản (nếu có)
		Giảng viên	Sinh viên		
	absorbed materials for treating wastewater from pig slaughter-house	Nam Huan, and Tran Ngoc Ngoan		Conference on Animal Production and Environment". ISBN 978-604-60-0055-6, pp.547-553.	
55.	Phân tích tương quan và Hệ số đường dẫn của 18 giống ớt (<i>Capsicum annum</i> spp.) địa phương trồng tại đồng bằng sông Cửu Long	Trương Trọng Ngôn và Nguyễn Trí Yên Chi		Tạp chí Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn, Số 23, trang 9-12.	Bộ Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn
56.	Identification of Isolated Trichoderma based on ITS region in the Mekong delta, Vietnam	Truong Trong Ngon, Dao Thi Hong Xuyen, and Duong Minh		15 th International Biotechnology Symposium and Exhibition (IBS 2012) from September 16 to 21 2012, EXCO, Daegu, Republic of Korea	Reference No.: O-S2-ST8-0320
57.	Phân tích biến dị di truyền ở dạng trái và số trái đậu nành bằng phương pháp đường viên	Trương Trọng Ngôn		Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ, số 22b, trang 54-62.	Trường Đại học Cần Thơ
58.	A combination of DNA marker with selection index for the improvement of soybean varieties	Truong Trong Ngon and Pham Truong An		Tạp chí Khoa học Kỹ thuật Nông Lâm nghiệp, Số 4/2012, trang 53-60.	Đại học Nông Lâm TP. Hồ Chí Minh. Bộ Giáo dục và Đào Tạo.
59.	Quan hệ giữa các giống, loài lan (<i>Orchidaceae</i>) dựa trên đặc điểm hình thái	Nguyễn Thị Mỹ Duyên, Trương Trọng Ngôn và Trần Nhân Dũng		Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ. Số 22a, trang 165-174.	Trường Đại học Cần Thơ
60.	Phát hiện nhanh <i>Salmonella</i> spp. trong mẫu thực phẩm bằng PCR kết hợp với nuôi cấy trong môi trường chọn lọc	N.V.Bé, V.T.T.Phương, Trang Minh Phương, và T.T.X.Mai		Tạp chí Công nghệ Sinh học, số 10, pp.133-143	Nhà xuất bản Khoa học và Công nghệ
61.	Phân lập và nhận diện vi khuẩn gây bệnh bạc lá lúa (<i>xanthomonas oryzae</i> pv <i>oryzae</i>) bằng kỹ thuật PCR đa thành phần.	Nguyễn Thị Liên, Trần Thị Xuân Mai và Nguyễn Thị Pha		Tạp chí khoa học, số 23a, trang 155-164.	Trường Đại học Cần Thơ
62.	Khảo sát vùng gen 16S rDNA của một số dòng vi khuẩn có khả năng cố định đạm Ở đất vùng rẫy lúa tỉnh Đồng Tháp	Nguyễn Thị Pha và Nguyễn Hữu Hiệp		Tạp chí khoa học 2012, số 23a 184-192. Trường Đại học Cần Thơ	Trường Đại học Cần Thơ
63.	Đa dạng sinh học một số loài lan rừng thuộc chi <i>Dendrobium</i> bằng kỹ thuật Rapt	N.T.Pha, N.T.Liên, T.T.X.Mai, Nguyễn Thị Hoàng Nhung, và Trần Đình Giới		Tạp chí khoa học, số 22a, trang 186-192. Trường Đại học Cần Thơ	Trường Đại học Cần

STT	Tên công trình công bố	Tên tác giả (thuộc CTTT)		Tên tạp chí, Tuyển tập hội thảo, hội nghị	Nhà xuất bản (nếu có)
		Giảng viên	Sinh viên		
64.	Serum carbohydrate-binding IgM are present in Vietnamese striped catfish (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>) but not in North African catfish (<i>Clarias gariepinus</i>)	Duong Thi Huong Giang, Edilbert Van Driessche, Sonia Beeckmans		Developmental & Comparative Immunology 36 (2), pp. 418-432	Elsevier
65.	Testing on three determining methods of genetic diversity on earthworm species belonging to the phererima species group im the Mekong Delta	Nguyen Thanh Tung, Tran Nhan Dung, Pham Minh Tu, and Tran Trung Tu		Tạp chí Công nghệ Sinh học	Ha Noi - Vietnam. In Press.
66.	Growth and ethanol production between <i>Zymomonas mobilis</i> TISTR548 and <i>Zymomonas mobilis</i> □gfo	K.Sootsuwan, N. Keeratirakha, P.Thanonkeo, Prasit Jaisil, N.T.P.Dung and M. Yamada		The 5 th Satellite Seminar of JSPS-NRCT Asian Core Program, p. 4-5. Can Tho. Vietnam.	Can Tho University
67.	Screening ethanologenic microorganisms from Laos and study on isolated microorganisms and their products	Somchanh Bounphanmy, Pornthap Thanonkeo, Mamoru Yamada and N.T.P.Dung		Summary book Asian Core Program (2008-2013) on Capacity building and development of microbial potential and fermentation technology towards New Era. ISBN978-4-9906826-0-6, p. 178.	Yamaguchi University, Japan
68.	Isolation and identification of useful microorganism from Vietnamese men and its application	Yuji Teramoto, Aporn Wongwicharn and Ngo Thi Phuong Dung		Summary book Asian Core Program (2008-2013) on Capacity building and development of microbial potential and fermentation technology towards New Era, p.45-48. ISBN978-4-9906826-0-6, Yamaguchi University, Japan	Yamaguchi University, Japan
69.	Isolation and characterization of thermotolerant acetic acid bacteria isolated in Vietnam	H.X.Phong, N.T.P.Dung, T. Yakushi and K.Matsushita		The 5 th Satellite Seminar of JSPS-NRCT Asian Core Program, p. 21. Can Tho. Vietnam.	Can Tho University
70.	Geographical distribution of Thermo-tolerant Acetic Acid Bacteria	H.X.Phong, Chanhom L., Gunjana Theeragool, K.Matsushita, Toshiharu Yakushi		Summary book of Asian Core Program (2008-2013). ISBN978-4-9906826-0-6. pp.77-80	Yamaguchi University, Japan

STT	Tên công trình công bố	Tên tác giả (thuộc CTTT)		Tên tạp chí, Tuyển tập hội thảo, hội nghị	Nhà xuất bản (nếu có)
		Giảng viên	Sinh viên		
71.	Characterization of yeasts isolated from Vietnam for ethanol fermentation at high temperature	Ngo Thi Phuong Dung, Pornthap Thanonkeo, Mamoru Yamada and Somchanh Bounphanmy		Summary book Asian Core Program (2008-2013) on Capacity building and development of microbial potential and fermentation technology towards New Era. ISBN978-4-9906826-0-6, p. 189.	Yamaguchi University, Japan
72.	Ethanol fermentation and ethanol tolerance of isolated yeasts tested at high temperature	N.T.P.Dung, P. Thanonkeo and Huynh Xuan Phong		The 6 th Young Scientist Seminar of Asian Core Program, p. 11.	Yamaguchi University, Japan
73.	Testing of ethanol fermentation in sugarcane juice by thermotolerant yeasts	Ngo Thi Phuong Dung and Pham Hong Quang	Nguyen Huu Tuong	The 5 th Satellite Seminar of JSPS-NRCT Asian Core Program, p. 18-20.	Can Tho University
74.	Tuyển chọn nấm men chịu nhiệt và chịu cồn ứng dụng trong lên men ethanol	Dung, N. T. P., Pornthap Thanonkeo và H. X. Phong	N. V. Anh	Tạp chí Nông nghiệp & Phát triển nông thôn 10, trang 51-56.	Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
75.	Sử dụng <i>Acetobacter</i> trong sản xuất thạch dừa. or production of <i>Nata-de-coco</i>	Dung, N. T. P., H. X. Phong	L. T. Lin	Tạp chí Nông nghiệp & Phát triển nông thôn 14, trang 57-62.	Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
76.	Sử dụng vi khuẩn acid lactic sinh <i>Bacteriocin</i> trong môi trường nước chua tàu hủ và hèm rượu	Dung, N. T. P., H. X. Phong	V. T. Yến	Tạp chí Nông nghiệp & Phát triển nông thôn 12, trang 56-62.	Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
77.	Sản xuất men rượu từ <i>Saccharaomyces cerevisiae</i> và enzyme amylase trong mầm lúa	Dung, N. T. P., B. D. Nhân và H. X. Phong		Tạp chí Khoa học ĐHCT 21a, trang 11-18.	Trường Đại học Cần Thơ
78.	Purification and characterization of fibrinolytic proteases from <i>Perionyx excavatus</i> earthworm.	P.B.Tram, T.D.Tien, Nguyen Thi Xuan Dung, L.A.M Van Den Broek and D.T.H.Giang		AMB Express 1, pp.26-37.	Springer
79.	Application Prospects for the Innovation of Defined Fungal Starter in Rice Wine Fermentation	N.T.P. Dung and H.X. Phong		Journal of Life Sciences 5 (4), pp.255-263.	David Publishing Company, IL, USA
80.	Selection of lactic acid bacteria producing bacteriocin and optimum producing conditions by using cheap medium	H.X. Phong and N.T.P. Dung		Proceedings. The 5 th Young Scientist Seminar of Asian Core Program, p. 69.	Yamaguchi University, Japan
81.	Selection of thermotolerant acetic acid	H.X. Phong, N.T.P. Dung, and		Proceedings. The 4 th Satellite Seminar of	National University of

STT	Tên công trình công bố	Tên tác giả (thuộc CTĐT)		Tên tạp chí, Tuyển tập hội thảo, hội nghị	Nhà xuất bản (nếu có)
		Giảng viên	Sinh viên		
	bacteria isolated in Vietnam and their acid producing ability	K. Matsushita		Asian Core Program, p. 7.	Lao. Lao PRD
82.	Optimum conditions for bacteriocin production by lactic acid bacteria using cheap medium of tofu sour liquid and brewer s grains	H.X. Phong and N.T.P. Dung		Proceedings. The 4 th International Conference on Fermentation Technology for Value Added Agricultural Products, p. 116.	Khon Kean University, Thailand
83.	Đặc tính hình thái, di truyền và điều kiện nuôi cấy meo giống của nấm bào ngư	Dung, N. T. P., Đ. B. Tuyen	P. H. Quang	Tạp chí Khoa học ĐHCT 18b, trang 146-156.	Trường Đại học Cần Thơ
84.	Phân lập và tuyển chọn vi khuẩn lactic có khả năng sinh chất kháng khuẩn	Dung, N. T. P., H. X. Phong	H. T. Y. Ly	Tạp chí Khoa học ĐHCT 19a, trang 176-184.	Trường Đại học Cần Thơ
85.	Phân lập, tuyển chọn nấm men và xác định điều kiện ảnh hưởng quy trình lên men rượu vang dưa hấu	Dung, N. T. P., H. X. Phong	L. H. L. Huong	Tạp chí Khoa học ĐHCT 18b, trang 137-145.	Trường Đại học Cần Thơ
86.	Phân tích đa dạng di truyền và việc xây dựng tập đoàn lõi của tập đoàn giống đậu nành (<i>Glycine max</i> (L.) Merrill)	Trương Trọng Ngôn và Trần Thị Thanh Thủy		Tạp chí Khoa học số 20b, trang 150-159. Trường Đại học Cần Thơ.	Trường Đại học Cần Thơ
87.	Phân tích quan hệ di truyền giữa cỡ hạt với hàm lượng dầu và thành phần acid béo của các giống đậu nành (<i>Glycine max</i> (L.) Merrill)	Trương Trọng Ngôn và Trần Thị Thanh Thủy		Tạp chí Khoa học, số 20b, trang 160-168. Trường Đại học Cần Thơ	Trường Đại học Cần Thơ
88.	Phát hiện nhanh <i>Salmonella spp.</i> , <i>Salmonella enterica</i> hiện diện trong thực phẩm bằng kỹ thuật PCR đa môi (multiplex pcr).	Trần T. Xuân Mai, V.T.T. Phương, Trần T. Hoàng Yên và Nguyễn Văn Bé		Tạp chí khoa học số 20b, trang 198-208. Trường Đại học Cần Thơ	Trường Đại học Cần Thơ
89.	Nuôi cấy mầm ngũ phát hoa lan hồ điệp (<i>phalaenopsis</i> sp.)	N.T.Pha, Lê Thị Mai Trang, N.T.Liên và Trần T. Xuân Mai		Tạp chí khoa học 2011, số 20b, trang 12-20. Trường Đại học Cần Thơ	Trường Đại học Cần Thơ
90.	Phát hiện nhanh <i>Salmonella spp.</i> , <i>Salmonella enterica</i> hiện diện trong thực phẩm bằng kỹ Thuật PCR đa môi (Multiplex PCR),	Trần T.X. Mai, Võ T. T. Phương, Trần T. H. Yên và Nguyễn Văn Bé		Tạp chí Khoa học số 20b, trang 198-208. Trường Đại học Cần Thơ	Trường Đại học Cần Thơ
91.	Valuation of White Spot Syndrome Virus variable DNA loci as molecular markers of virus spread at intermediate	Bui, T.M.D., H. Marks, M. Zwart & J.M. Vlak		Journal of General Virology	Society for General Virology

STT	Tên công trình công bố	Tên tác giả (thuộc CTTT)		Tên tạp chí, Tuyển tập hội thảo, hội nghị	Nhà xuất bản (nếu có)
		Giảng viên	Sinh viên		
	spatiotemporal scales				
92.	Analysis of ITS of the rDNA to infer phylogenetic relationships among Vietnamese Citrus accessions	Dung, T.N., T. Kyndt, P. Goetghebeur, H.T. Toan, and G. Gheysen		Genetic Resources and Crop Evolution	Springer
93.	Can VNTRs be used to study genetic variation within white spot syndrome virus isolates?	Bui, T.M.D., M.P. Zwart and J.M. Vlak		Journal of Fish Diseases	Blackwell
94.	Diversity of the Actinomycetes Community Colonising Rice Straw Residues in Cultured Soil Undergoing Various Crop Rotation Systems in the Mekong Delta of Vietnam	Tran Van Dung, Duong Minh Vien, Vo Thi Guong, Cao Ngoc Diep, Romiguez P, Merckx R, and Springael D		International Journal of Environmental and Rural Development	International Society of Environmental and Rural Development
95.	Isolation and characterization of SAP and CRP, two pentraxins from <i>Pangasianodon (Pangasius) hypophthalmus</i>	Duong Thi Huong Giang, E. Van Driessche, I. Vandenberghe, B. Devreese, S. Beekmans		Fish & Shellfish Immunology	Elsevier
96.	Evolutionary Trajectory of white spot syndrome virus (WSSV) genome shrinkage during spread in Asia.	Bui, T.M.D., M.P. Zwart, L. Hemerik & J.M. Vlak		Plos ONE	Plos one.org
97.	Survival of <i>Candidatus liberibacter asiaticus</i> , causal agent of huanglongbing disease, in remnants of 'volkamer' lemon roots in Vietnam	Dung, T.N., T. Kyndt, T.P. Duong, M. Holsters, and G. Gheysen		Journal of Plant Pathology-Disease note	
98.	Isolation of solvent-tolerant bacteria from crude oil contaminated soil	Nguyễn Hữu Hiệp et al.		Proceedings of The Young Scientist Seminar "Capacity Building and Development of Microbial Potential and Fermentation Technology Towards New Era.	Yamaguchi, Japan
99.	Study on some thermal solvent tolerant bacteria isolated from oil contaminated soil in Vietnam	Nguyễn Hữu Hiệp et al.		Proceedings of The Second Joint Seminar ACP (Asian Core Program)	Khon Kean University, Thailand
100.	Isolation and characterization of some	Nguyễn Hữu Hiệp et al.		Proceedings of The Third ACP Satellite Seminar, Ho Chi Minh	Khon Kean University,

STT	Tên công trình công bố	Tên tác giả (thuộc CTTT)		Tên tạp chí, Tuyển tập hội thảo, hội nghị	Nhà xuất bản (nếu có)
		Giảng viên	Sinh viên		
	solvent degrading bacteria			City, Vietnam.	Thailand
101.	Distribution of organic solvent tolerant bacteria in Asia and their application to bioconversion and bioremediation	Junichi, Nguyễn Hữu Hiệp et al.		Proceedings of the Fourth Satellite Seminar of JSPS-NRCT Asian Core Program on Capacity Building and Development of Microbial Potential and Fermentation Technology Towards New Era	National University of Lao. Lao PRD
102.	Fermented soy milk using lactic acid bacteria	Le Ngoc Tiet and Cao Ngoc Diep		Proceedings of The First International Conference on Food Science & Technology Mekong River Delta - Vietnam	Agricultural Publishing House, Vietnam
103.	Effect of Biofertilizer on High-Yielding Rice Cultivated on Alluvial Soil of the Mekong Delta, Vietnam	Cao Ngoc Diep		Proceedings of JSPS AA Science Platform Program “Research Infrastructure of Green Biomass Application for Self-Sustaining Local Energy” International Seminar Can Tho University, Vietnam,	Graduate School of Agriculture at TAT, Japan
104.	Using polymerase chain reaction for detection of enterotoxigenic Vibrio cholerae in seafood	Huynh Ngoc Thanh Tam, Truong Trong Ngon, Nguyen Duc Cuong, Tran Nhan Dung and Nguyen Van Ba		Proceeding. The 1 st Conference of Food Science and Technology - Mekong Delta, Vietnam.	Agricultural Publishing House
105.	Cocoa drying using solar drier	Phong, H. X., Thanh, N. V., Neil Hollywood and Toan, H.T.		Proceeding. The 1 st Conference of Food Science and Technology - Mekong Delta, Vietnam.	Agricultural Publishing House
106.	Isolation and screening of thermotolerant acetic acid bacteria from Vietnamese fruits and fermented products	Phong, H. X. and Dung N.T.P.		Proceedings. The 2 nd Joint Seminar of JSPS-NRCT Asian Core Program on “Capacity Building and Development of Microbial Potential and Fermentation Technology toward new era”.	Khon Kean University, Thailand
107.	Evaluation of nitrogen fixing capacity of <i>Azospirillum</i> and phosphate solubilizing bacteria on the growth and yield of rice cultivated in acid sulphate soil	Hiep Huu Nguyen		Proceedings of The First Asian Conference on Plant-Microbe Symbiosis and Nitrogen Fixation, Japan	

STT	Tên công trình công bố	Tên tác giả (thuộc CTTT)		Tên tạp chí, Tuyển tập hội thảo, hội nghị	Nhà xuất bản (nếu có)
		Giảng viên	Sinh viên		
108.	Indole acetic acid (IAA) synthesis of azospirillum lipoferum strains and their effects on the development of rice roots	Chieu Van Tran and Hiep Huu Nguyen		Proceedings of The First Asian Conference on Plant-Microbe Symbiosis and Nitrogen Fixation, Japan	
109.	Diversity of culturable thermotolerant methylotrophic yeasts in the Mekong Delta of VN	Nguyen Van Thanh and Savitree Limtong		Proceedings. The 3rd Young Scientist Seminar In the Asian Core Program	Yamaguchi University, Japan
110.	Nghiên cứu chế tạo kháng thể kháng Edwardsiella ictaluri gây bệnh mù gan ở cá tra bằng công nghệ tạo kháng thể IgY ở gà	Hoàng Trung Kiên, Đỗ Khắc Đại, Nguyễn Ngọc Tuấn, Đỗ Minh trung, Nguyễn Thị Hòa, Dương Thị Hương Giang, Lê Văn Đông		Tạp chí Thông Tin Y Dược	Bộ Y tế
111.	Khảo sát đa dạng sinh học và xác định giới tính cá rô phi (<i>Oreochromis sp.</i>) tại đồng bằng sông Cửu Long bằng kỹ thuật điện di	Nguyễn Thị Xuân Dung, Lâm Phúc Nhân, và Dương Thị Hương Giang		Tạp chí Công nghệ Sinh học	Viện Khoa học và Công nghệ Việt nam
112.	Phân lập và nhận diện vi khuẩn phân giải kali trong đất	Cao Ngọc Diệp, Quang Thi Chi và Nguyễn Thi Đơn		Tạp chí Công nghệ Sinh học	Viện Khoa học và Công nghệ Việt nam
113.	Hiệu quả của vi khuẩn cố ích trên cây lúa cao sản trồng trên đất phù sa huyện Bình Tân, Tỉnh Vĩnh Long	Cao Ngọc Diệp và Phan văn Tùng		Tạp chí Khoa học Đất	Hội Liên Hiệp Khoa học Kỹ thuật Việt Nam
114.	Hiệu quả của vi khuẩn cố định đạm <i>Azospirillum lipoferum</i> và vi khuẩn hòa tan lân <i>Pseudomonas stutzeri</i> trên cây lúa cao sản và độ phì của đất phù sa tỉnh Hậu Giang	Cao Ngọc Diệp, Nguyễn Văn Mãng và Lê Thị Diễm Ái		Tạp chí Khoa học Đất	Hội Liên Hiệp Khoa học Kỹ thuật Việt Nam
115.	Đặc tính vi khuẩn nội sinh phân lập trong cây khóm trồng trên đất phèn Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang	Cao Ngọc Diệp và Nguyễn Thành Dũng		Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ	Trường Đại học Cần Thơ
116.	Phân hủy rác thải hữu cơ bằng phương pháp sinh học: Thí nghiệm thùng lên men 10-L	Hà Thanh Toàn, Lê Phương Trâm, Nguyễn Thị Mỹ Diễm và Cao Ngọc Diệp		Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ	Trường Đại học Cần Thơ
117.	Phân lập và nhận diện vi khuẩn sản xuất chất kết tụ sinh học trong chất thải sữa và ứng dụng trong xử lý nước thải	Bùi Thế Vinh, Phan Thanh Quốc và Cao Ngọc Diệp		Tạp chí Công nghệ Sinh học	Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam

STT	Tên công trình công bố	Tên tác giả (thuộc CTTT)		Tên tạp chí, Tuyển tập hội thảo, hội nghị	Nhà xuất bản (nếu có)
		Giảng viên	Sinh viên		
118.	Phân lập và nhận diện vi khuẩn tích lũy poly-P trong nước rỉ rác	Cao Ngọc Điệp, Khổng Thị Thu Vân và Bùi thế Vinh		Tạp chí Công nghệ Sinh học	Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam
119.	Phân lập và nhận diện vi khuẩn cố định đạm vùng rễ lúa trồng trên đất phù sa tỉnh Kiên Giang	Ngô Thanh Phong, Nguyễn Thị Phương Thư và Cao Ngọc Điệp		Tạp chí Công nghệ Sinh học	Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam
120.	Khả năng phân hủy rác thải hữu cơ của vi khuẩn phân hủy cellulose (cellulolytic bacteria)	Hà Thanh Toàn, Trương Thị Nhật Tâm, Cao Ngọc Điệp		Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ	Trường Đại học Cần Thơ
121.	Phân lập và nhận diện vi khuẩn sản xuất chất kết tụ sinh học và ứng dụng trong xử lý nước thải	Cao Ngọc Điệp, Lê Thị Loan, Trần Ngọc Nguyên		Tạp chí Công nghệ Sinh học	Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam
122.	Hiệu quả của chủng vi khuẩn cố định đạm (<i>Sinorhizobium fredii</i>) và hòa tan lân (<i>Pseudomonas stutzeri</i>) dạng lỏng đối với đậu nành trồng trên nền đất lúa ở đồng bằng sông Cửu Long	Trần Thị Ngọc Sơn, Cao Ngọc Điệp, Trần Thị Anh Thư		Tuyển tập kết quả nghiên cứu Khoa học & Công nghệ 2006-2010 của Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam	Nhà xuất bản Nông Nghiệp, Hà Nội, Việt nam.
123.	Nghiên cứu phát triển chế phẩm vi sinh cải tạo đất nông nghiệp đồng bằng sông Cửu Long	Nguyễn Thị Ngọc Trúc, Lê Thị Thu Hồng, Cao Ngọc Điệp, Nguyễn Minh Châu		Tuyển tập kết quả nghiên cứu Khoa học & Công nghệ 2006-2010 của Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam	Nhà xuất bản Nông Nghiệp, Hà Nội, Việt nam.
124.	Khảo sát ảnh hưởng của phân bón vi sinh (được tạo thành từ vi sinh vật có ích bản địa) đến năng suất và chất lượng rau trồng tại Châu Thành, Tiền Giang	Nguyễn Thị Ngọc Trúc, Bùi Thị Mỹ Bình, Lê Thị Thu Hồng, Cao Ngọc Điệp		Tuyển tập Hội thảo quốc gia Bệnh hại thực vật Việt nam lần thứ 9 tại Huế	Nhà xuất bản Nông Nghiệp, Hà Nội, Việt Nam
125.	Phân lập, định danh một số vi khuẩn kích thích sự tăng trưởng thực vật (PGPR) tại đất trồng rau miền Nam, Việt Nam	Nguyễn Thị Ngọc Trúc, Bùi Thị Mỹ Bình, Lê Thị Thu Hồng, Cao Ngọc Điệp		Tuyển tập Hội thảo quốc gia Bệnh hại thực vật Việt nam lần thứ 9 tại Huế	Nhà xuất bản Nông Nghiệp, Hà Nội, Việt Nam
126.	Phân lập vi khuẩn khử đạm <i>Pseudomonas stutzeri</i> trong chất thải trại chăn nuôi heo và ứng dụng xử lý nitrogen trong nước thải	Cao Ngọc Điệp, Nguyễn Thành Nhân, Lê Quang Khôi		Tạp chí Công nghệ Sinh học	Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam
127.	Phân lập và nhận diện một số dòng vi khuẩn sử dụng lân trong nước thải chế biến thủy sản ở tỉnh Sóc Trăng	Nguyễn Hữu Hiệp và Mai Thị		Kỷ yếu Hội nghị Khoa học Phát triển Nông nghiệp bền vững thích ứng với sự biến đổi khí hậu	NXB Nông nghiệp

STT	Tên công trình công bố	Tên tác giả (thuộc CTTT)		Tên tạp chí, Tuyển tập hội thảo, hội nghị	Nhà xuất bản (nếu có)
		Giảng viên	Sinh viên		
128.	Khảo sát quy trình chế biến và phân lập giống vi khuẩn hiện diện trên sản phẩm mắm chua xương mềm từ cá sặc	Đỗ Thị Tuyết Nhung, Lương Uyên Uyên, Lê Mỹ Hồng, Nguyễn Hữu Hiệp và Nguyễn Văn Thành		Kỷ yếu Hội nghị Khoa học Phát triển Nông nghiệp bền vững thích ứng với sự biến đổi khí hậu	NXB Nông nghiệp
129.	Ảnh hưởng của vi khuẩn <i>Azospirillum lipoferum</i> tổng hợp hormone IAA lên sự tăng trưởng và năng suất rau	Nguyễn Hữu Hiệp và Nguyễn Hoàng Ân		Kỷ yếu Hội nghị Khoa học Phát triển Nông nghiệp bền vững thích ứng với sự biến đổi khí hậu	NXB Nông nghiệp
130.	Ảnh hưởng của Indole Acetic Acid (IAA) do vi khuẩn <i>Azospirillum</i> tổng hợp lên sự phát triển của rễ lúa trồng ở điều kiện nhà lưới	Trần Văn Chiêu và Nguyễn Hữu Hiệp		Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ	Trường Đại học Cần Thơ
131.	Ảnh hưởng của biện pháp tưới tiết kiệm đến khả năng cố định N tự do ở đất phù sa và đất phèn nhẹ trồng lúa	Dương Thị Kim Loan, Ngô Ngọc Hưng, Trần Quang Giàu, Nguyễn Hữu Hiệp và Trần Minh Giàu		Tạp chí Khoa học Đất	Hội Liên Hiệp Khoa học Kỹ thuật Việt Nam
132.	Ảnh hưởng của nồng độ đạm và độ mặn trong nước đối với mật số vi khuẩn dị dưỡng bám trên lá được (<i>Rhizophora apiculata</i>)	Bùi Thị Nga, Đinh Ngô Mỹ Liên và Nguyễn Hữu Hiệp		Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ	Trường Đại học Cần Thơ
133.	Biến động mật độ vi khuẩn hữu ích trong ao nuôi tôm sú (<i>Penaeus monodon</i>) thâm canh	Phạm thị Tuyết Ngân và Nguyễn Hữu Hiệp		Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ	Trường Đại học Cần Thơ
134.	Thành phần Protein của bào tử nấm <i>Rhizopus oligosporus</i> ở trạng thái miên trạng và hoạt hóa được phát hiện nhờ kỹ thuật điện di 2 chiều	Nguyễn Văn Thành và M.J.R.Nout		Tạp chí Công nghệ Sinh học	Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam
135.	Nghiên cứu phá hệ các giống, loài lan (Orchidaceae) dựa trên phân tích các trình tự internal transcribed spacer	Nguyễn Thị Mỹ Duyên, Trương Trọng Ngôn và Trần Nhân Dũng		Tạp chí Công nghệ Sinh học	Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam
136.	Khảo sát một số chỉ thị phân tử dùng trong chọn tạo các giống lúa kháng rầy nâu (<i>Nilaparvata lugens</i> Stal.) ở đồng bằng sông Cửu Long, Việt Nam	Trần Nhân Dũng, Lý Tiến, Nguyễn Vũ Linh và Trần Thị Xuân Mai		Tạp chí Công nghệ Sinh học	Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam
137.	Bước đầu phát triển bộ kit	Dương Thị Loan		Tạp chí Thông tin Y	Bộ y Tế

STT	Tên công trình công bố	Tên tác giả (thuộc CTTT)		Tên tạp chí, Tuyển tập hội thảo, hội nghị	Nhà xuất bản (nếu có)
		Giảng viên	Sinh viên		
	chẩn đoán nhanh bệnh lao bằng kỹ thuật PCR	và Trần Nhân Dũng		được	
138.	Xác định biến dị di truyền của lan <i>Dendrobium</i> sp. sau xử lý đột biến in vitro bằng kỹ thuật RAPD	Văn Thông, Lê Văn Hòa và Trần Nhân Dũng		Kỷ yếu HNKH PT NN bền vững	Nxb Nông nghiệp

BẢNG 15. DANH MỤC ĐỀ TÀI KHOA HỌC, ỨNG DỤNG, CHUYÊN GIA CÔNG NGHỆ CÓ SINH VIÊN CTTT ĐÃ TỐT NGHIỆP THAM GIA

STT	Tên đề tài, ứng dụng, chuyên gia công nghệ	Cấp quản lý và kinh phí (ngàn đồng)	Nơi thực hiện, cơ quan liên kết	Họ, tên sinh viên tham gia	Thuộc khoá tuyển sinh	Kết quả chính
1.	Nghiên cứu sử dụng trùn Quế (<i>Perionyx excavatus</i>) để xử lý và tận dụng bùn đáy ao nuôi cá Tra	Trường Đại học Cần Thơ 28.000	Viện NC&PT CNSH, Trường Đại học Cần Thơ	Nguyễn Hữu Thịnh (chủ nhiệm), Nguyễn Thanh Bung*, Lê Hùng Cường	2011	- Kết quả đánh giá các chỉ tiêu của bùn thải ao nuôi cá tra sau khi xử lý bằng trùn Quế: Các chỉ tiêu vi sinh và hóa học của bùn sau xử lý. - Quy trình xử lý bùn thải ao nuôi cá tra bằng trùn Quế: Quy trình xử lý bùn thải cho hiệu quả xử lý cao.
2.	Bước đầu xây dựng quy trình kiểm nghiệm gạo xuất khẩu bằng kỹ thuật sinh học phân tử	Trường Đại học Cần Thơ 24.000	Viện NC&PT CNSH, Trường Đại học Cần Thơ	Lâm Thùy Giang* (Chủ nhiệm), Phạm Quang Nghĩa*, Nguyễn Ngọc Thanh*, Võ Minh Quân*	2010	- Quy trình kiểm nghiệm gạo xuất khẩu bằng kỹ thuật sinh học phân tử: Quy trình cho ra hiệu quả cao, tiết kiệm chi phí, độ tin cậy cao, hiện đại, dễ áp dụng. - Quy trình ly trích DNA từ gạo đạt năng suất cao: Quy trình cho ra hiệu quả cao, tiết kiệm chi phí, độ tin cậy cao, hiện đại, dễ áp dụng.
3.	Sản xuất phân hữu cơ – vi sinh từ chất thải bã bùn bia	Trường Đại học Cần Thơ 21.000	Viện NC&PT CNSH, Trường Đại học Cần Thơ	Trần Bửu Minh* (chủ nhiệm), Nguyễn T. Phương Oanh*, Trần Hải My*, Nguyễn Văn Lượng*, Võ Văn Song Toàn	2009	- Quy trình sản xuất thử nghiệm sản phẩm phân bón hữu cơ vi sinh từ bã bùn bia. - Kết quả phân tích sản phẩm phân hữu cơ vi sinh dựa trên các chỉ tiêu như độ ẩm (%), pH, mật số vi sinh vật hữu ích (CFU/ml), hàm lượng chất hữu cơ (%), đạm tổng (g/l), lân hữu hiệu (mg/100g mẫu), kali trao đổi (meq/100g mẫu), mật số <i>Salmonella</i> , Coliform (CFU/ml).
4.	Phân lập, tuyển chọn và định danh vi khuẩn sản xuất protease kiềm tính ngoại bào từ đất	Trường Đại học Cần Thơ 18.000	Viện NC&PT CNSH, Trường Đại học Cần Thơ	Nguyễn Châu Sang* (chủ nhiệm), Nguyễn Mỹ Thùy*, Bùi Ngọc Duyên*, Nguyễn Hoàng Vũ*, Châu Phong Châu*	2009	Các dòng vi khuẩn <i>Bacillus</i> Có khả năng sinh protease kiềm tính cao
5.	Nghiên cứu quy trình lên men sản xuất tempe từ một số loại đậu ở Việt Nam	Trường Đại học Cần Thơ	Viện NC&PT CNSH, Trường Đại học	Nguyễn Thị Đỗ Quyên* (chủ nhiệm), Lâm Trí Đức*, Trương Hoa Thảo	2009	- Sản phẩm tempe mới, giàu giá trị dinh dưỡng, có khả năng ứng dụng và phát triển góp phần tận dụng nguồn nguyên liệu

STT	Tên đề tài, ứng dụng, chuyên giao công nghệ	Cấp quản lý và kinh phí (ngàn đồng)	Nơi thực hiện, cơ quan liên kết	Họ, tên sinh viên tham gia	Thuộc khoá tuyển sinh	Kết quả chính
		16.000	Cần Thơ	Huyền*, Đặng Thị Cẩm Hương*, Nguyễn Thành Tâm		đa dạng và tương đối rẻ tiền. - Quy trình lên men tempe với nguyên liệu là đậu đen, đậu trắng và đậu xanh với các thông số về thời gian ngâm, nấu, nồng độ giống chủng, nhiệt độ và thời gian lên men thích hợp cho từng loại nguyên liệu.
6.	Nghiên cứu khả năng thủy phân và điều kiện lên men sản xuất ethanol sinh học từ vỏ trái ca cao	Trường Đại học Cần Thơ 24.000	Viện NC&PT CNSH, Trường Đại học Cần Thơ	Phạm Thiếu Quân* (chủ nhiệm), Lê Thị Vân An*, Phan Lê Bảo Ngọc*, Trần Hải My*, Nguyễn Ngọc Thanh	2009	- Điều kiện thích hợp cho quá trình thủy phân vỏ trái ca cao: HCl 0,75M thủy phân trong 8 giờ ở 90°C, hiệu suất phân giải đạt 63,79% và lượng glucose tạo thành là 7,22% (w/v). - Điều kiện thích hợp cho quá trình lên men ethanol: lên men ủ lactic có bổ sung 1 giá thể; sử dụng chủng nấm men <i>Saccharomyce cerevisiae</i> (VLK06) để lên men với mật số giống chủng là 10 ⁶ tế bào/mL, nhiệt độ lên men 30°C, pH ban đầu 5,38 trong 7 ngày. Lượng ethanol tạo thành đạt 5,27 % (v/v).
7.	Tuyển chọn vi khuẩn sinh metan trong nước thải của nhà máy giấy tái chế	Trường Đại học Cần Thơ 27.000	Viện NC&PT CNSH, Trường Đại học Cần Thơ	Nguyễn Thị Hoàng Ngân* (chủ nhiệm), Nguyễn Hoàng Vũ*	2009	- 3 dòng vi khuẩn sinh metan trong nước thải nhà máy giấy tái chế có khả năng phân giải chất hữu cơ mạnh. - Hệ thống nuôi cấy kỵ khí với quy trình nuôi cấy vi khuẩn kỵ khí bắt buộc.
8.	Ứng dụng một số loài tảo để xử lý ô nhiễm đạm và lân của nước thải từ ao nuôi cá tra	Trường Đại học Cần Thơ 16.000	Viện NC&PT CNSH, Trường Đại học Cần Thơ	B.H. Khang* (chủ nhiệm) T.B. Minh* B.H.Đ. Long* B.T. Nguyễn*	2009	- Dòng <i>Nannochloropsis</i> sp. ; <i>Scenedesmus</i> sp; <i>pirulina</i> sp. ; <i>Chlorella</i> sp. đều có khả năng hấp thụ được 61,2% PO ₄ ³⁻ - Ba dòng tảo có khả năng làm giảm chỉ số COD là <i>Spirulina</i> sp., <i>Scenedesmus</i> sp. và <i>Nannochloropsis</i> sp. với các mức tương ứng là 25,7%, 40,9% và 26,8%. - <i>Spirulina</i> sp., <i>Scenedesmus</i> sp. và <i>Nannochloropsis</i> sp. làm giảm chỉ số BOD với các

STT	Tên đề tài, ứng dụng, chuyên giao công nghệ	Cấp quản lý và kinh phí (ngàn đồng)	Nơi thực hiện, cơ quan liên kết	Họ, tên sinh viên tham gia	Thuộc khoá tuyển sinh	Kết quả chính
						mức tương ứng là 25,8%, 37,9% và 28,8%.
9.	Khảo sát ảnh hưởng của một số dòng vi khuẩn vùng rễ lên sự phát triển của giống lúa OM3536 trong điều kiện <i>in vitro</i>	Trường Đại học Cần Thơ 15.000	Viện NC&PT CNSH, Trường Đại học Cần Thơ	N.T.P.Oanh* (chủ nhiệm) T.B. Minh* L.T. Nghĩa N.N. Trâm*	2009	- 57 dòng vi khuẩn từ rễ lúa thuộc 2 tỉnh Cần Thơ và Trà Vinh. - 5 dòng vi khuẩn có khả năng cố định đạm và tổng hợp IAA cao (TV3A4, TV2B7, TV2C1, CTA3 và CTB3) - Định danh bằng phương pháp giải trình tự DNA vùng gen 16S rRNA, 3 dòng CTA3, TV3A4, TV2B7 có độ đồng hình cao với 3 chủng khác nhau của loài <i>Bacillus megaterium</i> , CTB3 là <i>Serratia marcescens</i> 21-2.
10.	Khảo sát các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng tạo hemicellulose của <i>Acetobacter xylinum</i> trong môi trường sữa lên men acid lactic	Trường Đại học Cần Thơ 14.000	Viện NC&PT CNSH, Trường Đại học Cần Thơ	Nguyễn Minh Hiếu (chủ nhiệm), Ngô Thanh Phú*, Hà Thiên Hương, Nguyễn Lam Anh, Nguyễn Trường Giang, Dương Thị Tú Trinh	2009	Các điều kiện tối ưu để <i>Acetobacter xylinum</i> tạo hemicellulose trong môi trường sữa lên men acid lactic.
11.	Phân lập các dòng vi khuẩn nội sinh có khả năng tổng hợp IAA và cố định đạm trên cây chuối	Trường Đại học Cần Thơ 16.000	Viện NC&PT CNSH, Trường Đại học Cần Thơ	N.T.H. Như* (chủ nhiệm) T.T.P. Minh* N.M. Đồi* T.N.N. Khoa*	2008	- Tổng số 43 dòng vi khuẩn đã được phân lập, 25 dòng vi khuẩn trên môi trường NFb và 18 dòng vi khuẩn trên môi trường Baz. - Dòng N5 và N12 cho kết quả tổng hợp NH_4^+ cao nhất với nồng độ lần lượt là 3,16 ppm và 4,85 ppm. - Dòng D1 và D5 cho kết quả tổng hợp IAA cao nhất với nồng độ lần lượt là 3,16 $\mu\text{g/ml}$ và 3,07 $\mu\text{g/m}$. - Định danh dòng N12 là <i>Achromobacter</i> sp. và D1 là <i>Pseudomonas aeruginosa</i> .
12.	Nghiên cứu quy trình lên men trong sản xuất rượu vang dâu Hạ Châu	Trường Đại học Cần Thơ 13.000	Viện NC&PT CNSH, Trường Đại học Cần Thơ	D.T.T. Xuân* (chủ nhiệm) T.H. Vân* N.L. Vân* L.Đ. Linh*	2008	- Phân lập được 3 dòng nấm men; Nguồn nấm men sử dụng là dòng men bánh mì TT - Mật số nấm men dùng để lên men là $\log 7$ tế bào/ml; Lên men với hàm lượng đường bổ sung đạt 22°Brix, pH thích hợp để

STT	Tên đề tài, ứng dụng, chuyên giao công nghệ	Cấp quản lý và kinh phí (ngàn đồng)	Nơi thực hiện, cơ quan liên kết	Họ, tên sinh viên tham gia	Thuộc khoá tuyển sinh	Kết quả chính
						lên men là 4,0; Nhiệt độ ủ thích hợp là 30°C và Thời gian lên men là 5 ngày
13.	Thử nghiệm lên men ethanol ở nhiệt độ cao bằng nấm men chịu nhiệt	Trường Đại học Cần Thơ 16.000	Viện NC&PT CNSH, Trường Đại học Cần Thơ	N. H. Tường* (chủ nhiệm) N.M. Đòì* H.T.B. Hảo* N.T.A. Xuân* N.N. Thạnh	2008	<ul style="list-style-type: none"> - Tuyển chọn được 18 dòng có khả năng chịu nhiệt cao (42°C) từ 37 dòng nấm men thử nghiệm. Trong đó, có 4 dòng phát triển được ở nhiệt độ 45°C bao gồm: HX1, MO, N1 và T. - Dòng HX1 chịu được ethanol ở nồng độ 9%, mật số đạt 5,66 log CFU/ml, cao hơn 3 dòng MO (3,99 log CFU/ml), N1 (4,48 log CFU/ml) và T (4,41 log CFU/ml). - Điều kiện lên men tốt của dòng HX1 là: mật số giống chủng 10⁵ tế bào/ml, nồng độ đường ban đầu 20°Brix và pH môi trường 4,5. - Dòng HX1 được định danh là: <i>Candida tropicalis</i>.
14.	Phân lập, khảo sát và nhận diện một số dòng <i>Bacillus sp.</i> trong sản phẩm nem Lai Vung	Trường Đại học Cần Thơ 12.000	Viện NC&PT CNSH, Trường Đại học Cần Thơ	N.T.H. Thắm* (chủ nhiệm) N.T.M. Anh* D. Linh* L.T. Nga*	2007	<ul style="list-style-type: none"> - Phân lập và nuôi cấy một số dòng <i>Bacillus sp.</i> từ sản phẩm nem Lai Vung. - Khảo sát các đặc tính sinh lý, sinh hóa như hình dạng, khả năng chuyển động, nhuộm Gram, catalase, amylase và protease. - Nhận diện dòng <i>Bacillus sp.</i> bằng kỹ thuật PCR.
15.	Phân lập, nhận diện và khảo sát đặc tính của một số dòng vi khuẩn nội sinh trên cây đậu bắp trồng tại Vĩnh Long	Trường Đại học Cần Thơ 13.000	Viện NC&PT CNSH, Trường Đại học Cần Thơ	N.Đ. Vân* (chủ nhiệm) H.T.H. Phương*	2007	<ul style="list-style-type: none"> - Phân lập các dòng vi khuẩn nội sinh trong cây đậu bắp để làm phân vi sinh. - Khảo sát khả năng cố định đạm của các chủng vi khuẩn phân lập được. - Nhận diện và xác định chủng <i>Azospirillum brasilense</i> bằng kỹ thuật PCR.
16.	Phân lập và chọn lọc một số dòng vi khuẩn chịu nhiệt, chịu được độ cồn cao có khả năng lên men tạo ethanol	Trường Đại học Cần Thơ 12.000	Viện NC&PT CNSH, Trường Đại học Cần Thơ	N.B.D. Anh* (chủ nhiệm) H.H. Danh* L.Đ.T. An* N.V. Anh* P.M. Tú*	2007	<ul style="list-style-type: none"> - Phân lập được 39 dòng vi khuẩn. - Sơ tuyển 21 dòng có khả năng sinh CO₂ cao trong quá trình lên men ethanol. - Sơ tuyển 13 dòng có khả

STT	Tên đề tài, ứng dụng, chuyên giao công nghệ	Cấp quản lý và kinh phí (ngàn đồng)	Nơi thực hiện, cơ quan liên kết	Họ, tên sinh viên tham gia	Thuộc khoá tuyển sinh	Kết quả chính
						năng chịu nhiệt, có thể phát triển ở 35°C đến 50°C. - Định danh dòng MO tiêu biểu bằng SHPT là vi khuẩn <i>Bacillus subtilis</i> .
17.	Phân lập và tuyển chọn các dòng nấm men chịu nhiệt có khả năng lên men ethanol mạnh	Trường Đại học Cần Thơ 12.000	Viện NC&PT CNSH, Trường Đại học Cần Thơ	N. V. Anh* (chủ nhiệm) P.M. Tú* H.H. Danh* L.Đ.T. An* N.B.D. Anh*	2007	- Phân lập và xác định hình thái 31 dòng nấm men. - Sơ tuyển được 12 dòng nấm men có khả năng lên men mạnh; trong đó tuyển chọn được 11 dòng nấm men có khả năng chịu nhiệt đến 42-45°C. - Hai dòng tiêu biểu được định danh thuộc <i>Torulasporea globosa</i> và <i>Pichia kudriavzevii</i> .
18.	Phân lập và định danh một số dòng vi tảo ở địa bàn thành phố Cần Thơ	Trường Đại học Cần Thơ 20.000	Viện NC&PT CNSH, Trường Đại học Cần Thơ	V.A. Tuấn* (chủ nhiệm) V.H.T. Đạt* V.N. Trí* H.L.M. Trúc*	2007	- Phân lập và định danh bằng phương pháp hình thái học một số loài vi tảo ở Cần Thơ. - Xác định hàm lượng lipid có trong khối lượng khô của của loài vi tảo nhằm phục vụ cho nghiên cứu sản xuất nhiên liệu sinh học.
19.	Phân lập, định danh và trồng thử nghiệm nấm mèo, nấm bào ngư và nấm rơm	Trường Đại học Cần Thơ 9.200	Viện NC&PT CNSH, Trường Đại học Cần Thơ	P.H. Quang* (Chủ nhiệm) D.H. Nguyễn*	2006	- phân lập được 18 dòng nấm thuần. - tuyển chọn ba dòng nấm tiêu biểu có hoạt tính phân giải tinh bột cao, định danh: hai dòng nấm bào ngư trắng TCT và TBT thuộc loài <i>Pleurotus floradinus</i> và dòng nấm bào ngư nhạt NBT thuộc loài <i>Pleurotus cystidiosus</i> . - Điều kiện thích hợp cho quá trình ủ meo giống là ẩm độ 57% và nhiệt độ 27°C.
20.	Thử nghiệm sản xuất meo thuần và sử dụng giá thể cây mai dương trồng nấm mèo	Trường Đại học Cần Thơ 11.000	Viện NC&PT CNSH, Trường Đại học Cần Thơ	D. H. Nguyễn* (Chủ nhiệm) P. H. Quang*	2006	- Phân lập được dòng meo nấm mèo thuần, không tạp nhiễm. - Tìm được một loại giá thể mới để trồng nấm mèo. - Trồng thử nghiệm và kết quả khả năng phát triển nấm mèo trên giá thể cây mai dương.
21.	Tinh sạch và khảo sát các nhân tố ảnh hưởng hoạt tính	Trường Đại học	Viện NC&PT	T. T.N. Anh* (Chủ nhiệm)	2006	- Tách chiết và tinh sạch được bromelain thân từ

STT	Tên đề tài, ứng dụng, chuyên giao công nghệ	Cấp quản lý và kinh phí (ngàn đồng)	Nơi thực hiện, cơ quan liên kết	Họ, tên sinh viên tham gia	Thuộc khoá tuyển sinh	Kết quả chính
	enzyme bromelain trích ly từ thân khóm	Cần Thơ 15.000	CNSH, Trường Đại học Cần Thơ	V.H. Lộc* T.N. Nước*		lõi khóm bằng các phương pháp tủa acetone, ethanol, ammonium sulfate và sắc ký trao đổi ion dương. - Xác định được các điều kiện tối ưu gồm nhiệt độ, pH, nồng độ cơ chất ảnh hưởng đến hoạt tính của enzym bromelain.
22.	Sử dụng xơ dừa làm chất mang cho vi khuẩn <i>Azospirillum lipoferum</i> , sản xuất phân vi sinh cho cây lúa	Trường Đại học Cần Thơ 3.400	Viện NC&PT CNSH, Trường Đại học Cần Thơ	N.T.B. Trâm* (Chủ nhiệm) N.P. Diễm*	2006	- Độ sống sót của vi khuẩn <i>Azospirillum lipoferum</i> cao nhất ở hỗn hợp chất mang gồm 75% than bùn, 25% xơ dừa và 50% than bùn, 50% xơ dừa. - Chiều dài rễ lúa cao nhất ở nghiệm thức 1 (100% than bùn) và nghiệm thức 2 (75% than bùn, 25% xơ dừa). - Có thể phối trộn xơ dừa làm phân vi sinh theo tỉ lệ 75 than bùn : 25 xơ dừa.
23.	Khảo sát các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình tăng sinh khối của <i>Lactobacillus acidophilus</i> trong môi trường nước thải tàu hũ	Trường Đại học Cần Thơ 6.700	Viện NC&PT CNSH, Trường Đại học Cần Thơ	H.T.Y. Ly* (Chủ nhiệm) V.T. Yến* L.H.L. Hương* L.T. Lin* N.T. Giang*	2006	Xác định các nhân tố tối ưu: - Mật số vi khuẩn ban đầu tối ưu để chủng vào 100ml môi trường thử nghiệm là 10^7 tế bào/ml. - Thành phần bổ sung KH_2PO_4 : 0,25%; $(\text{NH}_4)_2\text{SO}_4$: 0,5%; sucroz: 14%. - Lactose cho sinh khối khô vi khuẩn cao nhất. - Thời gian nuôi ủ thích hợp được chọn là 3 ngày. Nhiệt độ 37°C thích hợp cho tăng sinh khối vi khuẩn <i>L. acidophilus</i> trong nước tàu hũ.
24.	Khảo sát khả năng sinh tổng hợp IAA và cố định đạm của vi khuẩn <i>Gluconacetobacter</i> sp. và vi khuẩn <i>Azospirillum</i> sp. trên cây mía	Trường Đại học Cần Thơ 9.900	Viện NC&PT CNSH, Trường Đại học Cần Thơ	Đ.K. Nhung* (Chủ nhiệm) V.T. Công*	2006	- Tuyển chọn được các dòng <i>Gluconacetobacter</i> sp. và <i>Azospirillum</i> sp. sinh IAA mạnh. - Xác định và tuyển chọn được dòng có khả năng cố định đạm cao góp phần vào việc sản xuất phân bón sinh học.
25.	Khảo sát mức đa bội thể của chanh (<i>Citrus aurantifolia</i>), hạnh (<i>Citrofortunella microcarpa</i>), cần thăng	Trường Đại học Cần Thơ	Viện NC&PT CNSH, Trường	N.T.N. Trâm* (Chủ nhiệm) N.LD.Trung*	2006	- Tìm được giống mang thể đa bội từ tập đoàn giống cây có múi (chanh, hạnh, cần thăng) và tạo ra

STT	Tên đề tài, ứng dụng, chuyên giao công nghệ	Cấp quản lý và kinh phí (ngàn đồng)	Nơi thực hiện, cơ quan liên kết	Họ, tên sinh viên tham gia	Thuộc khoá tuyển sinh	Kết quả chính
	(<i>Limonia acidissima</i>) bằng máy đo đa bội thể	3.500	Đại học Cần Thơ			một nguồn đa bội thể từ ba giống cây trên. - Ly trích DNA và phân tích mức độ đa bội thể của DNA nhân bằng máy đo đa bội.
26.	Khảo sát các yếu tố ảnh hưởng lên khả năng thủy phân máu cá tra sử dụng bromelain trích ly từ thân khóm	Trường Đại học Cần Thơ 15.000	Viện NC&PT CNSH, Trường Đại học Cần Thơ	N.T.T. Trúc* (Chủ nhiệm) N.M. Nhật* B.T.T. Thanh*	2006	- Xác định được điều kiện tối ưu thủy phân máu cá tra của enzym bromelain than khóm, gồm pH, nhiệt độ, thời gian, nồng độ cơ chất. - Tạo được Sản phẩm thủy phân giàu đạm amin.
27.	Ứng dụng kỹ thuật PCR phát hiện nhanh các sản phẩm bắp (<i>Zea mays</i> L.) chuyển gen	Trường Đại học Cần Thơ 10.000	Viện NC&PT CNSH, Trường Đại học Cần Thơ	B.N.K. Ngân* (Chủ nhiệm) N.N.Q. Anh*	2006	- Ứng dụng kỹ thuật PCR chẩn đoán và phát hiện nhanh thực phẩm bắp chuyển gen Bt. - Bước đầu góp phần kiểm soát và quản lý hiệu quả về nguồn gốc thực phẩm, điều tiết sự lưu thông GMO trên thị trường.
28.	Nghiên cứu quy trình sản xuất rượu vang mía	Trường Đại học Cần Thơ 5.000	Viện NC&PT CNSH, Trường Đại học Cần Thơ	L.H.L. Hương* (Chủ nhiệm) H.T.Y. Phi* H.T.Y. Ly* V.T. Yên* L.T. Lin*	2006	Xây dựng được quy trình lên men rượu vang mía sử dụng nguồn nấm men thị trường với tỷ lệ 10^6 tế bào/ml, bổ sung đường để đạt 22 độ Brix, chỉnh pH dịch lên men về giá trị 4,0 và ủ trong 5 ngày ở 30°C để tạo ra sản phẩm đạt tiêu chuẩn và cho giá trị cảm quan tốt.
29.	Phân lập và tuyển chọn một số dòng vi khuẩn tổng hợp Indol-3 acetic acid (IAA) cao trong rễ rau muống (<i>Ipomoea aquatica</i>) ở tỉnh Đồng Tháp	Trường Đại học Cần Thơ 4.000	Viện NC&PT CNSH, Trường Đại học Cần Thơ	V. T. Công* (chủ nhiệm)	2006	- Phân lập và xác định hình thái 22 dòng vi khuẩn từ rễ cây rau muống. - Các dòng tổng hợp được IAA mạnh là: Am5 (18,111µg/ml), Am11 (18,245µg/ml). - Dịch vi khuẩn của dòng Am5 làm tăng chiều dài rễ hạt rau muống 1,19 lần so với đối chứng.

(*) Sinh viên Chương trình Tiên tiến.

**BẢNG 15.1: DANH MỤC ĐỀ TÀI KHOA HỌC CÓ SINH VIÊN CTTT
ĐÃ TỐT NGHIỆP THAM GIA (NHẬN ĐƯỢC GIẢI THƯỞNG & BẰNG KHEN)**

(Nguồn kinh phí: Kinh phí sự nghiệp Khoa học Công nghệ Trường Đại học Cần Thơ)

STT	Tên đề tài, ứng dụng, chuyển giao công nghệ	Cấp quản lý và Kinh phí (ngàn đồng)	Nơi thực hiện, cơ quan liên kết	Họ, tên sinh viên tham gia	Thuộc khoá tuyển sinh	Hình thức khen thưởng
1.	Sản xuất phân hữu cơ – vi sinh từ chất thải bã bùn bia	Trường Đại học Cần Thơ 21.000	Viện NC&PT CNSH, Trường Đại học Cần Thơ	Trần Bửu Minh* (chủ nhiệm), Nguyễn T. Phương Oanh*, Trần Hải My*, Nguyễn Văn Lượng*, Võ Văn Song Toàn	2009	Đạt giải Khuyến khích “Hội nghị NCKH Trẻ” Trường Đại học Cần Thơ năm 2014
2.	Nghiên cứu khả năng thủy phân và điều kiện lên men sản xuất ethanol sinh học từ vỏ trái ca cao	Trường Đại học Cần Thơ 24.000	Viện NC&PT CNSH, Trường Đại học Cần Thơ	Phạm Thiếu Quân* (chủ nhiệm), Lê Thị Vân An*, Phan Lê Bảo Ngọc*, Trần Hải My*, Nguyễn Ngọc Thanh	2009	Đạt giải Khuyến khích “Hội nghị NCKH Trẻ” Trường Đại học Cần Thơ năm 2014
3.	Khảo sát ảnh hưởng của một số dòng vi khuẩn vùng rễ lên sự phát triển của giống lúa OM3536 trong điều kiện <i>in vitro</i>	Trường Đại học Cần Thơ 15.000	Viện NC&PT CNSH, Trường Đại học Cần Thơ	N.T.P.Oanh* (chủ nhiệm) T.B. Minh* L.T. Nghĩa N.N. Trâm*	2009	Đạt giải Ba “Tài năng khoa học trẻ Việt Nam” năm 2013 của Bộ GD&ĐT
4.	Thử nghiệm lên men ethanol ở nhiệt độ cao bằng nấm men chịu nhiệt	Trường Đại học Cần Thơ 16.000	Viện NC&PT CNSH, Trường Đại học Cần Thơ	N. H. Tường* (chủ nhiệm) N.M. Đòì* H.T.B. Hảo* N.T.A. Xuân* N.N. Thanh	2008	Đạt giải Khuyến khích “Tài năng khoa học trẻ Việt Nam” năm 2013 của Bộ GD&ĐT
5.	Khảo sát các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng tạo hemicellulose của <i>Acetobacter xylinum</i> trong môi trường sữa lên men acid lactic	Trường Đại học Cần Thơ 14.000	Viện NC&PT CNSH, Trường Đại học Cần Thơ	Nguyễn Minh Hiếu (chủ nhiệm), Ngô Thanh Phú*, Hà Thiên Hương, Nguyễn Lam Anh, Nguyễn Trường Giang, Dương Thị Tú Trinh	2009	Giải thưởng KOVA lần 11 - 2013
6.	Khảo sát ảnh hưởng của một số dòng vi khuẩn vùng rễ lên sự phát triển của giống lúa OM3536 trong điều kiện <i>in vitro</i>	Trường Đại học Cần Thơ 15.000	Viện NC&PT CNSH, Trường Đại học Cần Thơ	N.T.P.Oanh* (chủ nhiệm) T.B. Minh* L.T. Nghĩa N.N. Trâm*	2009	Giải thưởng KOVA lần 11 - 2013
7.	Phân lập các dòng vi khuẩn nội sinh có khả năng tổng hợp IAA và cố định đạm trên cây chuối	Trường Đại học Cần Thơ 16.000	Viện NC&PT CNSH, Trường Đại học Cần Thơ	N.T.H. Như* (chủ nhiệm) T.T.P. Minh* N.M. Đòì* T.N.N. Khoa*	2008	Giải thưởng KOVA lần 11 - 2013
8.	Thử nghiệm lên men ethanol ở nhiệt độ cao bằng nấm men chịu nhiệt	Trường Đại học Cần Thơ 16.000	Viện NC&PT CNSH, Trường Đại học Cần Thơ	N. H. Tường* (chủ nhiệm) N.M. Đòì* H.T.B. Hảo* N.T.A. Xuân* N.N. Thanh	2008	Giải thưởng KOVA lần 11 - 2013

STT	Tên đề tài, ứng dụng, chuyển giao công nghệ	Cấp quản lý và Kinh phí (ngàn đồng)	Nơi thực hiện, cơ quan liên kết	Họ, tên sinh viên tham gia	Thuộc khoá tuyển sinh	Hình thức khen thưởng
9.	Phân lập, định danh và trồng thử nghiệm nấm mèo, nấm bào ngư và nấm rơm	Trường Đại học Cần Thơ 9.200	Viện NC&PT CNSH, Trường Đại học Cần Thơ	P.H. Quang* (Chủ nhiệm) D.H. Nguyễn*	2006	Giải thưởng KOVA lần 9 - 2011
10.	Nghiên cứu quy trình sản xuất rượu vang mía	Trường Đại học Cần Thơ 5.000	Viện NC&PT CNSH, Trường Đại học Cần Thơ	L.H.L. Hương* (Chủ nhiệm) H.T.Y. Phi* H.T.Y. Ly* V.T. Yến* L.T. Lin*	2006	Giải thưởng KOVA lần 8 - 2010
11.	Khảo sát các yếu tố ảnh hưởng lên khả năng thủy phân máu cá tra sử dụng Bromelain trích ly từ thân khóm	Trường Đại học Cần Thơ 15.000	Viện NC&PT CNSH, Trường Đại học Cần Thơ	N.T.T. Trúc* (Chủ nhiệm) N.M. Nhật* B.T.T. Thanh*	2006	Đạt giải Ba "Tài năng khoa học trẻ Việt Nam" năm 2011 của Bộ GD&ĐT
12.	Khảo sát các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình tăng sinh khối của <i>Lactobacillus acidophilus</i> trong môi trường nước thải tàu hủ	Trường Đại học Cần Thơ 6.700	Viện NC&PT CNSH, Trường Đại học Cần Thơ	H.T.Y. Ly* (Chủ nhiệm) V. T. Yến* N.T. Giang* L.H.L. Hương* L.T. Lin*	2006	Đạt giải Khuyến khích "Sinh viên NCKH" năm 2010 của Bộ GD&ĐT
13.	Phân lập và tuyển chọn một số dòng vi khuẩn tổng hợp Indol-3 acetic acid (IAA) cao trong rễ rau muống (<i>Ipomoea aquatica</i>) ở tỉnh Đồng Tháp	Trường Đại học Cần Thơ 4.000	Viện NC&PT CNSH, Trường Đại học Cần Thơ	Vũ Thành Công*	2006	Đạt giải Khuyến khích "Sinh viên NCKH" năm 2010 của Bộ GD&ĐT
14.	Nghiên cứu quy trình sản xuất rượu vang mía	Trường Đại học Cần Thơ 5.000	Viện NC&PT CNSH, Trường Đại học Cần Thơ	L.H.L. Hương* (Chủ nhiệm) H.T.Y. Phi* H.T.Y. Ly* V.T. Yến* L.T. Lin*	2006	Đạt giải Khuyến khích "Sinh viên NCKH" năm 2010 của Bộ GD&ĐT
15.	Hồ Sinh học	Trường Đại học Cần Thơ 4.000	Viện NC&PT CNSH, ĐHCT	Vũ Thành Công*	2006	Giải Ba cuộc thi "Ý tưởng sáng tạo vì cộng đồng năm 2009"
16.	Thành phố Dây leo	Trường Đại học Cần Thơ 5.000	Viện NC&PT CNSH, ĐHCT	Vũ Thành Công*	2006	Giải Nhất cuộc thi "Sinh viên đồng hành cùng biến đổi khí hậu"

*: Sinh viên Chương trình tiên tiến.

BẢNG 16. CÔNG TRÌNH CÔNG BỐ CÓ SINH VIÊN CTTT LÀ ĐỒNG TÁC GIẢ

STT	Tên công trình công bố	Tên tác giả	Thuộc khoá tuyển sinh	Tên tạp chí, Tuyển tập hội thảo, hội nghị	Nhà xuất bản (nếu có)
1.	Thử nghiệm sản xuất phân hữu cơ vi sinh từ chất thải bã bùn bia.	Trần Bửu Minh*, Nguyễn Thị Phương Oanh*, Trần Hải My*, Nguyễn Văn Lượng* và Trần Nhân Dũng.	2009	Tạp chí Nông nghiệp PTNT số 14/2014.	Nxb Nông nghiệp.
2.	Testing on three determining methods of genetic diversity on earthworm species belonging to the pheretima species group in the Mekong Delta.	Nguyễn Thanh Tùng, Trần Nhân Dũng and Phạm Anh Tú*	2007	Tạp chí Sinh học 34 (1): 6-14. 2012.	Viện Khoa học Công nghệ Việt Nam.
3.	Selection and determination of cultural conditions for aerobic cellulose production bacteria on sugarcane bagasse.	Nguyen Thi Thanh Truc*, Vo Van Song Toan, Duong Thi Huong Giang and Tran Nhan Dung	2006	Proceedings The 2 nd International Conference on Food Science & Technology November 9-12, 2011 - Can Tho: 275-283. 2012	Can Tho University Publishing House.
4.	Tuyển chọn và tối ưu hóa vi khuẩn kỵ khí sinh tổng hợp enzyme cellulase trên cơ chất bột giấy.	Trần Non Nước*, Võ Văn Song Toàn, Dương Thị Hương Giang và Trần Nhân Dũng	2006	Tạp chí Khoa học. 22b: 43-53. 2012,	Nxb Đại học Cần Thơ.
5.	Đánh giá hiệu quả của colchicine trong chọn tạo giống quýt hồng Lai Vung không hạt	Nguyễn Thị Ngọc Trâm*, Trần Nhân Dũng và Đỗ Tấn Khang	2006	Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ, 23: In Press. 2012,	Nxb Đại học Cần Thơ.
6.	Ứng dụng kỹ thuật PCR để phát hiện nhanh thực phẩm chứa GMO.	Nguyễn Vũ Linh, Trần Nhân Dũng, Trần Thị Xuân Mai, Bùi Ngọc Kim Ngân*, Nguyễn Ngọc Quỳnh Anh, Phan Hữu Thông và Phan Văn Linh	2006	Kỷ yếu hội nghị khoa học công nghệ tuổi trẻ các trường đại học và cao đẳng khối nông lâm ngư thủy toàn quốc lần thứ năm, Trang bổ sung. 2011	Nxb Đại học Cần Thơ.
7.	Khảo sát sự biểu hiện hệ protein của một số giống lúa kháng rầy ở Đồng bằng sông Cửu Long bằng kỹ thuật điện di 2 chiều (2D).	Nguyễn Thị Xuân Dung, Nguyễn Phương Diễm* và Trần Nhân Dũng	2006	Kỷ yếu hội nghị khoa học công nghệ tuổi trẻ các trường đại học và cao đẳng khối nông lâm ngư thủy toàn quốc lần thứ năm, Trang bổ sung. 2011	Nxb Đại học Cần Thơ.
8.	Mức đa bội thể của tập đoàn giống cây có múi ở Việt Nam bằng phương pháp dòng chảy tế bào.	Nguyễn Vũ Linh, Nguyễn Xuân Phước, Nguyễn Thị Ngọc Trâm*, Nguyễn Lê Duy Trung và Trần Nhân Dũng	2006	Tạp chí Khoa học, 18b 238-247. 2011.	Nxb Đại học Cần Thơ.
9.	Xác định một số loài ruồi đục quả <i>Bacetrocera</i> (Diptera:	Lê Quốc Điền, Bùi Ngọc Kim Ngân* và Trần Nhân Dũng	2006	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn 81 (2/11): 24-28. 2011.	Nxb Nông nghiệp.

STT	Tên công trình công bố	Tên tác giả	Thuộc khoá tuyển sinh	Tên tạp chí, Tuyển tập hội thảo, hội nghị	Nhà xuất bản (nếu có)
	Tephritidae) ở Đồng bằng sông Cửu Long bằng kỹ thuật phân tử.				
10.	Khảo sát quy trình thử nghiệm sản xuất phân hữu cơ - vi sinh từ chất thải bã bùn bia.	Trần Bửu Minh*, Nguyễn Thị Phương Oanh*, Trần Hải My*, Nguyễn Văn Lượng* và Trần Nhân Dũng.	2009	Kỷ yếu Hội nghị Nghiên cứu khoa học trẻ Trường Đại học Cần Thơ năm 2014, pp.49-57.	Nxb Trường Đại học Cần Thơ.
11.	Nghiên cứu khả năng thủy phân và điều kiện lên men sản xuất ethanol sinh học từ vỏ trái ca cao	Phạm Thiếu Quân*, Huỳnh Xuân Phong và Ngô Thị Phương Dung	2009	Kỷ yếu Hội nghị Nghiên cứu khoa học trẻ Trường Đại học Cần Thơ năm 2014, pp.49-57.	Nxb Trường Đại học Cần Thơ.
12.	Isolation and Selection of thermal tolerant toluene degrading bacteria.	Vo Ngoc Thao Nguyen* and Nguyen Huu Hiep	2008	Proceedings of National Biotechnology Conference 2013. pp.415-419.	Viện Khoa học Công nghệ Việt Nam.
13.	Khảo sát ảnh hưởng của pH, chu kỳ sáng tối và màu sắc ánh sáng để khả năng tổng hợp chlorophyll và carotenoid ở tảo <i>Spirulina</i> sp.	Nguyễn Thị Huỳnh Như* và Nguyễn Hữu Hiệp	2008	Kỷ yếu Hội nghị Khoa học Công nghệ Sinh học toàn quốc năm 2013. Quyển 2: 965-970.	Viện Khoa học Công nghệ Việt Nam.
14.	Thiết kế cặp mồi chuyên biệt nhận diện nấm xanh <i>Metarhizium anisopliae</i> var. <i>acidum</i> bằng kỹ thuật PCR	Trương Khánh Anh Cơ* và Trần Thị Xuân Mai	2008	Hội thảo “BIOTECH ABRS” lần thứ 10 với chủ đề “Innovation in Biotechnology for Health, Medicine and Agriculture”	
15.	Khảo sát khả năng cố định đạm và tổng hợp iaa của một số dòng vi khuẩn phân lập từ đất vùng rẫy lúa	Nguyễn Thị Phương Oanh*, Trần Bửu Minh*, Nguyễn Thị Pha	2009	Proceedings. The Mekong Delta Conference of Biotechnology (ISBN 978-604-919-026-1), pp.325-330	Can Tho University Publishing House
16.	Khảo sát tác động của các dòng vi khuẩn cố định đạm, tổng hợp indole -3-acetic acid (IAA) vùng rẫy lúa lên sự sinh trưởng của giống lúa om3536	Trần Bửu Minh*, Nguyễn Thị Phương Oanh* và Nguyễn Thị Pha	2009	Proceedings. The Mekong Delta Conference of Biotechnology (ISBN 978-604-919-026-1), pp.1304-310	Can Tho University Publishing House
17.	Testing of ethanol fermentation at high temperature by thermo-tolerant yeasts	Tuong H. Nguyen*, Quang H. Pham, Dung, N.T.P., Phong X. Huynh, and Doi M. Nguyen*	2008	Scientific Journal of Can Tho University 27, pp.16-23.	Can Tho University Publishing House
18.	Khảo sát sự phân ly của tổ hợp lai đậu nành hoang (<i>glycine soja</i>) và đậu nành trồng (<i>glycine max</i>) dựa vào hình thái, nông học và dấu phân tử	Trương Trọng Ngôn và Nguyễn Quang Đạt*	2008	Proceedings. The Mekong Delta Conference of Biotechnology (ISBN 978-604-919-026-1), pp.447-453	Can Tho University Publishing House

STT	Tên công trình công bố	Tên tác giả	Thuộc khoá tuyển sinh	Tên tạp chí, Tuyển tập hội thảo, hội nghị	Nhà xuất bản (nếu có)
	SSR				
19.	Study on ethanol fermentation conditions by thermo-tolerant yeasts	Dung, N.T.P., Tuong H. Nguyen*, Phong X. Huynh.	2008	Book of Abstracts. The 5 th International Conference on Fermentation Technology for Value Added Agriculture Products, p.9	Khon Kean University, Thailand
20.	Study on defined alcoholic starter using rice malt as substrate	Doi M. Nguyen*, Phong X. Huynh, Dung, N.T.P.	2008	Book of Abstracts. The 5 th International Conference on Fermentation Technology for Value Added Agriculture Products, p.10	Khon Kean University, Thailand
21.	Investigation of effective media for <i>in vitro</i> propagation of <i>Stevia rebaudiana</i> Bertoni	Nguyen Thanh Huy*, Tran Thi Xuan Mai	2008	Book of Abstracts. The 5 th International Conference on Fermentation Technology for Value Added Agriculture Products, p. 113	Khon Kean University, Thailand
22.	Evaluation effects of Lingzhi mushroom (<i>Ganoderma lucidum</i>) on neural stem cells isolated from embryonic mouse brain (<i>Mus musculus</i> var. <i>albino</i>)	Nguyen Thi Mai Dan*, Truong Hai Nhung, Le Minh Dung, Nguyen Thuy Linh, Lam Thai Thanh and Pham Van Phuc	2008	Book of Abstracts. The 5 th International Conference on Fermentation Technology for Value Added Agriculture Products, p. 114	Khon Kean University, Thailand
23.	The effect of pH, dark-light cycle and light colour on the chlorophyll and carotenoid production of <i>Spirulina</i> sp.	Nguyen Thi Huynh Nhu*, Nguyen Huu Hiep	2008	Book of Abstracts. The 5 th International Conference on Fermentation Technology for Value Added Agriculture Products, p. 115	Khon Kean University, Thailand
24.	Isolation and selection of lactic acid bacteria having anti-mould ability from Nem Chua	Dung, N.T.P., Van H. Tran*, and Phong X. Huynh.	2008	Book of Abstracts. The 5 th International Conference on Fermentation Technology for Value Added Agriculture Products, p. 116	Khon Kean University, Thailand
25.	Study on ethanol fermentation conditions by thermo-tolerant yeasts	Tuong H. Nguyen*, Phong X. Huynh, and Dung, N.T.P.	2008	Book of Abstracts. The 9 th Young Scientist Seminar, p.34.	Yamaguchi University, Japan,
26.	Study on defined alcoholic starter using rice malt as substrate	Dung, N.T.P., Doi M. Nguyen*, and Phong X. Huynh.	2008	Proceedings. The Mekong Delta Conference of Biotechnology (ISBN 978-604-919-026-1), pp.188-195	Can Tho University Publishing House
27.	Selecting and studying the ethanol fermentation	Dung, N.T.P., Tuong H. Nguyen*,	2008	Proceedings. The Mekong Delta	Can Tho University

STT	Tên công trình công bố	Tên tác giả	Thuộc khoá tuyển sinh	Tên tạp chí, Tuyển tập hội thảo, hội nghị	Nhà xuất bản (nếu có)
	conditions by thermo-tolerant yeasts.	and Phong X. Huynh		Conference of Biotechnology (ISBN 978-604-919-026-1), pp.54-62.	Publishing House
28.	Thử nghiệm lên men ethanol từ dịch đường mía ở nhiệt độ cao bằng nấm men chịu nhiệt	Nguyễn Hữu Tường*, Ngô Thị Phương Dung, Phạm Hồng Quang, Nguyễn Minh Đồi*, Nguyễn Thị Ái Xuân*	2008	Proceedings. The Mekong Delta Conference of Biotechnology (ISBN 978-604-919-026-1), pp.158-165.	Can Tho University Publishing House
29.	Studying culture conditions for high phytase production from <i>Aspergillus fumigatus</i> isolate	Nguyen Van Tinh* and Duong Thi Huong Giang	2008	Proceedings. The 11 th Vietnam - Japan Joint Symposium on Collaboration in Advanced Sciences and Technology, pp.57-58. 2013.	University of Science, Vietnam National University – Ho Chi Minh City
30.	Purification, characterization and crystallization of CRP from serum of Tra catfish <i>Pangasianodon hypophthalmu</i>	Cao Thi My Phuong* and Duong Thi Huong Giang	2008	Proceedings. The 11 th Vietnam - Japan Joint Symposium on Collaboration in Advanced Sciences and Technology, pp.57-58. 2013.	University of Science, Vietnam National University – Ho Chi Minh City
31.	Isolation and selection of feather-degrading aerobic bacteria from poultry processing plants in Cantho city	B.T.M Dieu & N.T.H. Tham*	2008	Proceedings. The 1st International Conference on Animal Production and Environment 88, pp.531-538. 2012.	Agricultural Publishing House. (ISBN: 978-604-60-0055-6)
32.	Testing of ethanol fermentation in sugarcane juice by thermotolerant yeasts	Ngo Thi Phuong Dung, Nguyen Huu Tuong* and Pham Hong Quang*	2008	Proceedings. The 5 th Satellite Seminar of JSPS-NRCT Asian Core Program, pp.18-20. 2012.	Can Tho University
33.	Khảo sát ảnh hưởng của nồng độ nitơ, phospho và acid citric lên việc tích lũy lipid ở tảo <i>nannochloropsis</i> sp.	Nguyễn Đan Vân* và Nguyễn Hữu Hiệp	2007	Proceedings. The Mekong Delta Conference of Biotechnology (ISBN 978-604-919-026-1), pp.395-401	Can Tho University Publishing House
34.	Study on fermentation conditions of thermo-tolerant ethanologenic bacteria.	Dung, N.T.P., Anh, B.D. Nguyen*, anh Phong X. Huynh. 2013.	2007	Science and Technology Journal of Agriculture and Rural Development 11, pp.58-64.	Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
35.	Tuyển chọn nấm men chịu nhiệt và chịu cồn ứng dụng trong lên men ethanol	Dung, N. T. P., N. V. Anh*, Pornthap Thanonkeo và H. X. Phong	2007	Tạp chí Nông nghiệp & Phát triển nông thôn 10, trang 51-56. 2012.	Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
36.	Sử dụng <i>Acetobacter</i> trong sản xuất thạch	Dung, N. T. P., L. T.	2006	Tạp chí Nông nghiệp & Phát triển nông thôn 14,	Bộ Nông nghiệp và Phát triển

STT	Tên công trình công bố	Tên tác giả	Thuộc khoá tuyển sinh	Tên tạp chí, Tuyển tập hội thảo, hội nghị	Nhà xuất bản (nếu có)
	dừa. or production of <i>Nata-de-coco</i>	Lin* và H. X. Phong		trang 57-62. 2012.	Nông thôn
37.	Sử dụng vi khuẩn acid lactic sinh <i>Bacteriocin</i> trong môi trường nước chua tàu hủ và hèm rượu	Dung, N. T. P., V. T. Yên* và H. X. Phong	2006	Tạp chí Nông nghiệp & Phát triển nông thôn 12, trang 56-62. 2012.	Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
38.	Application of indigenous <i>Bacillus subtilis</i> strain and absorbed materials for treating wastewater from pig slaughter-house	Nguyen Huu Hiep, Ngo Ngoc Hung, Do Kim Nhung*, Phan Nam Huan* and Tran Ngoc Ngoan*	2006	Proceedings of “The First International Conference on Animal Production and Environment”. 2012.	Agricultural Publishing House
39.	Morphological and genetic characteristics of Oyster mushrooms and conditions effecting on its spawn growing	Dung, N. T. P., Tuyen, D. B., and Quang*, P. H	2006	International Food Research Journal 19, pp.347-352. 2012.	University Putra Malaysia
40.	Selection and determination of cultural conditions for aerobic cellulose production bacteria on sugarcane bagasse	Truc* Nguyen Thi Thanh, Vo Van Song Toan, Duong Thi Huong Giang, Tran Nhan Dung	2006	Proceedings. Mekong Food Conference 2 nd . 2011.	Can Tho University
41.	Xác định hai loài ruồi đục quả chính <i>Bactrocera carambolae</i> , <i>Bactrocera tau</i> ở Đồng bằng sông Cửu Long dựa vào đa hình trình tự DNA ty thể	Lê Quốc Điền*, Bùi Ngọc Kim Ngân*, Trần Nhân Dũng	2006	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. 2011.	Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
42.	Phân lập và tuyển chọn vi khuẩn lactic có khả năng sinh chất kháng khuẩn	N.T.P. Dung, H.T. Y. Ly* và H. X. Phong	2006	Tạp chí Khoa học ĐHCT 19a, trang 176-184. 2011.	Trường Đại học Cần Thơ
43.	Phân lập, tuyển chọn nấm men và xác định điều kiện ảnh hưởng quy trình lên men rượu vang dưa hấu	N.T.P. Dung, L.H.L. Hương* và H. X. Phong	2006	Tạp chí Khoa học ĐHCT 18b, trang 137-145. 2011.	Trường Đại học Cần Thơ
44.	Khảo sát đặc tính hình thái và di truyền của nấm bào ngư và điều kiện nuôi cấy meo giống	N.T. Dung, Đ.B. Tuyền và P.H. Quang	2006	Tạp chí Khoa học ĐHCT 18b, trang 146-156. 2011.	Trường Đại học Cần Thơ
45.	Khảo sát mức đa bội thể của tập đoàn giống cây có múi ở Việt Nam bằng phương pháp dòng chảy tế bào (flow cytometry)	Nguyễn Vũ Linh, Nguyễn Xuân Phước*, Nguyễn Thị Ngọc Trâm*, Nguyễn Lê Duy Trung*, và Trần Nhân Dũng	2006	Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ. 2011.	Trường Đại học Cần Thơ
46.	Khảo sát hệ protein của một số giống lúa thơm ở Đồng bằng sông Cửu	Nguyễn Phương Diễm*, Nguyễn Thị Xuân Dung, Trần	2006	Kỷ yếu hội nghị Khoa học công nghệ tuổi trẻ các trường đại học và	Trường Đại học Cần Thơ

STT	Tên công trình công bố	Tên tác giả	Thuộc khoá tuyển sinh	Tên tạp chí, Tuyển tập hội thảo, hội nghị	Nhà xuất bản (nếu có)
	Long bằng kỹ thuật điện di	Nhân Dũng		cao đẳng khối Nông ngư lâm thủy toàn quốc lần thứ 5. 2011.	
47.	Đa dạng di truyền một số loại nấm ăn dựa trên trình tự ITS (interal transcribed spacer)	Trần Thanh Tâm*, Liễu Như Ý*, Trầm Thị Thanh Hương, Trần Nhân Dũng	2006	Kỷ yếu hội nghị Khoa học công nghệ tuổi trẻ các trường đại học và cao đẳng khối Nông ngư lâm thủy toàn quốc lần thứ 5. 2011.	Trường Đại học Cần Thơ
48.	Ứng dụng kỹ thuật PCR để phát hiện nhanh thực phẩm chứa GMO	N.V.Linh, T.N.Dũng, T.T.X. Mai, B.N.K.Ngân*, N.N.Q.Anh*, P.H. Thông*, P.V.Linh*	2006	Kỷ yếu hội nghị KHCN tuổi trẻ các trường đại học và CĐ khối Nông ngư lâm thủy toàn quốc lần thứ 5. 2011.	Trường Đại học Cần Thơ
49.	Khảo sát sự biểu hiện hệ protein của một số giống lúa kháng rầy ở ĐBSCL bằng kỹ thuật điện di hai chiều	Trần Nhân Dũng, Nhân Thị Thu Thủy*	2006	Kỷ yếu Hội nghị Công nghệ Sinh học toàn quốc khu vực phía Nam lần 2. 2011.	

(*) Sinh viên Chương trình Tiên tiến.

PHỤ LỤC 2

ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ ĐẠT ĐƯỢC CỦA TỪNG CTTT THEO MỤC TIÊU

(Theo Điều b khoản 1 Điều 1 của Quyết định số 1505/QĐ-TTg ngày 15/10/2008)

(Kèm theo công văn số 2671 /BGDĐT-GDDH ngày 23 / 5 / 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

CTTT: NGÀNH CÔNG NGHỆ SINH HỌC

Trường: ĐẠI HỌC CẦN THƠ

TT	Theo mục tiêu đến hết 2015 đối với cả Đề án	Kết quả đạt được của CTTT đến thời điểm hiện tại	Triển vọng đến kết thúc (2015)	Khó khăn, nguyên nhân, kiến nghị
1.	Triển khai ít nhất 30 CTTT	Đã đạt, 35 CTTT	Mở rộng thêm	
2.	Cả đề án có khoảng 4000 cử nhân, 600 thạc sĩ, tiến sĩ được đào tạo theo CTTT	- Cử nhân: 124 (27+26+43+28) - Thạc sĩ: 0 - Tiến sĩ: 0	- Cử nhân: 181 - Thạc sĩ: 10 - Tiến sĩ: 0	- Tạo điều kiện để SV xuất sắc đi học thạc sĩ, tiến sĩ ở nước ngoài
3.	Thu hút khoảng 3000 sinh viên quốc tế đến học tập và ít nhất 700 lượt cán bộ khoa học quốc tế đến giảng dạy, nghiên cứu tại các cơ sở đào tạo CTTT.	- Số lượt cán bộ khoa học quốc tế đến giảng dạy: 43 - Số SV quốc tế: 3	- Số lượt CBKHQT đến giảng dạy: 50 - Số SV quốc tế: 20	- SV quốc tế học một số TC và thực tập thông qua chương trình trao đổi SV các nước Đông Nam Á.
4.	Đào tạo được 1000 giảng viên đại học đạt chuẩn khu vực và quốc tế, 100% số giảng viên giảng dạy lý thuyết trong CTTT đạt trình độ tiến sĩ.	- GV bồi dưỡng: 12 - 90% GV dạy lý thuyết CTTT đạt trình độ tiến sĩ	- GV bồi dưỡng: 12 - 100% GV dạy lý thuyết CTTT đạt trình độ tiến sĩ	- Tiếp tục cử GV đi học nâng cao trình độ chuyên môn và ngoại ngữ.
5.	Bồi dưỡng 100 cán bộ quản lý giáo dục đại học được đào tạo, bồi dưỡng đạt chuẩn khu vực và quốc tế.	- CB QLGDĐH: 01	- CB QLGDĐH: 2	Đáp ứng yêu cầu quản lý GDĐH
18.	Có ít nhất 100 công trình khoa học trong các lĩnh vực, ngành CTTT được công bố trên các tạp chí khoa học có uy tín ở nước ngoài.	- Công trình KH tham dự hội thảo quốc tế: 5 (Mekong Food Conference; VN Biotechnology: growing the future 2008 & 2011)	- Công trình KH tham dự hội thảo quốc tế: 20	- Khuyến khích tạo điều kiện SV CTTT tham gia NCKH viết bài báo và tham dự hội thảo quốc tế.
19.	Có ít nhất 20 phòng thí nghiệm và 15 thư viện điện tử được đầu tư, hoàn thiện đạt chuẩn khu vực và quốc tế	- Phòng TN: mua bổ sung thiết bị cho PT hiện có. - Sách chuyên ngành bằng tiếng Anh: 450 - Sách, tài liệu điện tử liên quan đến CTTT: 100	- Phòng TN: sẵn có - Sách chuyên ngành bằng tiếng Anh: 450 - Sách, tài liệu điện tử liên quan đến CTTT: 100	- Phòng TN đáp ứng cho việc giảng dạy và học tập của SV CTTT

PHỤ LỤC 3

ĐÁNH GIÁ THEO TIÊU CHÍ XÁC ĐỊNH VÀ TRIỂN KHAI CTTT

(Theo quy định tại khoản 2 Điều 1 của Quyết định số 1505/QĐ-TTg ngày 15/10/2008)

(Kèm theo công văn số 2671/BGDĐT-GDDH ngày 23 / 5 / 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

CTTT: NGÀNH CÔNG NGHỆ SINH HỌC

Trường: ĐẠI HỌC CẦN THƠ

TT	Tiêu chí	Mức độ đạt được của CTTT	Những điểm không đạt, nguyên nhân
1.	Thiết kế trên cơ sở chương trình gốc, bổ sung các môn học bắt buộc	- 100% (CTTT ngành CNSH thiết kế dựa theo CT gốc có chỉnh sửa bổ sung cho phù hợp với ĐK của Việt Nam).	- Không có
2.	Chương trình gốc thuộc nhóm 200 trường đại học hàng đầu thế giới hoặc thuộc nhóm 20% những chương trình đào tạo tốt nhất quốc gia hoặc quốc tế; có nội dung tiên tiến, gắn với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của nước ta và phù hợp với năng lực triển khai thực hiện của trường.	- Chương trình gốc thuộc nhóm 26/100 Trường ĐH hàng đầu Hoa kỳ & Canada và chương trình đào tạo ngành CNSH hàng đầu của Hoa Kỳ. - Nội dung chương trình tiên tiến có điều chỉnh bổ sung cho phù hợp với điều kiện của Việt Nam.	- Không có
3.	Chương trình đào tạo được Bộ GD&ĐT phê duyệt; sau mỗi khóa, tổ chức đánh giá, điều chỉnh, bổ sung đáp ứng nhu cầu kinh tế - xã hội của Việt Nam và hội nhập quốc tế.	- Sau khóa 1, 2 và 3 (K32, K33, K34) có điều chỉnh từ 151 TC xuống còn 120 TC (giảm một số TC tiếng Anh, đưa vào AV tăng cường và giảm một số TC từ một số HP khác).	- Áp dụng cho khóa 4, 5 và 6: chương trình đào tạo 120TC. - Từ khóa 7 (K38): áp dụng CTĐT 151 TC (do Bộ phê duyệt).
4.	Giảng viên giảng dạy CTTT có trình độ thạc sĩ trở lên, có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và tiếng Anh đáp ứng yêu cầu; khoá đầu tiên, chủ yếu giảng viên nước ngoài giảng dạy; khoá tiếp theo, giảng viên trong nước dần đảm nhận.	- 90% giảng viên dạy CTTT có trình độ tiến sĩ, 10% Thạc sĩ 10%), tiếng Anh tốt. - Ba khóa đầu 1, 2 và 3, giảng viên nước ngoài dạy 40% số TC. - Các khóa tiếp theo GV nước ngoài đảm nhận 20%, còn lại GV của Trường giảng dạy.	- Trình độ ngoại ngữ của GV trong nước giữ ở mức giới hạn nhất định, cần tiếp tục mời giảng 1 số học phần để GV học tập phương pháp GD trao đổi tiếng Anh và tăng tính thu hút SV cho chương trình
5.	Cán bộ quản lý đào tạo CTTT có đủ năng lực chuyên môn, năng lực quản lý, trình độ tin học và tiếng Anh đáp ứng yêu cầu	- 100% CB quản lý CTTT, được tập huấn đáp ứng tốt công việc này một cách hiệu quả.	- Không có
6.	Sinh viên CTTT là những sinh viên trúng tuyển hệ đại học hệ chính quy; có trình độ tiếng Anh đáp ứng yêu cầu học tập; tự nguyện đăng ký và đóng học phí theo quy định của Trường.	- 100% SV CTTT ngành CNSH trúng tuyển hệ ĐH chính qui, trình độ tiếng Anh tốt đáp ứng yêu cầu học tập, SV tự nguyện đăng ký theo học và đóng học phí đầy đủ theo qui định của Trường	- Không có
7.	Thời gian đào tạo của một khoá học là từ 4,5 – 5,0 năm, năm đầu tăng cường tiếng Anh cho sinh	- Thời gian đào tạo 4,5 năm và năm Học kỳ đầu bồi dưỡng tăng cường tiếng Anh cho SV.	- Không có - Quy mô tuyển đầu vào

TT	Tiêu chí	Mức độ đạt được của CTTT	Những điểm không đạt, nguyên nhân
	viên; quy mô tuyển sinh khoảng từ 30 - 50 sinh viên và được mở rộng tăng dần tùy theo khả năng, điều kiện thực tiễn; bằng tốt nghiệp do trường cấp hoặc cả hai trường cùng cấp	<ul style="list-style-type: none"> - Quy mô tuyển sinh trung bình TB khoảng 30 SV (K1: 27; K2: 27; K3: 43; K4:30 và K5: 24, K6: 31; K7:32; K8:39 - Bằng tốt nghiệp do Trường ĐHCT cấp - Chứng chỉ xác nhận học CTTT do cả 2 trường ký. 	<ul style="list-style-type: none"> thuận lợi và ổn định với nguồn dồi dào. Tuy nhiên cũng có trở ngại nhỏ cho một vài trường hợp SV có gia đình kinh tế khó khăn. - Trường đối tác cấp đồng ý cấp thêm chứng nhận đã học ngành CNSH theo CTTT hợp tác với MSU.
8.	Đào tạo theo học chế tín chỉ; tổ chức cho sinh viên đánh giá môn học và giảng viên; nghiên cứu sử dụng phần mềm quản lý của trường đối tác; trường đối tác đánh giá CTTT, lập kế hoạch kiểm định, tiến tới sử dụng các tiêu chí kiểm định và đăng ký kiểm định CTTT với tổ chức đã kiểm định chương trình gốc.	<ul style="list-style-type: none"> - Đào tạo theo học chế tín chỉ - Sinh viên đánh giá môn học và giảng viên - Đã và đang đánh giá CTĐT CTTT theo tiêu chuẩn AUN năm nay 2014. 	<ul style="list-style-type: none"> - Chưa áp dụng phần mềm quản lý của trường đối tác (vì phần mềm hiện có tiên tiến). - Có kế hoạch hợp tác với Trường đối tác Sơ kết và đánh giá CTTT - Chưa đăng ký kiểm định CTTT với tổ chức đã kiểm định chương trình gốc. - Đã đăng ký và đang tiến hành đánh giá CTTT theo tiêu chuẩn AUN và có kết quả cuối năm nay 2014.
9.	Giảng viên dạy CTTT bảo đảm có tối thiểu 40% quỹ thời gian cho nghiên cứu khoa học; thành lập các nhóm nghiên cứu, tạo cơ chế để khuyến khích thực hiện hoạt động khoa học và công nghệ; hợp tác nghiên cứu với nước ngoài.	<ul style="list-style-type: none"> - GV dạy CTTT đáp ứng >40% quỹ thời gian cho nghiên cứu - Nhiều nhóm nghiên cứu với nhiều lĩnh vực khác nhau trong ngành CNSH 	<ul style="list-style-type: none"> - Khuyến khích tạo điều kiện cho GV CTTT tăng cường hợp tác nghiên cứu với nước ngoài.
10.	Trường chủ động nghiên cứu mô hình tổ chức, quản trị, cơ cấu tổ chức hội đồng trường và cách thức quản lý của trường đối tác để đưa ra được mô hình tổ chức và quản trị phù hợp, áp dụng hiệu quả vào điều kiện thực tế của Trường	<ul style="list-style-type: none"> - Trường chủ động từng bước nghiên cứu và áp dụng từng phần về cách thức tổ chức, quản lý tiên tiến của trường đối tác 	<ul style="list-style-type: none"> - Chỉ nghiên cứu và áp dụng từng phần nếu phù hợp với điều kiện của Việt Nam

PHỤ LỤC 4

ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CTTT ĐẾN HOẠT ĐỘNG CỦA NHÀ TRƯỜNG

(Kèm theo công văn số 2671 /BGDDĐT-GDDH ngày 23 / 5 / 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

CTTT: NGÀNH CÔNG NGHỆ SINH HỌC

Trường: ĐẠI HỌC CẦN THƠ

Một số nội dung gợi ý về đánh giá tác động của việc triển khai CTTT đối với các hoạt động của trường so với thời điểm bắt đầu triển khai CTTT

(Tuỳ theo điều kiện cụ thể của từng trường, có thể lập bảng hoặc diễn giải về các nội dung phù hợp, đã có kết quả thật sự do tác động của việc triển khai CTTT)

1. Phát triển đội ngũ giảng viên, CBQL tham gia CTTT so với thời điểm bắt đầu CTTT: 12
 - Số TS, ThS tăng thêm: 12
 - Số GV được bồi dưỡng ở Trường Đối tác: 9
 - Số GV bồi dưỡng ở nước ngoài (khác Trường ĐT): 10 (3 post Doc; 6TS; 1 ThS)
 - Số trợ giảng tăng thêm: 20
 - Số CBQL được bồi dưỡng Trường Đối tác: 1
 - Số CBQL bồi dưỡng ở nước ngoài (khác Trường ĐT): 2 (BD chuyên môn)
 - Số cố vấn học tập tăng thêm: 9
2. Phát triển đội ngũ giảng viên, CBQL của ngành khác trong trường nhờ có việc triển khai CTTT:
 - Số GV được bồi dưỡng ở nước ngoài: 2
 - Số trợ giảng: 0
 - Số CBQL được bồi dưỡng ở nước ngoài: 0
 - Số cố vấn học tập: 9
3. Phát triển cơ sở vật chất phục vụ CTTT so với thời điểm bắt đầu CTTT:
 - Số phòng thí nghiệm, thực hành, thực tập: 0 (chỉ bổ sung thiết bị các PTN hiện có)
 - Giá trị trang thiết bị chính: 3 tỉ
 - Phòng thông tin/đọc cho CTTT (m²): 50
 - Phòng dành cho CTTT: 07 (4 P.học, 1 P.GV; 1 P.Seminar; 1 VP)
 - Giáo trình, tài liệu: 350 (giáo trình & sách)
 - Phần mềm quản lý: 1
 - Phòng máy tính: 2
4. Tác động đến việc phát triển cơ sở vật của chung toàn trường:
 - Quan điểm về phát triển cơ sở vật chất: cần trang bị thêm phục vụ đào tạo trình độ cao chuẩn quốc tế như CTTT, từng bước hoàn thiện các phòng thí nghiệm hiện đại.
 - Trang thiết bị thí nghiệm, thực hành, thực tập: trang thiết bị ngày càng hiện đại, tăng cường thực hành và NCKH trong sinh viên và giảng viên như theo yêu cầu CTTT.
 - Hạ tầng thông tin: tiếp tục nâng cấp hạ tầng thông tin của Trường; luôn cập nhật và hiện đại đáp ứng nhu cầu như CTTT liên lạc học tập qua mạng với trường đối tác.
 - Giáo trình, tài liệu: tăng cường biên soạn Giáo trình hằng năm, bổ sung nhiều sách và tạp chí KH, sách chuyên ngành bằng Tiếng Anh.
 - Phần mềm quản lý: tiếp tục xây dựng phần mềm trong quản lý của Trường tiện ích và hiệu quả cao.
5. Tác động đến việc phát triển chương trình đào tạo của các ngành khác trong trường:
 - Từ kết quả của CTTT, trường đã có kế hoạch rà soát đánh giá CTĐT, xây dựng lại CTĐT 140 TC (tương đương CTTT) áp dụng từ HKI năm học 2014-2015
 - Cách thức phát triển CTĐT: Theo chuẩn CTTT CNSH, 120TC chuyên môn /4 năm (original) +20TC các môn cứng như: KH chính trị, GD Quốc phòng, GD thể chất, và Anh văn.
 - Đã có thực hiện đánh giá theo chuẩn AUN.

<ul style="list-style-type: none"> - Kiến thức hiện đại, cập nhật: cập nhật thường xuyên - Tỷ lệ thực hành/lý thuyết: tăng tỉ lệ thực hành - Phát triển các kỹ năng: bổ sung giảng dạy kỹ năng cho SV - Hình thành thái độ của sinh viên: tích cực, năng động, tư duy. - Mức độ thích hợp với thực tiễn sản xuất Việt Nam: đáp ứng yêu cầu ngày càng phát triển và đáp ứng yêu cầu thực tiễn của Xã hội.
<p>6. Tác động đến tổ chức và quản lý đào tạo của trường:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức đào tạo theo tín chỉ: ĐHCT đã áp dụng trước triển khai CTTT 100%, ngày càng hoàn thiện hơn; - Hiệu quả trong tổ chức và quản lý đào tạo: ngày càng cải tiến; - Bố trí giảng viên, trợ giảng: phù hợp; - Cung cấp nguồn học liệu và dịch vụ sinh viên: phong phú; - Đánh giá học phần, đánh giá giảng viên: thực hiện đầy đủ; - Quản lý quá trình dạy - học: triển khai thực hiện nghiêm túc, công bằng, chính xác; - Đánh giá giảng viên: trong quá trình giảng dạy và kết thúc học phần; - Mở thêm CTTT mới bằng nguồn kinh phí của Trường: 2015 bắt đầu triển khai tư kinh phí đề án Ngoại ngữ 2020.
<p>7. Tác động đến hoạt động khoa học và công nghệ của trường:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kết nối đào tạo với nghiên cứu khoa học và thực tế nghề nghiệp: kết hợp nối doanh nghiệp đưa SV CTTT xuống thực tế, thực tập tại cơ sở; - Nghiên cứu khoa học của giảng viên: tăng về số lượng và chất lượng, một số đề tài dự án thông qua trường đối tác; - Nghiên cứu khoa học của sinh viên: CTTT hình thành nhiều nhóm SV tham gia NCKH từ năm 3, nhiều công trình KH có SV CTTT tham gia đã được ông bố trong và ngoài nước; - Hợp tác nghiên cứu khoa học và triển khai: hợp tác NCKH ngày càng tăng.
<p>8. Tác động đến hợp tác quốc tế của trường:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số chương trình, dự án ... hợp tác quốc tế: 02 - Liên kết đào tạo quốc tế: chưa - Hợp tác nghiên cứu khoa học quốc tế: 02 - Trao đổi giảng viên (giảng viên nước ngoài đến giảng dạy, giảng viên của trường đi giảng dạy ở nước ngoài): - Trao đổi sinh viên: 6 lượt (1 với MSU và 6 với trường ĐH Yamaguchi-Nhật) - Hợp tác tổ chức hội nghị, hội thảo khoa học; - Liên kết thư viện, trao đổi thông tin khoa học, tài liệu:
<p>9. Tác động đến huy động nguồn lực tài chính:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phát triển các nguồn tài chính ngoài NSNN trong tổng thu (học phí, đóng góp của Trường, tài trợ): Học phí CTTT gấp 1,5 lần học phí của chương trình khác; ngoài ra còn có sự hỗ trợ kinh phí NCKH từ công ty; Học bổng từ công ty và các tổ chức cá nhân khác. - Xác định chi phí đơn vị theo chất lượng đào tạo; định mức học phí theo ngành đào tạo: Chất lượng đào tạo là mục tiêu quan trọng của CTTT nhằm tạo nguồn nhân lực chất lượng cao. Định mức học phí tùy theo ngành đào tạo.
<p>10. Tác động đến chất lượng đào tạo của trường: kết quả học tập; cơ hội việc làm/học tiếp; năng lực SV trong làm việc/học tiếp; hiệu quả đóng góp nguồn nhân lực chất lượng cao; hiệu quả kết nối đào tạo – NCKH – doanh nghiệp; đánh giá của cơ quan sử dụng lao động đối với cựu sinh viên tốt nghiệp: CTTT tác động mạnh chất lượng đào tạo: năng lực sinh viên nâng cao hơn, khả năng ngoại ngữ, giao tiếp tốt, nguồn lực cho đào tạo thạc sĩ và tiến sĩ ở nước ngoài tốt; tác động mạnh đến NCKH, tham gia hội nghị, hội thảo; giao lưu sinh viên quốc tế. Cơ hội việc làm/học tiếp của SV CTTT cao</p>

hơn hẳn chương trình đại trà cùng ngành.

11. Tác động đến hoạt động kiểm định và đảm bảo chất lượng trong nhà trường: đảm bảo chất lượng của CTTT và các ngành đào tạo khác; việc lập kế hoạch kiểm định; công tác chuẩn bị, lựa chọn tổ chức kiểm định; các hoạt động triển khai; kết quả đạt được, dự kiến tiếp theo:

Kế hoạch kiểm định CTTT-CNSH đã và đang thực hiện, 10/2014 đoàn đánh giá ngoài sẽ đến ĐHCT để đánh giá, hiện tại đang hoàn thiện báo cáo và minh chứng cho kiểm định AUN.

PHỤ LỤC 5

Tổng hợp so sánh phát triển của CTTT so với bắt đầu triển khai/chương trình đại trà

Chương trình tiên tiến: CÔNG NGHỆ SINH HỌC

(Kèm theo công văn số 2671 /BGDDĐT-GDDH ngày 23 / 5 / 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

TT	Nội dung so sánh phát triển <i>(có thể xem xét một số gợi ý kèm theo)</i>	TĐ bắt đầu CTTT hoặc Chương trình đại trà	Giá trị tăng thêm (số lượng, chất lượng, chi phí)
1.	Phát triển đội ngũ giảng viên, CBQL so với thời điểm bắt đầu CTTT: - Số TS, ThS tăng thêm; - Số GV được bồi dưỡng ở Trường Đối tác - Số GV bồi dưỡng ở nước ngoài (khác Trường ĐT) - Số trợ giảng tăng thêm - Số CBQL được bồi dưỡng Trường Đối tác - Số CBQL bồi dưỡng ở nước ngoài (khác Trường ĐT) - Số cố vấn học tập tăng thêm	12 0 0 0 0 0 06	12 09 10 (3 post Doc; 6TS; 1 ThS) 20 01 02 (BD chuyên môn) 06
2.	Phát triển cơ sở vật chất tăng thêm so với thời điểm bắt đầu CTTT: - Số phòng thí nghiệm, thực hành, thực tập - Giá trị trang thiết bị chính - Phòng thông tin/đọc cho CTTT (m ²) - Phòng dành cho CTTT - Giáo trình, tài liệu - Phần mềm quản lý ...	09 37 tỉ (dự án CNSH) 0 0 100 (giáo trình & sách) 01(chung cả trường)	0 (chỉ bổ sung thiết bị vào PTN) 3 tỉ (kinh phí CTTT) 50 07 (4 P.học, 1 P.GV; 1 P.Seminar; 1 VP) 350 (giáo trình & sách) 01
3.	Chương trình đào tạo so với chương trình đại trà - Số lần phối hợp với Đối tác rà soát đánh giá CTĐT - Kiến thức hiện đại, cập nhật - Tỷ lệ thực hành/lý thuyết - Phát triển các kỹ năng - Hình thành thái độ của sinh viên - Mức độ thích hợp với thực tiễn sản xuất Việt Nam ...	- 0 - Đạt chuẩn đầu ra - Nhóm thực hành - Chưa tốt - Chưa tốt - Đáp ứng chuyên môn	-Phối hợp với Đối tác rà soát CTTT 2007. Luôn cập nhật kiến thức thông qua GS mời giảng MSU. 1400 TT/3390 LT = 41% Các kỹ năng SV CTTT được phát triển hơn (tư duy, thuyết trình, giao tiếp, NCKH, Ngoại ngữ, làm việc nhóm,..) SV thích nghi tốt với thực tiễn SX VN
4.	Tổ chức và quản lý đào tạo so với chương trình đại trà: - Tổ chức đào tạo theo tín chỉ - Hiệu quả trong tổ chức và quản lý đào tạo - Bố trí giảng viên, trợ giảng - Cung cấp nguồn học liệu và dịch vụ sinh viên - Đánh giá học phần, đánh giá giảng viên - Quản lý quá trình dạy - học	- Từng bước hoàn thiện - ThS & TS - Tương đối - Phiếu đánh giá của SV - Đảm bảo đủ thời lượng HP	-Tổ chức đào tạo theo tín chỉ trên cơ sở phát triển cái đã có trước; Hiệu quả trong TC&QL đào tạo tăng lên thông qua chất lượng SV ra trường; Bố trí giảng viên, trợ giảng phù hợp; Cung cấp đầy đủ nguồn học liệu và dịch vụ sinh viên; Thực hiện đánh giá học phần, đánh giá GV; Quản lý quá trình dạy - học chặt chẽ.
5.	Giảng dạy của giảng viên nước ngoài, giảng viên Việt Nam: số lượng, chất lượng, phương pháp giảng dạy, cung cấp học liệu, quản lý sinh viên ngoài giờ lên lớp, triển vọng GV Việt Nam	- Từng bước hoàn thiện và trang thiết bị đầy đủ - GV chưa được bồi dưỡng nhiều ở trường	Giảng dạy của giảng viên nước ngoài, giảng viên Việt Nam đạt về số và chất lượng, tài liệu

TT	Nội dung so sánh phát triển (có thể xem xét một số gợi ý kèm theo)	TD bắt đầu CTTT hoặc Chương trình đại trà	Giá trị tăng thêm (số lượng, chất lượng, chi phí)
	thay thế GV nước ngoài ...	đôi tác.	học tập đa dạng, phong phú; 01 giờ học ở lớp phải có 2 giờ học (nhóm, bài tập,..) ở nhà. GV Việt nam có thể thay thế GV nước ngoài.
6.	Tài chính: hiệu quả chi từ nguồn NSNN cho phát triển CTTT; tỷ lệ phát triển các nguồn tài chính ngoài NSNN trong tổng thu (học phí, đóng góp của Trường, tài trợ); khả năng phát triển bền vững sau khi hết NSNN; cụ thể số tiền “nhập mua” CTTT (chương trình đào tạo).	- Chủ yếu nguồn NSNN	- Đã dần dần đảm bảo tự chủ tài chính (học phí, đóng góp của Trường, tài trợ), trong đó vẫn đảm bảo mời 3-4 GV/năm học). ĐHTC tuân thủ quy định chi tiêu CTTT, chi thù lao cho GV, CBQL, và công tác chuyên môn không cao. Chính vì thế có thể duy trì CTTT sau khi hết tài trợ từ Bộ, Nhà nước. - CTTT-CNSH Không có chi tiền nhập mua CTTT (chương trình đào tạo).
7.	Chất lượng đào tạo so với chương trình đại trà: kết quả học tập; cơ hội việc làm/học tiếp; năng lực SV trong làm việc/học tiếp; hiệu quả đóng góp nguồn nhân lực chất lượng cao; hiệu quả kết nối đào tạo – NCKH – doanh nghiệp ...	- Tuyển sinh	Chất lượng đào tạo được Gs trường đôi tác và ở ĐNÁ đánh giá rất tốt (thể hiện qua LVTN, báo cáo, việc làm, du học); cơ hội việc làm/học tiếp SV CTTT cao hơn ; năng lực SV trong làm việc, NCKH cao hơn.
8.	Hợp tác quốc tế so với chương trình đại trà: Trao đổi giảng viên/sinh viên; hợp tác đào tạo, nghiên cứu khoa học, đánh giá CTĐT; phát triển thêm các đối tác quốc tế khác ...	- Bình thường	Có 2 đề tài NCKH với đối tác. Phát triển thêm mối quan hệ với các đối tác quốc tế khác thông qua mời GS sang giảng dạy. Hợp tác quốc tế tăng, trao đổi GV và SV tăng, hướng phát triển HTQT tăng (Thái Lan, Nhật,..)
9.	Tác động lan toả của CTTT so với bắt đầu triển khai: Phát triển CTĐT, PPGD, phổ biến kiến thức, tổ chức và quản lý đào tạo, phát triển CTTT khác ...	- Chuẩn bị	- Có ít nhất 6 ngành sẽ được triển khai vào năm 2015. - Tác động lan toả của CTTT phần nào đã có và được thể hiện thông qua áp dụng PPGD và phổ biến kiến thức, tổ chức và quản lý đào tạo.. cho chương trình đại trà.
10.	Kiểm định CTTT: Việc lập kế hoạch; công tác chuẩn bị, lựa chọn đối tác; các hoạt động triển khai; kết quả đạt được, dự kiến tiếp theo ...	- chuẩn bị	Kiểm định đánh giá ngoài AUN vào tháng 10/2014

BẢNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ CTTT NĂM 2014

(Dành cho các chương trình tiên tiến Pha 1, 2)

Chương trình tiên tiến: Công nghệ Sinh học

Trường thực hiện: Đại Học Cần Thơ

Chú ý: - Tổng số tối đa là 100 điểm;

- Câu hỏi lựa chọn: chọn điểm theo tiêu chí đúng;

- Câu hỏi có/không: nếu có cho theo điểm chuẩn hoặc một phần điểm chuẩn.

TT	Tiêu chí	Điểm chuẩn	Trường chấm	Bộ chấm
1	Quan hệ với Trường đối tác (có/không, lựa chọn)	6	2	
1.1	Hợp tác rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo	1	1	
1.2	Trao đổi giảng viên CTTT sang giảng dạy ở Trường đối tác: - Từ 1- 3 giảng viên - Trên 3 giảng viên	1 2		
1.2	Trao đổi sinh viên CTTT với SV Trường đối tác (hai chiều): - Từ 1 – 5 sinh viên - Trên 5 sinh viên	1 2		
1.3	Có điều phối viên của Trường đối tác	1	1	
2	Xây dựng cơ sở vật chất (có/không)	8	8	
2.1	Phòng thí nghiệm, thiết bị thực hành cơ bản đáp ứng yêu cầu	3	3	
2.2	Lớp học với các trang thiết bị cơ bản đáp ứng yêu cầu giảng dạy	1	1	
2.3	Có phòng chờ cho GV, phòng hội thảo	1	1	
2.4	Có phòng sách, tài liệu riêng cho CTTT	2	2	
2.5	Có phòng trao đổi học thuật cho SV	1	1	
3	Tuyển sinh (có/không, lựa chọn)	8	6	
3.1	Quy trình tuyển sinh đảm bảo tuyển đúng đối tượng, đúng mục tiêu của CTTT, không xảy ra khiếu kiện	2	2	
3.2	Số lượng sinh viên được tuyển chọn vào học CTTT (lựa chọn) - Trong khoảng 20-30 sinh viên/1 khóa - Trên 30 sinh viên/1 khóa	1 2	2	
3.3	Đã tuyển được sinh viên nước ngoài	2		
3.4	Đã tuyển sinh và tổ chức đào tạo liên tục các khoá đến 2014	2	2	
4	Xây dựng đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý (lựa chọn)	7	4	

TT	Tiêu chí	Điểm chuẩn	Trường chấm	Bộ chấm
4.1	Tổng số giảng viên đã tập huấn ở Trường đối tác: - Trên 15 – 20 người - Trên 20 người	1 2	1	
4.2	Tổng số cán bộ quản lý đã tập huấn ở Trường đối tác: - Từ 6- 9 người - Trên 9 người	1 2		
4.3	Tỷ lệ % giảng viên cơ hữu đã đảm nhận môn học thay thế GV Trường đối tác trong CTĐT và được đánh giá đảm bảo yêu cầu - Trên 40 – 50% - Từ 50– 60% - Trên 60% - 70%	1 2 3	3	
5	<i>Tổ chức và quản lý đào tạo (có/không, lựa chọn)</i>	16	15	
5.1	Giảng dạy bằng tiếng Anh (trừ môn q.định dạy bằng tiếng Việt): - Các môn lý thuyết trên lớp - Các môn thực hành	1 1	1 1	
5.2	Cung cấp đủ giáo trình, tài liệu học tập cho sinh viên	1	1	
5.3	Bố trí đủ trợ giảng và hệ thống trợ giảng hoạt động hiệu quả	1	1	
5.4	Hệ thống cố vấn học tập, tư vấn sinh viên đủ, hoạt động hiệu quả	1	1	
5.5	Thực hiện mời GV trường đối tác 2013 -2014 (<i>lựa chọn</i>): - Từ 2 – 4 Giảng viên - Trên 4 Giảng viên	1 2	1	
5.6	Giảng viên nước ngoài (ngoài Trường đối tác) đã đến giảng dạy CTTT (trừ tăng cường tiếng Anh) (<i>lựa chọn</i>): - Từ 2 – 5 giảng viên - Trên 5 giảng viên	1 2	2	
5.7	Có môn học theo dự án (Capstone Education)	1	1	
5.8	Đội ngũ CBQL đủ, hoạt động hiệu quả, không xảy ra khiếu kiện	2	2	
5.9	Tổ chức cho sinh viên đánh giá GV và xử lý kết quả	1	1	
5.10	Đã tổ chức sinh hoạt giao lưu: - Với giảng viên, sinh viên CTTT với các trường trong nước - Với cán bộ quản lý, giảng viên và sinh viên nước ngoài	1 2	1 2	
6	<i>Kết quả học tập và tốt nghiệp của sinh viên CTTT (lựa chọn)</i>	6	6	
6.1	Kết quả học tập TB các lớp chưa tốt nghiệp đạt khá trở lên: - Từ 50 đến 65 %	1		

TT	Tiêu chí	Điểm chuẩn	Trường chấm	Bộ chấm
6.2	- Trên 65 - 90 %	2	3	
	- Trên 90%	3		
	Kết quả tốt nghiệp từ khá trở lên:	1		
	- Từ 50 đến 70 %	2		
	- Trên 70 - 90 %	3		
	- Trên 90%	3	3	
7	Kiểm định chương trình tiên tiến	10	10	
7.1	Lập kế hoạch rõ ràng về đánh giá và kiểm định CTTT;	1	1	
7.2	Đã hợp tác với trường đối tác đánh giá CTTT	3	3	
7.3	Triển khai kiểm định với tổ chức kiểm định quốc tế	2	6	
	- Đã tiếp xúc và ký thoả thuận với tổ chức kiểm định để KD CTTT			
	- CTTT đã được kiểm định			
		6	6	(10/2014)
8	Ý kiến giảng viên và sinh viên đánh giá về CTTT (có/không)	7	7	
8.1	Ý kiến của giảng viên:	1	1	
	- Bố trí thời khoá biểu hợp lý để chuẩn bị và giảng dạy			
	- Công khai chế độ tài chính			
8.2	- Cung cấp đủ các điều kiện để triển khai bài giảng theo yêu cầu của Chương trình đào tạo.	1	1	
	Ý kiến của sinh viên:	1	1	
	- Trình độ tiếng Anh của giảng viên đáp ứng yêu cầu			
	- Phương pháp giảng dạy của GV đã đáp ứng yêu cầu			
- Mời GV nước ngoài đúng chuyên môn, giảng có hiệu quả				
	- Tạo điều kiện tiếp xúc doanh nghiệp, tư vấn việc làm	1	1	
9	Nghiên cứu khoa học của sinh viên CTTT (có/không, lựa chọn)	7	7	
9.1	Triển khai các nhóm nghiên cứu sinh viên (có/không)	2	2	
9.2	Nghiên cứu có SV CTTT tham gia được công bố trong nước:	1	3	
	- Từ 2 - 5 công trình			
	- Từ 6- 10 công trình			
	- Trên 10 công trình	2	3	
9.3	Nghiên cứu có SV CTTT tham gia được công bố ngoài nước:	1	2	
	- Từ 1 – 2 công trình			
	- Trên 2 công trình	2	2	

TT	Tiêu chí	Điểm chuẩn	Trường chấm	Bộ chấm
10	Lan tỏa của CTTT trong trường (có/không, lựa chọn)	7	2	
10.1	Tự túc triển khai ngành khác theo cách thức CTTT, đã được Bộ phê duyệt và kiểm soát quá trình tổ chức và quản lý đào tạo	3		
10.2	Lan tỏa CTTT sang Ch trình cùng ngành, nhưng bằng Tiếng Việt	2	2	
10.3	Áp dụng một số môn học sang các chương trình đại trà	2		
11	Việc làm/học tiếp trong 1 năm sau tốt nghiệp (lựa chọn)	6	6	
11.1	Được học bổng học tiếp bậc cao hơn ở nước ngoài:			
	- Từ 1 – 4 người	1		
	- Từ 5 – 8 người	2		
	- Trên 8 người	3	3	
11.2	Có việc làm/học tiếp ở trong nước trong số còn lại			
	- Từ 50 đến 70 %	1		
	- Trên 70 - 90 %	2		
	- Trên 90%	3	3	
12	Đảm bảo tài chính (lựa chọn, có/không)	12	12	
12.1	Thu học phí cân đối với đóng góp của trường, các nguồn tài trợ khác đảm bảo bù chi phí đào tạo và phát triển CTTT bền vững	3	3	
12.2	Giải ngân năm 2013-2014 trên 90% khoản hỗ trợ từ NSNN	2	2	
12.3	Nguồn tài chính của Trường, từ doanh nghiệp và các nguồn khác đủ để triển khai đào tạo CTTT các khóa 5, 6 (lựa chọn):			
	- Từ 40 đến 55%	2		
	- Trên 55 – 70%	4		
	- Trên 70%	7	7	
Tổng số		100	85	

PHỤ LỤC 6

(Kèm theo công văn số 2671 /BGDDĐT-GDDH ngày 23 / 5 / 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

CÁC TÀI LIỆU CẦN CHUẨN BỊ CHO ĐOÀN KIỂM TRA

1. Đề án đăng ký đào tạo CTTT của trường.
2. Báo cáo tình hình thực hiện CTTT của Trường (mẫu kèm theo).
3. Văn bản thoả thuận hợp tác đào tạo với trường đối tác.
4. Các văn bản qui định dành riêng cho đào tạo CTTT.
5. Kế hoạch bồi dưỡng cán bộ quản lý và giảng viên trong quá trình triển khai CTTT về chuyên môn, nghiệp vụ, tiếng Anh (cả trong và ngoài nước).
6. Quyết định thành lập Ban Chỉ đạo (nếu có), BQL CTTT hiện tại.
7. Chương trình đào tạo đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt.
8. Chương trình đào tạo đã được cập nhật, phát triển trong quá trình triển khai.
9. Kế hoạch đào tạo trong năm 2013, 2014.
10. Thời khóa biểu năm học 2013 - 2014.
11. Các đánh giá về CTTT theo mẫu trong phụ lục 2, 3, 4, 5.
12. Bảng tự cho điểm đánh giá CTTT